

CÔNG TY CỔ PHẦN  
TẬP ĐOÀN PC1  
PCI GROUP  
JOINT STOCK COMPANY

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom – Happiness

Số: 0333 / CBTT-PC1  
No: 0333 / CBTT-PC1

Hà Nội, ngày 19 tháng 04 năm 2024  
Hanoi, April 19 2024

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ**  
**ORDINARY INFORMATION DISCLOSURE**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh  
To: *The State Securities Commission*  
*Hochiminh Stock Exchange*

1. Tên tổ chức/*Name of organization*: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PC1/ *PCI GROUP JOINT STOCK COMPANY*

- Mã chứng khoán/*Stock code*: PC1

- Địa chỉ trụ sở chính/*Head office address*: Số 18 Lý Văn Phúc, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, TP Hà Nội, Việt Nam/ *18 Ly Van Phuc, Cat Linh Ward, Dong Da District, Hanoi, Vietnam*

- Địa chỉ giao dịch/*Address*: Số 583 đường Nguyễn Trãi, Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội, Việt Nam/ *583 Nguyen Trai Street, Thanh Xuan District, Hanoi, Vietnam*

- Điện thoại/*Tel.*: 024 3734 3060

- Fax: 024 3823 1997

- Email: [cbtt@pc1group.vn](mailto:cbtt@pc1group.vn)

2. Nội dung thông tin công bố/ *Contents of disclosure*:

Báo cáo thường niên năm 2023 / *Annual report 2023*.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày

19 /04/2024 tại đường dẫn: <http://pc1group.vn> / *This information was published on the company's website on 19 /04/2024, as in the link <http://pc1group.vn>*



Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố. /We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.

**Đại diện tổ chức**  
**Organization representative**  
**Người được ủy quyền CBTT**  
**Person authorised to disclose information**





CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PC1



# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2023

*Tiên phong công nghệ, tăng trưởng bền vững*







# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2023

## MỤC LỤC

|     |   |
|-----|---|
| 05  | Danh mục viết tắt   |
| 06  | Thông điệp của Chủ tịch HĐQT                                  |
| 08  | Thông điệp của Tổng giám đốc                                  |
| 10  | Điểm nhấn 2023  |
| 11  | Giải thưởng tiêu biểu   |
| 12  | Tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi                            |
| 13  | <b>Tổng quan PC1 Group</b>                                    |
| 14  | Thông tin chung   |
| 16  | Quá trình hình thành và phát triển                            |
| 18  | Địa bàn kinh doanh  |
| 19  | Ngành nghề kinh doanh   |
| 24  | Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh                          |
| 26  | Giới thiệu Ban lãnh đạo                                       |
| 32  | Các công ty con, công ty liên kết                             |
| 35  | Định hướng phát triển   |
| 37  | Quản trị rủi ro   |
| 41  | <b>Tình hình hoạt động năm 2023</b>                           |
| 42  | Tình hình hoạt động SXKD năm 2023                             |
| 44  | Tình hình hoạt động SXKD từng lĩnh vực                        |
| 46  | Tình hình đầu tư, thực hiện dự án                             |
| 50  | Tình hình tài chính   |
| 52  | Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu            |
| 57  | <b>Báo cáo của Ban Tổng giám đốc</b>                          |
| 58  | Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh                         |
| 60  | Tình hình tài chính   |
| 61  | Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý         |
| 62  | Kế hoạch phát triển trong tương lai                           |
| 65  | <b>Báo cáo của Hội đồng quản trị</b>                          |
| 66  | Đánh giá hoạt động của HĐQT về các mặt hoạt động của Tập đoàn |
| 72  | Đánh giá hoạt động của HĐQT về hoạt động của Ban TGD Tập đoàn |
| 72  | Các kế hoạch, định hướng của HĐQT                             |
| 77  | <b>Quản trị công ty</b>                                       |
| 78  | Hội đồng quản trị   |
| 82  | Ban kiểm soát   |
| 83  | Các giao dịch, thù lao và các lợi ích của HĐQT, Ban TGD, BKS  |
| 89  | Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty      |
| 93  | <b>Phát triển bền vững</b>                                    |
| 112 | <b>Báo cáo tài chính</b>                                      |



## DANH MỤC VIẾT TẮT

|           |  |
|-----------|--|
| ATLĐ      | An toàn lao động   |
| BKS       | Ban Kiểm soát  |
| BCTC      | Báo cáo tài chính  |
| CBNV      | Cán bộ nhân viên   |
| CTCP      | Công ty cổ phần  |
| ĐZ        | Đường dây  |
| EPC       | Engineering - Procurement - Construction (Hợp đồng thiết kế - cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình) |
| FIT       | Feed-in-tariff (cơ chế chính sách khuyến khích phát triển các nguồn năng lượng tái tạo)                                    |
| ĐHĐCĐ     | Đại hội đồng cổ đông   |
| EVN       | Tập đoàn Điện lực Việt Nam   |
| GDP       | Tổng sản phẩm quốc nội   |
| HĐQT      | Hội đồng quản trị  |
| NMĐG      | Nhà máy Điện Gió   |
| PC        | "Procurement - Construction (hợp đồng tổng thầu cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình)"              |
| PC1       | Mã chứng khoán CTCP Tập đoàn PC1   |
| PC1 Group | CTCP Tập đoàn PC1  |
| QLDA      | Quản lý dự án  |
| ROA       | Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản  |
| ROE       | Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu  |
| SXKD      | Sản xuất kinh doanh  |
| TBA       | Trạm biến áp   |
| TGD       | Tổng Giám đốc  |
| TNDN      | Thu nhập doanh nghiệp  |
| VCSH      | Vốn chủ sở hữu   |

# CHỦ TỊCH HỘ ĐỢT

## THÔNG điệp CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



2023

Kính gửi Quý khách hàng, Quý đối tác và Quý cổ đông kính mến!

Lời đầu tiên, tôi muốn bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc với sự đồng hành, hợp tác, hỗ trợ to lớn và quý báu của Quý vị luôn dành cho Công ty cổ phần Tập đoàn PC1 thời gian qua!

Nhìn lại năm 2023, tôi rất vui và đánh giá tích cực về sự đồng hành tin cậy, cùng sự hợp tác giúp đỡ của Quý vị trong bối cảnh kinh tế xã hội toàn cầu diễn biến phức tạp, với nhiều phát sinh không thuận lợi. Việt Nam đã vượt lên những khó khăn thách thức, phát triển kinh tế xã hội đã đạt được những kết quả tích cực.

Năm 2023 đánh dấu cột mốc vô cùng quan trọng đối PC1, Tập đoàn mục tiêu kiến tạo những giá trị mới nhân kỷ niệm 60 năm ngày thành lập, một mốc thời gian quan trọng và hết sức ý nghĩa trong chặng đường dài xây dựng và phát triển của PC1. Tôi đặc biệt ghi nhận và đánh giá cao Ban Lãnh đạo cùng đội ngũ PC1 đã luôn đổi mới sáng tạo, tin cậy và công hiến, tiếp tục hoạch định chiến lược phát triển dài hạn, thích nghi với diễn biến kinh tế trong bối cảnh mới.

Mọi hoạt động của Tập đoàn đều xuyên suốt hướng đến hiện thực hóa Tầm nhìn trở thành công ty giải pháp và đầu tư chuyên nghiệp về Năng lượng tái tạo và Công nghiệp xanh, thông minh thuộc Top dẫn đầu Việt Nam. PC1 tự hào với những nỗ lực đóng góp trong kinh doanh và hoạt động xã hội, trách nhiệm cộng đồng năm 2023 vừa qua đã được các Tổ chức uy tín trong nước và Quốc tế vinh danh, trao tặng các giải thưởng:

Top 500 doanh nghiệp lớn nhất năm 2023; Lần thứ tư trong Top 50 công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam năm 2023 - Forbes;

Top 100 thương hiệu mạnh và giá trị nhất Việt Nam do Brand Finance công bố;

Top 20 Báo cáo thường niên tốt nhất - Nhóm ngành phi tài chính;

Lần thứ hai liên tiếp nhận giải thưởng “Nơi làm việc tốt nhất Châu Á”.

Triển khai kế hoạch năm 2024, PC1 chờ đón cơ hội mới trong bối cảnh kinh tế thế giới đã kiểm soát trở lại, kinh tế Việt Nam đặt mục tiêu tăng trưởng GDP ở mức cao, kỳ vọng vào những yếu tố thuận lợi hỗ trợ tăng trưởng kinh tế. Thành tựu to lớn mang tính lịch sử của Việt Nam trên lĩnh vực Ngoại giao và hội nhập quốc tế năm 2023 đang tạo đà và cơ hội quan trọng để ổn định và phát triển kinh tế giai đoạn hiện nay. Kinh tế vĩ mô tiếp tục ổn định, cùng với việc hoàn thiện thể chế, luật pháp, cải thiện môi trường kinh doanh đã và đang ảnh hưởng tích cực thúc đẩy phát triển; Dòng vốn đầu tư FDI tiếp tục tăng trưởng, Việt Nam vẫn là điểm đến hấp dẫn của các nhà đầu tư nước ngoài. Việt Nam tiếp tục hội nhập sâu cùng các quốc gia, các tổ chức quốc tế phát triển xã hội bền vững.

PC1 với Chiến lược phát triển xuyên suốt và kiên định trên nền tảng: **Tăng trưởng kinh doanh bền vững; Bảo vệ môi trường; Đồng thời với Trách nhiệm xây dựng xã hội bền vững.**

Tăng trưởng kinh doanh bền vững, PC1 xuyên suốt và tập trung vào hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực năng lượng tái tạo, các dự án xanh và thông minh, các khu công nghiệp sinh thái, với mục tiêu tăng trưởng cao, an toàn và chất lượng, hạn chế tối thiểu về sử dụng tài nguyên, đồng thời với các giải pháp sản xuất và sử dụng năng lượng sạch, sử dụng thiết bị công nghệ tiên tiến tiết kiệm năng lượng trong tất cả các hoạt động. Các nhà máy điện gió do PC1 là chủ đầu tư đang duy trì đáp ứng chuẩn các tiêu chí của Dự án năng lượng Xanh đã được cấp Chứng chỉ quốc tế.

Chủ động bảo vệ môi trường không chỉ là trách nhiệm mà trở thành văn hóa của PC1, bảo vệ môi trường là nền tảng, là yếu tố trung tâm trong hoạch định Chiến lược phát triển Công ty, thực hiện các giải pháp sử dụng năng lượng sạch và tiết kiệm năng lượng. Các nhà máy điện NLTT do PC1 đầu tư có lượng giảm

phát thải hơn 700.000 tấn Co2/hàng năm; Các dự án nhà ở, các khu công nghiệp, các nhà máy sản xuất công nghiệp do PC1 đầu tư và vận hành PC1 đều tiên phong về giải pháp công nghệ tiên tiến bảo vệ môi trường, xử lý nước thải, chất thải đạt tiêu chuẩn cao, kiểm soát ô nhiễm, không gây nguy hại, đồng thời với việc không ngừng cải thiện cấp độ xanh và thông minh.

Chung tay xây dựng xã hội bền vững, tất cả những sản phẩm, dịch vụ do PC1 cung cấp ra thị trường đều cam kết đảm bảo chất lượng cao, an toàn và được sản xuất trên nền tảng giải pháp bảo vệ môi trường. Tôn chỉ mục tiêu về phát triển Tập đoàn PC1 gắn liền với trách nhiệm mang đến cuộc sống khả giả và hạnh phúc cho CBNV người lao động. Không chỉ như vậy, các hoạt động thường xuyên, bền bỉ mục tiêu cải thiện đời sống, hướng đến sự thịnh vượng cho người dân trong vùng dự án được PC1 thực hiện thông qua nhiều chương trình và thường niên: Tặng nhà cho người nghèo vùng cao, Xây dựng điểm trường, trạm xá cho các địa phương còn nhiều khó khăn, tham gia chương trình Nâng bước em đến trường, hỗ trợ đồng bào vùng lũ lụt thiên tai v.v. PC1 xuyên suốt trách nhiệm vì cộng đồng văn minh, xã hội bền vững.

Kế hoạch tổng quát năm 2024 của PC1 là Tiếp tục phát triển quan hệ uy tín tốt đẹp, sự ủng hộ và yêu quý của Quý khách hàng, Quý đối tác lên tầm cao mới, trân trọng và luôn đồng hành tin cậy cùng Quý cổ đông, trên nền thể mạnh về quản trị chuyên nghiệp và ứng dụng hiệu quả chuyển đổi số; lấy trách nhiệm xã hội, uy tín và sự tin cậy làm nền tảng. Mục tiêu khởi động lại đà tăng trưởng cao, tập trung kế hoạch kinh doanh cốt lõi, định vị chiến lược phát triển giai đoạn 2030; phấn đấu vì một PC1 Thương hiệu và Thịnh vượng, gia đình PC1 khá giả, hạnh phúc, trách nhiệm xây dựng đất nước Việt nam giàu đẹp, cùng chung tay vì một thế giới xanh và hòa bình.

Kính chúc Quý vị Sức khỏe và Thịnh vượng.

**Chủ tịch Hội đồng quản trị Tập đoàn PC1  
Trịnh Văn Tuấn**



# TỔNG GIÁM ĐỐC

## THÔNGIỆP CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC



2023

Kính gửi Quý Đối tác, Quý Khách hàng và Quý Cổ đông!

Trong các năm gần đây, kinh tế xã hội thế giới và Việt Nam đã, đang trải qua chu kỳ khó khăn, có thể nói là giai đoạn lịch sử với các biến cố nghiêm trọng, quy mô lớn xảy ra đồng thời. Bối cảnh năm 2024 nhận định các cơ hội từ thị trường đang bước vào giai đoạn kiểm soát và phục hồi, các chính sách cải cách hỗ trợ thúc đẩy phát triển của Chính phủ bắt đầu phát huy hiệu lực. PC1 đang chuyển đổi mạnh mẽ, tập trung nguồn lực cho các mục tiêu trọng tâm, tạo đà cho chu kỳ tăng trưởng tốc độ cao mới và bền vững.

Ban Tổng giám đốc điều hành PC1 kiên định, quyết tâm phát triển với các giải pháp cụ thể:

Về sơ đồ tổ chức và vận hành hệ thống, Tập đoàn tái cấu trúc các khối, các đơn vị thành viên tự chủ kinh doanh theo định hướng Chiến lược; xây dựng cơ chế để các đơn vị chủ động vận hành và phối hợp hiệu quả; nâng cao năng lực kiểm soát hệ thống.

Thực hiện nâng tầm nguồn nhân lực thông qua thực hiện các chương trình đào tạo tiên tiến, cải tiến chính sách đãi ngộ người lao động, sắp xếp và tuyển dụng nhân lực chất lượng cao đáp ứng mục tiêu chiến lược kinh doanh. Tập đoàn tiếp tục thúc đẩy phong trào đổi mới sáng tạo, sáng kiến cải tiến kỹ thuật, ứng dụng các nền tảng công nghệ hiện đại nhằm nâng cao năng suất lao động, sản xuất, quản lý và điều hành thông minh.

Trải qua hơn 60 năm xây dựng phát triển, thương hiệu PC1 đã luôn được khẳng định, tiếp tục phát triển, lan tỏa và bền vững, năm 2024 Tập đoàn ưu tiên phát triển văn hóa doanh nghiệp, hoạt động này được xem là nền tảng để quản lý tổ chức và như một cơ chế khẳng định lại mục tiêu lớn của doanh nghiệp.

Các khối kinh doanh, các đơn vị thành viên kiên định các giải pháp sáng tạo, linh hoạt thích ứng với yêu cầu thị trường, nghiên cứu phát triển sản phẩm, nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường hiện hữu, mở rộng thị trường mới trong nước và khu vực, khắc phục khó khăn trong từng giai đoạn để hoàn thành mục tiêu chiến lược 2021-2025. Bên cạnh đó, liên tục thực hiện các giải pháp tiên phong công nghệ để gia tăng giá trị cho khách hàng, bảo vệ môi trường, sử dụng năng lượng sạch trong sản xuất được ưu tiên.

Ban Tổng giám đốc điều hành chân thành cảm ơn Hội đồng Quản trị đã luôn sát cánh, sáng tạo hoạch định, dẫn hướng Tập đoàn vượt lên khó khăn trong năm qua; ghi nhận và biết ơn đội ngũ cán bộ nhân viên ưu tú đã làm việc mẫn cán để mang lại những kết quả đáng khích lệ; đặc biệt trân trọng cảm ơn Quý Cổ đông, Đối tác, Khách hàng đã ủng hộ khát vọng PC1 thịnh vượng.

Chúng tôi cam kết sẽ tiếp tục học tập nghiên cứu, tâm huyết và sáng tạo để điều hành Tập đoàn thành công xuất sắc các mục tiêu chiến lược khát vọng vươn tầm quốc tế.

Kính chúc Quý vị sức khỏe, hạnh phúc và thành công!

**Tổng giám đốc Tập đoàn PC1**  
**Vũ Anh Dương**

Nhà máy khai thác sản xuất quặng Niken đi vào hoạt động, tự động hóa cao và mang lại doanh thu



Các nhà máy điện gió, thủy điện vận hành ổn định



PCI mở rộng thị phần sản xuất công nghiệp, tổng thầu ra thị trường quốc tế (Úc, Lào, Philippines)



PCI Group khánh thành Trung tâm điều khiển (OCC)



7.775  
tỷ đồng

Tổng doanh thu

303  
tỷ đồng

Lợi nhuận sau thuế

15%

Cổ tức

## GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU

01

Top 50 công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam



Trong một năm đầy biến động và thách thức đối với nền kinh tế toàn cầu, Tập đoàn PC1 khẳng định uy tín thông qua việc lần thứ 4 được vinh danh tại bảng xếp hạng uy tín “Top 50 Công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam 2023” do Tạp chí Forbes Việt Nam công bố. Với vị thế thương hiệu và năng lực vượt trội, ứng dụng công nghệ số thông minh hóa các hoạt động quản lý, điều hành; số hóa sản phẩm, dịch vụ nhằm nâng cao trải nghiệm khách hàng. PC1 cam kết luôn nghiên cứu, sáng tạo để phát triển Tập đoàn thành công xuất sắc các mục tiêu chiến lược và từng bước vươn tầm Quốc tế.

02

Top 20 Báo cáo thường niên tốt nhất – nhóm ngành phi tài chính



Báo cáo thường niên của PC1 là ấn phẩm thường niên được đầu tư thực hiện cẩn chu cả về hình thức và nội dung nhằm công bố đầy đủ và rộng rãi các thông tin hoạt động đến cổ đông, nhà đầu tư. Năm 2023, cuộc bình chọn DNNY thu hút sự tham gia của hàng trăm doanh nghiệp niêm yết, trong đó hơn 50 doanh nghiệp xuất sắc nhất trong công tác minh bạch thông tin đã được bình chọn và trao giải. Điểm mới của cuộc bình chọn năm nay là các DNNY được phân chia theo 2 nhóm ngành tài chính và phi tài chính nhằm đưa ra thang điểm hợp lý với từng nhóm ngành. PC1 được vinh danh tại hạng mục Top 20 BCTN tốt nhất – nhóm phi tài chính.

03

Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2023



PC1 với uy tín thương hiệu và bằng sự nỗ lực, sáng tạo không ngừng của CBNV đã liên tiếp được các tổ chức uy tín xếp hạng trao tặng các giải thưởng danh giá. Năm 2023 là lần thứ tám PC1 được xếp hạng 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam do Vietnam Report công bố.

04

Nơi làm việc tốt nhất Châu Á



PC1 nhận giải thưởng “Nơi làm việc tốt nhất châu Á năm 2023” do Tạp chí HR Asia Magazine – Tạp chí uy tín hàng đầu châu Á trong lĩnh vực nhân sự bình chọn và công bố. Đây là minh chứng cho sự thành công của Ban lãnh đạo Tập đoàn trong việc phát triển văn hóa doanh nghiệp, chính sách quản trị nhân sự đảm bảo sáng tạo, động lực, chế độ đãi ngộ hấp dẫn và thường xuyên tổ chức các hoạt động nội bộ sôi nổi.



# TẦM NHÌN, SỨ MỆNH, GIÁ TRỊ CỐT LÕI

## Tầm nhìn



Khẳng định vị thế số 1 Việt Nam, Top 5 khu vực Đông Nam Á trong lĩnh vực tổng thầu EPC dự án lưới điện, dự án năng lượng tái tạo. Nhà đầu tư năng lượng tái tạo chuyên nghiệp thuộc nhóm dẫn đầu tại Việt Nam.

## Sứ mệnh



- Sáng tạo không ngừng tạo ra các công trình điện thông minh, hiện đại kết nối với hệ thống điện quốc gia và khu vực.
- Tạo nhiều giá trị vượt trội cho đối tác, khách hàng, nhà đầu tư, người lao động và xã hội.

# VỀ PC1 TỔNG QUAN

## Giá trị cốt lõi



### Sáng tạo

Sáng tạo là nền tảng của sự phát triển.



### Tốc độ

Hành động tốc độ, tư duy hệ thống dẫn dắt mọi hoạt động.



### Tin cậy

Là linh hồn, là sức mạnh tạo nên sự phát triển bền vững.

“Được thành lập vào ngày 02/3/1963, trải qua 60 năm xây dựng và phát triển, từ nhiệm vụ trọng tâm ban đầu là xây lắp các công trình truyền tải điện quốc gia, Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 (PC1 Group) hiện nay đã chứng tỏ năng lực của mình không chỉ trong lĩnh vực xây lắp điện mà còn mở rộng sang lĩnh vực đầu tư năng lượng, đầu tư bất động sản, sản xuất và thương mại vật liệu mới, sản xuất công nghiệp, tư vấn và dịch vụ.



PC1 hiện nằm trong Top 50 công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam, Top 50 doanh nghiệp có lợi nhuận tốt nhất Việt Nam, Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam với quy mô hơn 20 đơn vị thành viên.

# TỔNG QUAN

## THÔNG TIN CHUNG

Tên doanh nghiệp Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1

Tên giao dịch Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1

Tên viết tắt PC1 Group

Tên tiếng anh PC1 Group Joint Stock Company

Giấy chứng nhận ĐKDN 0100100745

Điện thoại 024 3845 6329

Email [info@pc1group.vn](mailto:info@pc1group.vn)

Website <http://pc1group.vn>

Địa chỉ ĐKDN Số 18 Lý Văn Phúc, phường Cát Linh, quận Đống Đa, Tp. Hà Nội

Trụ sở chính Tòa CT2, số 583 Nguyễn Trãi - Thanh Xuân - Hà Nội

Vốn điều lệ 3.109.955.580.000 đồng

Mã chứng khoán PC1

Nơi niêm yết Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh

Logo





# TỔNG QUAN

## QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH PHÁT TRIỂN



### 1963 - 1979

#### 02/3/1963

Thành lập ngày 02 tháng 3 năm 1963 với tên gọi ban đầu là Công ty Xây lắp đường dây và trạm. Ở thời điểm thành lập, Công ty có 4.000 cán bộ, công nhân viên, 5 đội công trình, 3 công trường, 1 đoàn xe, 1 phân xưởng cơ khí. Trụ sở Công ty ở 20 Trần Nguyễn Hãn (Hà Nội).

#### 1967-1970

Ngày 30/6/1967, Bộ Công nghiệp Năng ra quyết định thành lập Công ty Xây lắp đường dây và Trạm, trực thuộc Cục Điện lực. Lực lượng lao động của Công ty lúc này có khoảng 2.000 người, 16 đội công trình.

#### 1970-1975

Ngày 30/6/1970, Công ty Xây lắp đường dây và Trạm trực thuộc Bộ Điện và Than. Từ đó, Công ty là đơn vị ngang Cục, là cơ quan quản lý cấp trên của các xí nghiệp, thực hiện hạch toán kinh tế toàn diện và tập trung.

#### 1975-1979

Công ty Xây lắp Đường dây và Trạm với cơ cấu tổ chức độc lập và hoàn chỉnh. Công ty lúc này có khoảng 3.500 người.

### 1979 - 1988



#### 1979-1981

Công ty Xây lắp Đường dây và Trạm trực thuộc Bộ Điện lực được đổi tên thành Công ty Xây lắp Đường dây và Trạm 1.

#### 1981 - 1988

Năm 1983, do yêu cầu phát triển lưới điện của cả nước nên Bộ đã quyết định tách và nâng một số xí nghiệp, công trường của Công ty để thành lập các công ty trực thuộc Bộ Điện lực, cụ thể là:

- Tách Xí nghiệp lắp trạm Đông Anh ra khỏi công ty để thành lập công ty xây lắp đường dây và trạm 4 đóng tại Đông Anh.

- Tách Xí nghiệp Xây lắp Đường dây và Trạm khu vực Hà Nội, thành lập Công ty Xây lắp Đường dây và Trạm khu vực Hà Nội.

- Tách Xí nghiệp Đường dây 1, thành lập Công ty Xây lắp Đường dây và Trạm 3 đóng tại Vinh.

- Tách Công trường Quảng Trị, thành lập Công ty Xây lắp Điện 5 đóng tại Vinh.

### 1988 - 2013

#### 1988 - 2005

Năm 1988, thành lập Công ty Xây lắp Điện 1, trực thuộc Bộ Năng lượng trên cơ sở hợp nhất Công ty Xây lắp Đường dây và Trạm 1 với Công ty xây lắp đường dây và trạm Hà Nội. Năm 1995, Công ty trực thuộc Tổng công ty Điện lực Việt Nam.

Năm 1998, Công ty trực thuộc Tổng công ty Xây dựng công nghiệp Việt Nam, trực thuộc Bộ Công nghiệp.

#### 2005-2008

Năm 2005: CTCP Xây lắp điện I được cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước là Công ty Xây lắp điện I.

Năm 2008: CTCP Xây lắp điện I đăng ký trở thành Công ty đại chúng với Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

#### 2009 - 2013

Công ty đạt mức tăng trưởng doanh thu trung bình hàng năm trên 15%, với doanh thu hàng năm trên 1.000 tỷ đồng. Cổ đông nhà nước là Tổng công ty CP Xây dựng công nghiệp Việt Nam thoái vốn toàn bộ khỏi Công ty cổ phần xây lắp điện I và Công ty trở thành 100% vốn tư nhân.

### 2016 - 2023

#### 2016 - 2022

Năm 2016: Niêm yết thành công cổ phiếu PC1 trên sàn chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh.

Phát điện 2 NMTĐ đầu tiên - NMTĐ Bảo Lâm 1 và NMTĐ Trung Thu với tổng công suất 60 MW.

Năm 2017: Tiếp tục phát điện 2 NMTĐ Bảo Lâm 3 và Bảo Lâm 3A, nâng tổng công suất phát điện của PC1 Group lên 114 MW.

Năm 2018: Bàn giao dự án bất động sản thứ 4 - dự án PCC1 Mỹ Đình Plaza 2.

Năm 2019: Hoàn thành phát điện tổ máy số 1 nhà máy thứ 5 - Thủy điện Mông Ân.

#### 2020

Hoàn thành phát điện 2 nhà máy thủy điện thứ 6 và thứ 7 (Bảo Lạc B và Sông Nhiệm 4) nâng tổng công suất phát điện của PC1 Group lên 169 MW. Bàn giao dự án BĐS PCC1 Thanh Xuân.

#### 2021

Hoàn thành báo cáo chiến lược công ty giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2035.

Hoàn thành phát điện cụm 03 nhà máy điện gió Liên Lập, Phong Huy, Phong Nguyên trước 31/10/2021 kịp thời hưởng giá FIT ưu đãi, nâng tổng công suất phát điện của PC1 Group lên 313 MW.

### 2022 - 2023

#### 2022

Đổi tên thành Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 (PC1 Group), công bố bộ nhận diện thương hiệu mới.

Tập đoàn PC1 mua toàn bộ cổ phần của công ty NAIV (trụ sở tại Singapore) qua đó trở thành đối tác liên doanh, sở hữu 70% vốn tại Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp Nomura - Hải Phòng (NHIZ), đồng thời tăng góp vốn vào Western Pacific lên 1.110 tỷ đồng - chủ đầu tư Khu công nghiệp Yên Phòng IIA Bắc Ninh. Các giao dịch này nằm trong kế hoạch phát triển lĩnh vực đầu tư bất động sản công nghiệp của PC1, nhằm bổ sung vào chuỗi giá trị chiến lược đầu tư, từng bước phát triển hệ sinh thái của Tập đoàn.

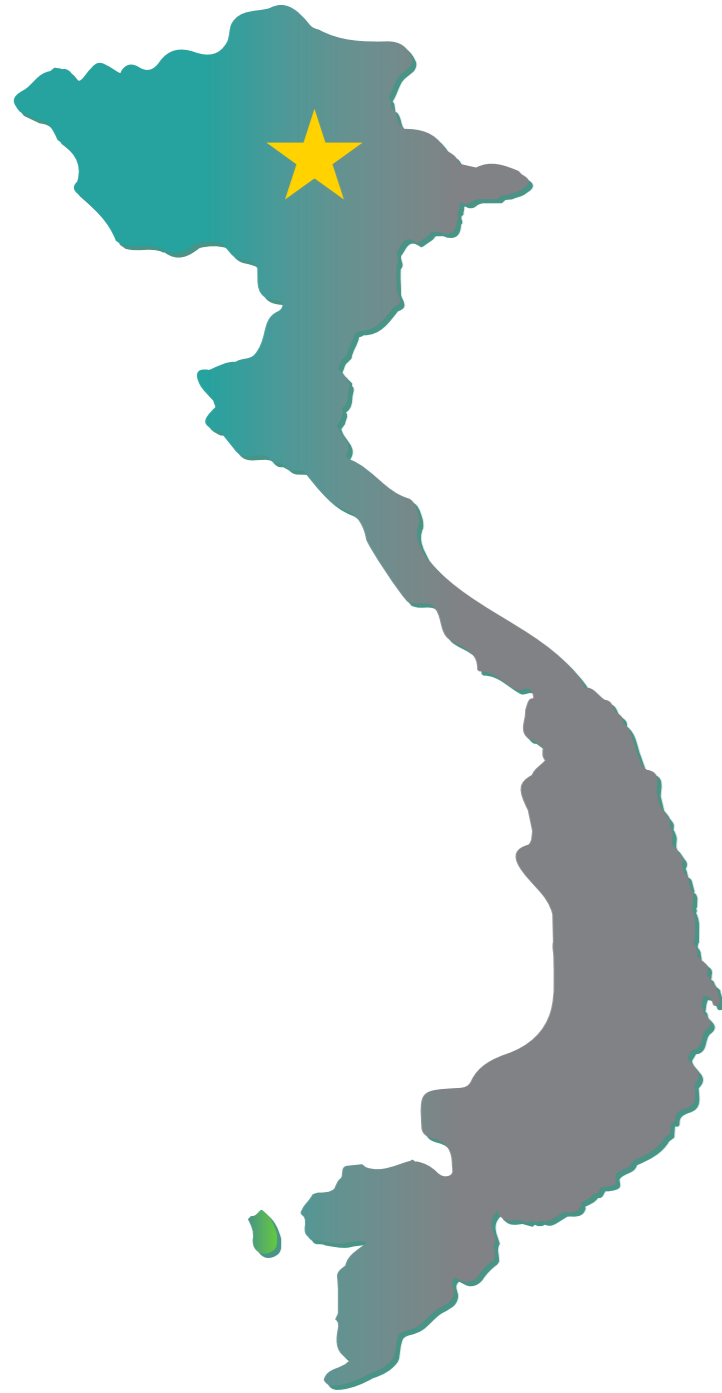
PC1 tiếp tục khẳng định là nhà tổng thầu chuyên nghiệp với quy trình quản lý dự án chuẩn Quốc tế; công nghệ dẫn đầu, đội ngũ nhân sự chuyên môn sâu và giàu kinh nghiệm khi thiết kế và chế tạo thành công hệ thống rô bốt kéo rã cáp ngầm biển, thực hiện thành công dự án điện gió gần bờ Tân Phú Đông 1 công suất 100MW, gồm 24 tuabin với thời gian ngắn kỷ lục tám tháng; đồng thời là đơn vị thi công chính vượt tiến độ dự án đường dây 220kV vượt biển đầu tiên của

#### 2023

Trong năm 2023, nhân dịp kỷ niệm 60 năm thành lập, PC1 đã đặt ra mục tiêu tạo dựng những giá trị mới, đánh dấu một cột mốc vô cùng quan trọng và đầy ý nghĩa trong hành trình dài phát triển và xây dựng của mình. Mặc dù gặp phải nhiều thử thách, khó khăn và biến động trên thị trường, nhưng với sự nỗ lực và quyết tâm, cùng tinh thần đoàn kết mạnh mẽ, PC1 vẫn tiếp tục giành được nhiều giải thưởng danh giá. Những thành tựu này là bằng chứng rõ ràng cho thấy sự linh hoạt trong thích nghi và tư duy đổi mới của ban lãnh đạo cùng toàn thể CBNV. Đồng thời, sự kiên định với chiến lược và mục tiêu đã giúp PC1 duy trì được uy tín và thương hiệu của mình.

# TỔNG QUAN

## ĐỊA BÀN KINH DOANH



Trải khắp 3 miền Bắc,  
Trung, Nam.



Công ty con tại Singapore  
Australia và văn phòng đại  
diện tại Lào



Sản phẩm xuất khẩu sang  
thị trường nước ngoài như  
Úc, Mỹ, Nhật Bản, Indonesia,  
Lào, Myanmar.

## NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

### 01 Tổng thầu công trình điện

Với 60 năm kinh nghiệm, hiện PC1 đang dẫn đầu cả nước trong lĩnh vực xây lắp điện với kinh nghiệm thực hiện nhiều dự án truyền tải điện quốc gia, đặc biệt là các dự án tổng thầu EPC, PC tới cấp điện áp 500 KV và các dự án có tính đặc thù cao (trạm Gis, dự án cấp điện ra đảo, dự án cáp ngầm...) bằng đội ngũ nhân sự trình độ chuyên môn kỹ thuật cao, tay nghề cứng, kết hợp với việc sử dụng công nghệ thiết bị hiện đại, điển hình là công nghệ Navifly.



Hơn thế nữa, Tập đoàn đã đột phá thành công trong việc thực hiện tổng thầu các nhà máy điện năng lượng tái tạo, đặc biệt là các công trình có yêu cầu kỹ thuật công nghệ cao – các nhà máy điện gió, điện mặt trời.

### 02 Sản xuất công nghiệp

Trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp, PC1 là đơn vị duy nhất và có quy mô lớn nhất Việt Nam về thiết kế, chế tạo cột thép đơn thân 110 KV, 220 KV – 1, 2, 4 mạch và cột thép liên kết thanh đến 750kV, với dây truyền công nghệ hiện đại tích hợp hệ thống điều khiển CNC tổng công suất trên 50.000 tấn sản phẩm/năm.



Các sản phẩm cột thép mới của PC1 với nhiều tính năng ưu việt đã được lãnh đạo Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) và các đối tác, khách hàng đánh giá cao về tính phù hợp, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của các công trình truyền tải điện Quốc gia.

Năng lực thiết kế và sản phẩm cột thép của Tập đoàn ngày càng được chứng minh qua các công trình điện, công trình viễn thông, giao thông trong nước và xuất khẩu sang các nước như Úc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Chi lê, ... đồng thời mở rộng các thị trường nước ngoài như Banglades, Papua New Guinea, Myanmar nhằm tăng doanh thu xuất khẩu.



## 03 Đầu tư năng lượng

### Đầu tư thủy điện

Trong lĩnh vực đầu tư năng lượng, PC1 khẳng định năng lực đầu tư chuyên nghiệp với nguồn lực sẵn sàng, quy trình quản lý chuyên nghiệp, công nghệ tiên tiến, luôn luôn kiểm soát chất lượng và tiến độ. Đến nay, PC1 Group đã vận hành thành công 7 nhà máy thủy điện có tổng công suất lên đến 170 MW, với tổng mức đầu tư 5.000 tỷ đồng.



| Dự án                                    | Địa điểm  | Thời gian triển khai | Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng) | Công suất (MW) | Sản lượng thiết kế (Triệu kWh) |
|--|-----------|----------------------|---------------------------|----------------|--------------------------------|
| <b>Đã hoàn thành và đi vào hoạt động</b> |           |                      |                           |                |                                |
| Trung Thu                                | Điện Biên | 2013-2016            | 910                       | 30             | 113                            |
| Bảo Lâm 1                                | Cao Bằng  | 2014-2017            | 767                       | 30             | 104                            |
| Bảo Lâm 3                                | Cao Bằng  | 2015-2017            | 890                       | 46             | 173                            |
| Bảo Lâm 3A                               | Cao Bằng  | 2016-2017            | 330                       | 8              | 30                             |
| Mông Ân                                  | Cao Bằng  | 2017-2020            | 916                       | 30             | 104                            |
| Bảo Lạc B                                | Cao Bằng  | 2018-2020            | 559                       | 18             | 72                             |
| Sông nhiệm 4                             | Hà Giang  | 2018-2020            | 228                       | 7              | 24                             |
| <b>Đang đầu tư</b>                       |           |                      |                           |                |                                |
| Bảo Lạc A                                | Cao Bằng  | 2024-2026            | 1.166                     | 30             | 115                            |
| Thượng Hà                                | Cao Bằng  | 2024-2026            | 524                       | 13             | 46                             |

### Đầu tư điện gió

Cùng với các nhà máy thủy điện đã và đang đầu tư, đến nay PC1 tiếp tục phát triển các dự án năng lượng tái tạo như điện mặt trời, điện gió tại các khu vực có lợi thế, góp phần tích cực vào việc bảo đảm an ninh năng lượng, đáp ứng nhu cầu năng lượng sạch của quốc gia.

Tháng 10/2021, PC1 chính thức vận hành thương mại cụm nhà máy điện gió Liên Lập, Phong Huy, Phong Nguyên tại Quảng Trị với tổng công suất 144 MW, đủ điều kiện được bán điện giá FIT. Các nhà máy này được bình chọn là Dự án năng lượng tái tạo tiêu biểu của năm do IJGlobal trao tặng.



| Dự án                                    | Địa điểm  | Thời gian triển khai | Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng) | Công suất (MW) | Sản lượng thiết kế (Triệu kWh) |
|--|-----------|----------------------|---------------------------|----------------|--------------------------------|
| <b>Đã hoàn thành và đi vào hoạt động</b> |           |                      |                           |                |                                |
| Liên Lập                                 | Quảng Trị | 2019-2021            | 1.921                     | 48             | 145                            |
| Phong Huy                                | Quảng Trị | 2020-2021            | 1.921                     | 48             | 177                            |
| Phong Nguyên                             | Quảng Trị | 2020-2021            | 1.921                     | 48             | 173                            |

#### Mục tiêu đến 2026:

- Đầu tư và quản lý vận hành hiệu quả 350MW các nhà máy điện NLTT.
- Lũy kế sản lượng điện thương phẩm đạt 07 tỷ kwh, tương đương cắt giảm 5,6 triệu tấn CO2 quy đổi
- Hợp tác và phát triển thành công 1.000 MW điện gió Offshore.

#### Mục tiêu 2035:

- Vận hành thành công 1.000 MW điện gió Offshore.



## 04 Đầu tư và kinh doanh bất động sản

### Bất động sản nhà ở



Tính đến nay, PC1 đã hoàn thành, bàn giao và đưa vào sử dụng nhiều dự án bất động sản nhà ở được thị trường và khách hàng đánh giá cao, qua đó nâng cao uy tín và hình ảnh PC1. Có thể kể đến như các dự án PCC1 Nàng Hương, PCC1 Complex Hà Đông, Mỹ Đình Plaza 2, PCC1 Thanh Xuân...

- PCC1 Nàng Hương tại Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội với 2 tháp cao 21 tầng; biệt thự và nhà liền kề.
- Mỹ Đình Plaza 1 tại 140 Trần Bình, Cầu Giấy, Hà Nội với quy mô gồm Tháp căn hộ cao cấp 25 tầng nổi trong đó có 3 tầng thương mại; 352 căn hộ.
- PCC1 Complex Hà Đông tại Phú Lương, Hà Đông, Hà Nội với 04 tháp cao 15 tầng, 03 tầng cho thuê; 540 căn hộ.
- Mỹ Đình Plaza 2 tại số 2 Nguyễn Hoàng, Nam Từ Liêm, Hà Nội với 2 tháp chung cư cao cấp 28 tầng, 4 tầng thương mại; 472 căn hộ.
- PCC1 Thanh Xuân tại Số 44 Triều Khúc, Thanh Xuân, Hà Nội với 2 tháp chung cư 27 tầng, 3 tầng hầm, trường mầm non và 480 căn chung cư.

Bên cạnh đó, PC1 đang triển khai một số dự án dưới đây:

| Dự án                          | Vị trí   | Quy mô  | Tiến độ dự kiến | Lợi nhuận dự kiến |
|--------------------------------|--|---|-----------------|-------------------|
| Dự án PC1 Gia Lâm (Yên Thường) | Yên Khê, Yên Thường, Gia Lâm, Hà Nội                           | Tổng diện tích khu đất: 7.152,20 m <sup>2</sup><br>- Diện tích xây dựng: 3.129,36 m <sup>2</sup><br>- Quy mô: 54 căn thấp tầng.   | 2024-2025       | LNST>10%          |
| Dự án PC1 Thăng Long           | Tân Xuân, Bắc Từ Liêm, Hà Nội                                  | Diện tích khu đất dự án: > 22.000 m <sup>2</sup> .<br>- Công trình nhà hỗn hợp cao tầng bao gồm: 27 tầng nổi, 3 hầm, 1 tum.<br>- Nhà ở thấp tầng bao gồm: 04 tầng, 01 tầng tum.                               | 2025-2027       | LNST>10%          |
| Dự án đấu giá đất              | Gia Lâm, Hà Nội  | 5ha   | 2024-2025       | LNST>10%          |
| Dự án PC1 Định Công            | Số 1 Ngõ 120 Định Công, phường Phương Liệt, Thanh Xuân, Hà Nội | Tổng diện tích khu đất: 15.100 m <sup>2</sup><br>- Diện tích xây dựng: 6.000 m <sup>2</sup><br>- Quy mô: 83 căn thấp tầng, Nhà trẻ, văn phòng   | 2025-2027       | LNST>10%          |
| Dự án PC1 Vinh Hưng            | Số 1 ngõ 321 Vinh Hưng, Hoàng Mai, Hà Nội                      | Diện tích khu đất dự án: 5160 m <sup>2</sup> .<br>- Công trình nhà hỗn hợp cao tầng bao gồm 27 tầng nổi, 3 hầm, 1 tum.<br>- Công trình dịch vụ thương mại thấp tầng bao gồm: 05 tầng thương mại, 01 tầng tum. | 2025-2027       | LNST>10%          |

### Bất động sản công nghiệp

PC1 đã và đang mở rộng sang lĩnh vực bất động sản công nghiệp thông qua các cơ hội hợp tác đầu tư thành công, hiệu quả các Khu công nghiệp có lợi thế khác biệt về logistics, cảng sông, cảng biển, KCN chất lượng cao, KCN sinh thái, kết hợp cung cấp năng lượng sạch tại các tỉnh thành đã và đang triển khai.

PC1 đang là đối tác liên doanh chiếm 70% vốn tại Công ty Phát triển khu công nghiệp Nhật Bản – Hải Phòng (NHIZ), sở hữu KCN Nomura Hải Phòng 153 ha (NHIZ); và 30% vốn Công ty CTCP Western Pacific, qua đó hợp tác đầu tư các dự án bất động sản khu công nghiệp Yên Phong II-A, Bắc Ninh 159ha, cụm cảng – cụm công nghiệp – khu công nghiệp tại Hà Nam, Bắc Giang...



## 05 Sản xuất và kinh doanh khoáng sản, vật liệu mới

PC1 đang sở hữu 57,27% vốn của Công ty CP Khoáng sản Tấn Phát – chủ đầu tư Dự án Khai thác lộ thiên khoáng sản Niken – Đồng tại xã Quang Trung huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng với Tổng mức đầu tư hơn 1.700 tỷ đồng; quy mô công suất thiết kế là 600.000 tấn/năm. Dự án đã hoàn thành đầu tư xây dựng lắp đặt, chạy thử và đi vào sản xuất chính thức từ tháng 2/2023, xuất khẩu sản phẩm từ tháng 6/2023.

Kinh doanh thương mại: chủ yếu kinh doanh các sản phẩm phôi thép, thép xây dựng và than cốc. Bên cạnh đó, PC1 đang tiếp tục nghiên cứu đầu tư các vật liệu mới có tính ứng dụng và hiệu quả cao.

## 06 Tư vấn và dịch vụ

Với vai trò đồng bộ với các lĩnh vực kinh doanh cốt lõi trên, đóng góp vào kết quả kinh doanh chung và nâng cao uy tín của PC1, Tập đoàn đã phát triển mạnh hoạt động:

- Tư vấn thiết kế các công trình điện; Tư vấn đền bù, giải phóng mặt bằng; đo đạc bản đồ địa chính, giải thửa trích đo thửa đất để phục vụ đền bù thi công công trình.
- Tư vấn quản lý dự án thủy điện, quản lý sau đầu tư thủy điện;
- Dịch vụ quản lý tòa nhà;

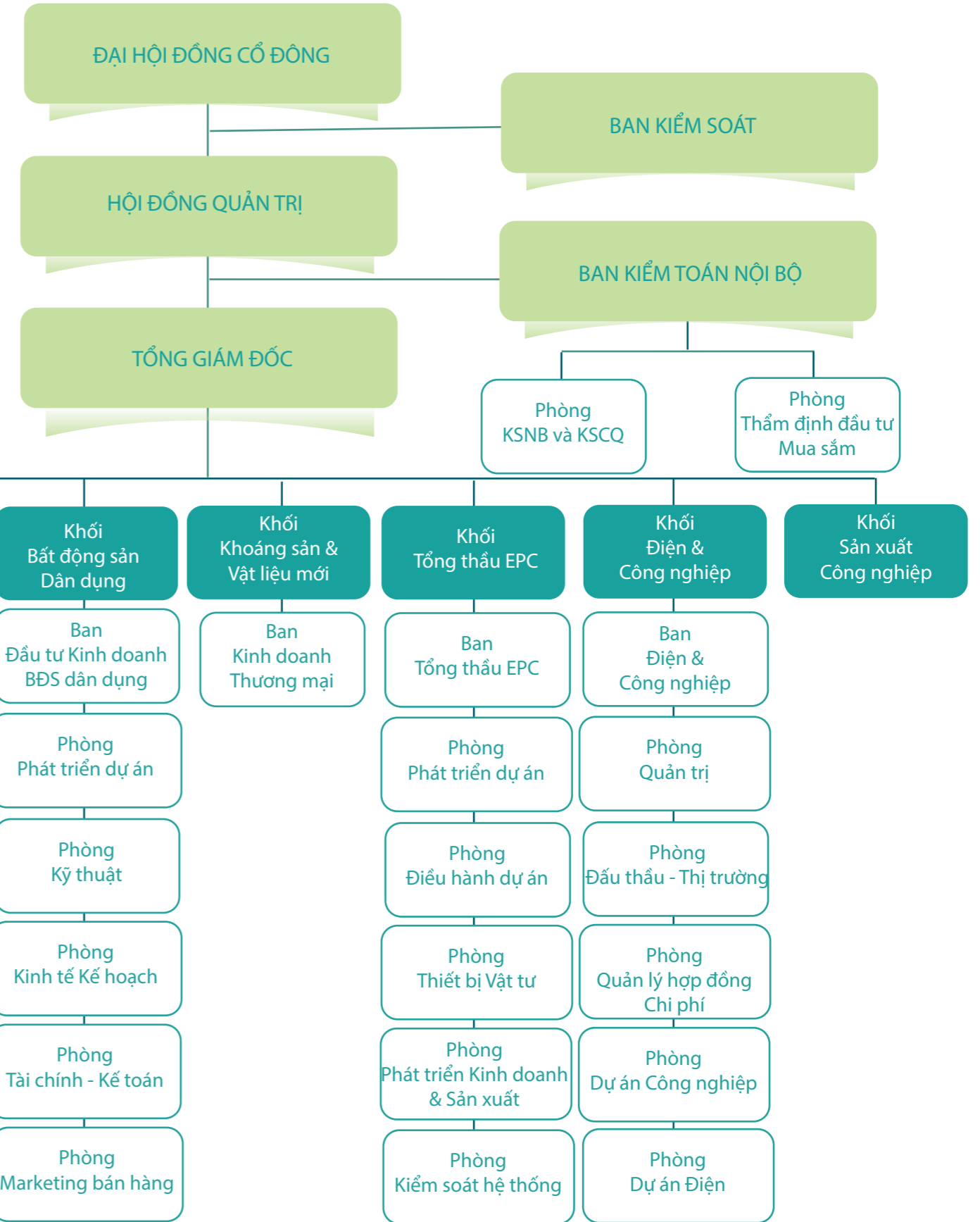


# TỔNG QUAN

## MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH

Năm 2023, PC1 hoạt động theo mô hình được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp 2020, bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng giám đốc.

Để đáp ứng nhu cầu hoạt động kinh doanh, PC1 hiện có các khối nghiệp vụ (Khối đảm bảo kinh doanh, Khối năng lượng, Khối Bất động sản, Khối khoáng sản và vật liệu mới, Khối Tổng thầu EPC, Khối Điện và Công nghiệp, Khối Sản xuất Công nghiệp, Ban Kinh doanh Thương mại). Công ty hiện có 26 công ty con cấp 1, 04 công ty con cấp 2 và 04 công ty liên kết.



Khối Công ty thành viên

Sơ đồ tổ chức theo NQ số 21/NQ-PC1-HDQT ngày 30/03/2024

# GIỚI THIỆU BAN LÃNH ĐẠO

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



**Ông TRỊNH VĂN TUẤN**  
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Năm sinh: 1962  
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

### Quá trình công tác

- Từ 6/1999 - 3/2001 : Trưởng phòng kế hoạch kinh doanh Xí nghiệp xây dựng điện;
- Từ 4/2001 - 6/2002 : Phó giám đốc Xí nghiệp lắp máy và xây dựng điện;
- Từ 7/2002 - 11/2002 : Phòng Kế hoạch - tổng hợp Công ty Xây lắp 1;
- Từ 12/2002 - 10/2003 : Trưởng Ban chỉ huy công trình ĐZ 500kV Pleiku - Đà Nẵng Công ty Xây lắp 1;
- Từ 10/2003 - 8/2005 : Giám đốc Xí nghiệp lắp trạm và xây dựng dân dụng - Công ty Xây lắp 1;
- Từ 9/2005 - 9/2007 : Chủ tịch HĐQT kiêm GD Cty CPTM xây lắp công nghiệp Thăng Long;
- Từ 10/2007 - 3/2010 : Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc CTCP Xây lắp điện I;
- Từ 4/2010 - 12/2021 : Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc CTCP Xây lắp điện I;
- Từ 12/2021 - nay : Chủ tịch HĐQT CTCP Tập đoàn PC1.

## Ông VŨ ÁNH DƯƠNG

Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1979  
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh



### Quá trình công tác

- Từ 2003 - 2009 : Chuyên viên Phòng Kế hoạch tổng hợp - CTCP Xây lắp điện I;
- Từ 2009 - 2012 : Phó Trưởng phòng Kế hoạch thị trường - CTCP Xây lắp điện I;
- Từ 2012 - 2013 : Trưởng phòng Phát triển thị trường - CTCP Xây lắp điện I;
- Từ 2013 - 2018 : Trưởng Ban Quản lý dự án Năng lượng - CTCP Xây lắp điện I;
- Từ 1/2019 - 12/2021 : Phó Tổng Giám đốc CTCP Xây lắp điện I;
- Từ 6/2020 - nay : Thành viên HĐQT CTCP Tập đoàn PC1.
- Từ 12/2021 - nay : Tổng giám đốc CTCP Tập đoàn PC1.

## Ông VŨ HỒNG QUANG

Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc

Sinh năm: 1975  
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh.



### Quá trình công tác

- Từ 7-2001 - 5/2002 : Phó phòng Marketing Công ty Xây lắp 1;
- Từ 6-2002 - 6/2007 : Trưởng Ban đại diện Miền Nam Công ty Xây lắp 1;
- Từ 5/2006 - 3/2008 : Thành viên HĐQT, kiêm Phó Tổng giám đốc, kiêm Trưởng Ban đại diện Miền Nam CTCP Xây lắp Điện I;
- Từ 4/2008 - nay : Thành viên HĐQT, kiêm Phó Tổng giám đốc CTCP Tập đoàn PC1.



## Ông NGUYỄN MINH ĐỀ

Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc  
Sinh năm: 1975  
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh.



### Quá trình công tác

- Từ 1999 – 2000 : Chỉ huy trưởng 4/7 TBA 110KV dự án Phú Mỹ (Phòng Marketing) - Công ty CP Xây lắp điện I
- Từ 2000 - 2001 : Chỉ huy trưởng TBA 220KV Bắc Giang, Sóc Sơn (Phòng Marketing) - Công ty CP Xây lắp điện I
- Từ 2001 - 2002 : Chỉ huy trưởng TBA 110Kv Đức Phổ, Thăng Bình và một số dự án khác (PKH tổng hợp) - Công ty CP Xây lắp điện I
- Từ 2003 - 2005 : Trưởng phòng kỹ thuật - Xí nghiệp Xây lắp điện và công trình công nghiệp
- Từ 10/2005 : Phó phòng kỹ thuật - Công ty CP Xây lắp điện I.
- Từ 11/2005 - 9/2006 : Phó Giám đốc kiêm trưởng phòng kỹ thuật - Công ty CP thương mại Xây lắp công nghiệp Thăng Long
- Từ 10/2006 - 7/2008 : Giám đốc - Công ty CP thương mại Xây lắp công nghiệp Thăng Long 07/2008 - 04/2009: TP kỹ thuật công nghệ - Công ty CP Xây lắp điện I
- Từ 4/2009 - nay : Tổng Giám đốc - Công ty TNHH chế tạo cột thép Đông Anh
- Từ 4/2014 - nay : Phó Tổng Giám đốc CTCP Tập đoàn PC1
- Từ 4/2015 - nay : Thành viên HĐQT CTCP Tập đoàn PC1

## Ông MAI LƯƠNG VIỆT

Thành viên Hội đồng quản trị  
Sinh năm: 1962

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật - Đại học Tổng hợp Postdam (CHLB Đức) và Đại học Luật Hà Nội. Cử nhân quan hệ quốc tế - Học viện ngoại giao; Luật sư Đoàn Luật sư Hà Nội



### Quá trình công tác

- 1995 - 2006 : Chuyên viên pháp lý cao cấp Hãng luật DS Avocats (Pháp);
- 2006 - 2008 : Chuyên viên pháp lý cao cấp văn phòng luật sư Nguyễn Huy Thiệp và cộng sự;
- 2006 - 2010 : TGD, TV HĐQT CTCP ĐT&TV Kim Điền;
- 2008 - nay : GD Điều hành công ty Luật TNHH VietBiz;
- Từ 6/2020 - nay : Thành viên HĐQT CTCP Tập đoàn PC1

Ông Mai Lương Việt đã có đơn xin từ nhiệm thành viên HĐQT từ ngày 1/2/2024.

## BAN KIỂM SOÁT

### Bà NGUYỄN THỊ HẢI HÀ

Trưởng Ban kiểm soát  
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán

#### Quá trình công tác

- Từ 5/1998 - 1/2003 : Chuyên viên phòng Tài chính Kế toán Công ty Xây lắp 1;
- Từ 2/2003 - 5/2004 : Phó phòng TCKT Công ty Xây lắp 1;
- Từ 6/2004 - 10/2005 : Trưởng phòng TCKT Công ty Xây lắp 1;
- Từ 11/2005 - 4/2008 : Chuyên viên phòng Hành chính tổng hợp - Trung tâm đào tạo Bưu chính viễn thông;
- Từ 5/2008 - 12/2009 : Trưởng phòng Tài chính Kế toán Công ty PCC1 - Ba La;
- Từ 1/2010-3/2010 : Chuyên viên phòng TCKT CTCP Xây lắp điện I;
- Từ 4/2010 - nay : Trưởng Ban kiểm soát CTCP Tập đoàn PC1



### Ông HOÀNG VĂN SÁNG

Thành viên Ban kiểm soát

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kiểm toán; Chứng chỉ kiểm toán viên Việt Nam

#### Quá trình công tác

- Từ 7/2013 - 3/2017 : Kiểm toán viên - Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC;
- Từ 3/2017 – 11/2021 : Trưởng nhóm Kiểm toán nội bộ - Công ty CP Xây lắp điện I
- Từ 6/2020 – nay : Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Tập đoàn PC1
- Từ 12/2021 – nay : Phó Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ - Công ty CP Tập đoàn PC1



### Ông HOÀNG VĂN CƯỜNG

Thành viên Ban kiểm soát

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán; Chứng chỉ kiểm toán viên Việt Nam

#### Quá trình công tác

- Từ 1/2012 - 2/2016 : Trưởng nhóm Kiểm toán Tài chính Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC;
- Từ 3/2016 - 12/2016 : Chuyên viên Kế toán quản trị - Công ty TNHH Hệ thống thông tin FPT;
- Từ 3/2019 - 5/2020 : Thư ký công ty kiêm Người phụ trách quản trị Công ty Công ty CP Xây lắp điện I;
- Từ 2/2017 – 3/2021 : Chuyên viên Quản trị rủi ro và Kiểm toán nội bộ - Công ty CP Xây lắp điện I
- Từ 6/2020 – nay : Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Tập đoàn PC1



## BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

### Ông VŨ ÁNH DƯƠNG

Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc

### Ông VŨ HỒNG QUANG

Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc

### Ông NGUYỄN MINH ĐỆ

Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc

Thông tin chi tiết xem ở mục Hội đồng quản trị



### Ông NGUYỄN NHẬT TÂN

Phó Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện; Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

#### Quá trình công tác

- Từ 5/1995 - 4/1997 : Trưởng chi nhánh điện Chiêm Hóa, điện lực Tuyên Quang;
- Từ 5/1997 - 9/1998 : Trưởng phòng kinh doanh điện năng, điện lực Tuyên Quang;
- Từ 10/1998 - 6/2003 : Phó giám đốc Điện lực Tuyên Quang;
- Từ 7/2003 - 12/2003 : Phó bí thư huyện ủy Na Hang, Tuyên Quang;
- Từ 1/2004 - 3/2004 : Phó bí thư thường trực thị ủy Tuyên Quang;
- Từ 4/2004 - 4/2009 : Chủ tịch UBND thị xã Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang;
- Từ 5/2009 - 3/2010 : Phó giám đốc Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Tuyên Quang;
- Từ 4/2010 - 5/2011 : Phó giám đốc Công ty điện lực Tuyên Quang;
- Từ 6/2011 - nay : Phó Tổng giám đốc CTCP Tập đoàn PC1



### Ông ĐẶNG QUỐC TƯỜNG

Phó Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

#### Quá trình công tác

- Từ 7/2004 - 6/2008 : Kỹ sư Ban đại diện Miền Nam - CTCP Xây lắp điện I;
- Từ 7/2008 - 8/2008 : Kỹ sư Phòng Kỹ thuật Công nghệ - CTCP Xây lắp điện I;
- Từ 9/2008 - 10/2009 : Phó phòng Kỹ thuật Công nghệ - CTCP Xây lắp điện I;
- Từ 11/2009 - 6/2018 : Trưởng phòng Kỹ thuật Công nghệ - CTCP Xây lắp điện I;
- Từ 11/2018 - 9/2019 : Trưởng phòng QLDA EPC - CTCP Xây lắp điện I;
- Từ 10/2019 - nay : Phó Tổng Giám đốc CTCP Tập đoàn PC1.



### Bà TRẦN THỊ MINH VIỆT

Kế toán trưởng

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán

#### Quá trình công tác

- Từ năm 2000 - 4/2003 : Chuyên viên Phòng tài chính kế toán Xí nghiệp Dịch vụ và Xây lắp điện;
- Từ 4/2003 - 10/2006 : Phó phòng tài chính kế toán Xí nghiệp Dịch vụ và xây lắp điện;
- Từ 5/2006 - 9/2007 : Chuyên viên Phòng tài chính kế toán Công ty CP Xây lắp điện I ;
- Từ 10/2007 - 3/2014 : Phó phòng tài chính kế toán Công ty CP Xây lắp điện I ;
- Từ 4/2014 - nay : Kế toán trưởng kiêm Trưởng Ban Tài chính – Kế toán CTCP Tập đoàn PC1.



# CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

## Công ty con cấp 1

Tại ngày 31/12/2023, Danh sách các công ty con và công ty liên kết của PC1 như sau:

| TT | Tên công ty   | Địa chỉ  | Hoạt động kinh doanh chính   | Vốn điều lệ (VND) | Tỷ lệ sở hữu của PC1 |
|----|---|--|--|-------------------|----------------------|
| 1  | Công ty Cổ phần PC1 Hà Nội (trước là Cổ phần PC1 Hà Nội MTV Xây I phần PC1 - Đại Mỗ)        | Phố Chợ, phường Đại Mỗ, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội                         | Xây lắp điện   | 15.000.000.000    | 66%                  |
| 2  | Công ty TNHH MTV Xây lắp điện I - Miền Nam  | Cao ốc An Khang, số 28 Đường 19, khu phố 5, phường An Phú, quận 2, TP. Hồ Chí Minh | Xây lắp điện   | 25.000.000.000    | 100%                 |
| 3  | Công ty TNHH MTV Xây lắp điện 1 - Miền Bắc  | Phố Chợ, phường Đại Mỗ, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội                         | Xây lắp điện   | 10.236.009.597    | 100%                 |
| 4  | Công ty TNHH MTV Xây lắp điện 1 - Mỹ Đình   | Số 138 Trần Bình, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội             | Xây lắp điện   | 30.000.000.000    | 100%                 |
| 5  | Công ty TNHH MTV Xây lắp điện 1 - Hà Đông   | Thôn Văn La, phường Phú La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.                        | Xây lắp điện   | 5.942.874.315     | 100%                 |
| 6  | Công ty TNHH MTV PC1 Năng Hương   | Số 583 Km 9 đường Nguyễn Trãi, phường Văn Quán, quận Hà Đông, Hà Nội               | Dịch vụ  | 725.509.851       | 100%                 |
| 7  | Công ty Cổ phần PC1 Thăng Long (trước đây là "Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Hoàng Mai") | Số 471, đường Tam Trinh, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai, Hà Nội              | Xây lắp điện   | 15.000.000.000    | 66%                  |
| 8  | Công ty TNHH Chế tạo Cột thép Đông Anh  | Tổ 23, thị trấn Đông Anh, thành phố Hà Nội   | Sản xuất các loại cột thép mạ kẽm, kết cấu thép, phụ tùng phụ kiện có liên quan, dịch vụ về mạ. mua bán thép, kẽm, vật tư phục vụ sản xuất, chế tạo kết cấu thép. mua bán vật tư, thiết bị kỹ thuật điện | 51.257.437.000    | 90%                  |
| 9  | Công ty Cổ phần Thủy điện Trung Thu   | Số nhà 157, tổ dân phố 16 phường Tân Thanh, Điện Biên Phủ                          | Đầu tư xây dựng các nhà máy thủy điện vừa và nhỏ. Sản xuất và kinh doanh điện năng   | 290.178.000.000   | 60%                  |
| 10 | Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Mỹ Đình   | Thôn Đình Thôn, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội                         | Đầu tư, kinh doanh bất động sản  | 200.000.000.000   | 99,39%               |

| TT | Tên công ty   | Địa chỉ   | Hoạt động kinh doanh chính  | Vốn điều lệ (VND) | Tỷ lệ sở hữu của PC1 |
|----|---|---|---|-------------------|----------------------|
| 11 | Công ty Cổ phần Lắp máy Công nghiệp Việt Nam            | Số 138 Trần Bình, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội  | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp   | 5.000.000.000     | 51%                  |
| 12 | Công ty Cổ phần Năng lượng Bảo Lâm                      | Thôn Nà Pồng, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng  | Quản lý sau đầu tư thủy điện.   | 34.000.000.000    | 99,90%               |
| 13 | Công ty Cổ phần Đầu tư Năng Lượng Miền Bắc              | Thôn Nà Pồng, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng  | Sản xuất và kinh doanh điện năng.   | 277.830.000.000   | 51%                  |
| 14 | Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Hòa Bình                    | Số 44 phố Triều Khúc, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội  | Đầu tư kinh doanh bất động sản  | 119.000.000.000   | 99,83%               |
| 15 | Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Tiến Bộ               | Số 1, ngõ 321 phố Vinh Hưng, phường Thanh Trì, quận Hoàng Mai, Hà Nội   | Đầu tư kinh doanh bất động sản  | 120.000.000.000   | 99,95%               |
| 16 | Công ty Cổ phần Điện gió Liên Lập                       | Thôn Cù, xã Hướng Tân, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị  | Sản xuất điện từ năng lượng gió   | 592.150.150.000   | 55,54%               |
| 17 | Công ty Cổ phần Điện gió Phong Nguyên                   | Thôn Cù, xã Hướng Tân, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị  | Sản xuất điện từ năng lượng gió   | 573.567.320.000   | 54,73%               |
| 18 | Công ty Cổ phần Điện gió Phong Huy                      | Thôn Cù, xã Hướng Tân, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị  | Sản xuất điện từ năng lượng gió   | 573.915.380.000   | 54,70%               |
| 19 | Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Công nghệ             | Tầng 2, toà nhà PCC1 Thanh Xuân, số 44 Triều Khúc, phường Thanh Xuân Nam, TP Hà Nội                                 | Cung cấp vật tư thiết bị và cấu hình hệ thống điện  | 15.000.000.000    | 51%                  |
| 20 | Công ty Cổ phần thủy điện Sông Gâm                      | Thôn Nà Rò, xã Bảo Toàn, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng   | Sản xuất và kinh doanh điện năng.   | 46.000.000.000    | 60%                  |
| 21 | Công ty Cổ phần Khoáng sản Tấn Phát                     | Khách sạn Tây Giang, tổ 22, phường Sông Bằng, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng                                     | Thăm dò khoáng sản, khai thác khoáng sản. Khai thác quặng sắt, Bán buôn kim loại và quặng kim loại. | 478.000.000.000   | 57,27%               |
| 22 | Công ty Cổ phần Thiết bị Thương mại                     | Số 1 ngõ 120 phố Định Công, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, Hà Nội.  | Đầu tư kinh doanh bất động sản  | 150.000.000.000   | 99,75%               |
| 23 | Asia Dragon Trading Pte.Tld                             | 10 COLLYER QUAY, #10-01 OCEAN FINANCIAL CENTRE, SINGAPORE (049315)  | Quản lý bất động sản nhà ở (ngoài hội đồng thành phố), khu dân cư, thương mại và công nghiệp        | 200.750.795.190   | 100,00%              |
| 24 | Công ty Phát triển Khu công nghiệp Nhật Bản - Hải Phòng | Tòa nhà điều hành, Khu công nghiệp Nhật Bản - Hải Phòng, Xã Tân Tiến, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam | Đầu tư, xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng, tiện ích, dịch vụ của khu công nghiệp                 | 880.209.734.400   | 70%                  |
| 25 | PC1 Australia Pty Ltd                                   | L20 & 21, 201 sussex street, Sydney Nsw 2000  | Kinh doanh sản phẩm thép  | 5.000.000.000     | 100%                 |
| 26 | Công ty Cổ phần KCN Quốc tế Hải Phòng                   | Tòa nhà điều hành, Khu công nghiệp Nhật Bản - Hải Phòng, Xã Tân Tiến, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam | Kinh doanh cơ sở hạ tầng của khu công nghiệp  | 10.000.000.000    | 99%                  |



## Công ty con cấp 2

| TT | Tên công ty                                 | Địa chỉ   | Hoạt động kinh doanh chính                      | Vốn điều lệ (VND) | Tỷ lệ sở hữu của PC1 |
|----|---|---|---|-------------------|----------------------|
| 1  | Công ty Cổ phần Cột thép Mạ kẽm Thái Nguyên | Lô CN2-1 và CN2-2 Khu công nghiệp Điểm Thụỵ B, xã Điểm Thụỵ, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên | Sản xuất các loại cột thép mạ kẽm, kết cấu thép | 30.000.000.000    | 81,00%               |
| 2  | Công ty Cổ phần Thí nghiệm điện ETIK        | Số 138 Trần Bình, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội                                  | Thí nghiệm điện                                 | 10.000.000.000    | 51,00%               |
| 3  | Công ty TNHH MTV Xây lắp điện 1 - Từ Liêm   | Số 32, phường Phương Canh, tổ 2, Phường Xuân Phương, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội                 | Xây lắp điện                                    | 10.549.569.422    | 100%                 |
| 4  | Công ty TNHH MTV Xây lắp điện 1 - Ninh Bình | Ngõ 2, đường Xuân Thành, phố Khánh Thành, Phường Tân Thành, TP Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình      | Xây lắp điện                                    | 10.000.000.000    | 100%                 |

## Công ty liên kết

| TT | Tên công ty                             | Địa chỉ   | Hoạt động kinh doanh chính                             | Vốn điều lệ (VND) | Tỷ lệ sở hữu của PC1 |
|----|---|---|--|-------------------|----------------------|
| 1  | Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng      | Km5 Đẻ Thám thị Xã Cao Bằng, P. Hợp giang, Cao Bằng   | Khai thác, chế biến và kinh doanh các loại khoáng sản. | 430.063.660.000   | 25,09%               |
| 2  | Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản CT2 | Tầng 21, tòa nhà Capital Town, 109 Trần Hưng Đạo, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội    | Đầu tư kinh doanh bất động sản                         | 612.245.000.000   | 49,00%               |
| 3  | Công ty Cổ phần Western Pacific         | Số 13, đường số 12, phường Thảo Điền, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh                          | Đầu tư Bất động sản khu công nghiệp                    | 615.000.000.000   | 30,08%               |
| 4  | Công ty Cổ phần Kho bãi Phú Bình        | Tổ 4, khu phố Hải Đình, Phường Kim Đình, Thành phố Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam | Cho thuê kho, nhà xưởng, lưu giữ hàng                  | 68.400.000.000    | 36,00%               |

## ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Ban Chiến lược PC1 Group đã hoàn thành Báo cáo chiến lược Tập đoàn giai đoạn 2021-2025 tầm nhìn 2035 (đơn vị tư vấn: KPMG).

### CÁC TRỤ CỘT CHIẾN LƯỢC

#### 01 Bất động sản

- Bất động sản nhà ở: Tiếp tục khẳng định là nhà đầu tư và kinh doanh bất động sản chuyên nghiệp, tin cậy.
  - Bất động sản KCN: Ưu tiên đầu tư hạ tầng và vận hành các khu công nghiệp thông minh, khu công nghiệp sinh thái, kết hợp tiện ích logistics, cảng biển, cảng sông, hải quan.
- Mục tiêu đến năm 2030: Hoàn thành đầu tư và quản lý vận hành 1.500 ha đất công nghiệp.

#### Đầu tư năng lượng 02

Mục tiêu đến 2025:

- Đầu tư và quản lý vận hành hiệu quả 350MW các nhà máy điện NLTT.
  - Lũy kế sản lượng điện thương phẩm đạt 07 tỷ kwh, tương đương cắt giảm 5,6 triệu tấn CO2 quy đổi.
  - Hợp tác và phát triển thành công 1.000 MW điện gió offshore, onshore.
- Mục tiêu 2035: Vận hành thành công 1.000 MW điện gió offshore, onshore.

#### 03 Tổng thầu EPC

Phát triển năng lực tổng thầu EPC các công trình điện với các giải pháp đồng bộ, ưu tiên giải pháp phát triển công nghệ cao. Khẳng định vị trí top 3 Việt Nam và top 5 khu vực Đông Nam Á trong lĩnh vực tổng thầu nhà máy điện NLTT.

#### Xây lắp công trình điện 04

- Tiếp tục khẳng định vị thế và uy tín số 1 thực hiện các dự án truyền tải điện quốc gia.
- Ưu tiên các dự án kỹ thuật cao, dự án đặc thù, hợp đồng PC, EPC công trình điện và dự án khu công nghiệp.

#### 05 Sản xuất Công nghiệp

- Khẳng định vị thế số 1 Việt Nam về thiết kế, sản xuất các sản phẩm cột điện bằng thép cho lưới điện truyền tải cao áp và siêu cao áp.
- Ưu tiên phát triển sp mới, tiếp tục kết nối và phát triển thị trường quốc tế

#### Sản xuất và thương mại vật liệu mới 06

- Đầu tư phát triển thương mại các mặt hàng, các lĩnh vực có liên quan trong hệ sinh thái PC1 để hỗ trợ nâng cao năng lực cạnh tranh của các hoạt động kinh doanh cốt lõi, đồng thời bổ sung lợi nhuận và dòng tiền cho PC1.
- Đầu tư và nghiên cứu sản xuất, chế biến một số sản phẩm, kim loại có xu thế nhu cầu cao trong tương lai mà PC1 có lợi thế trong đầu tư.



# ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN (tiếp theo)

## CHIẾN LƯỢC TỔNG THỂ

### 01

#### CHIẾN LƯỢC TẤN CÔNG - CHỦ ĐẠO

Tăng cường hoạt động và đầu tư phát triển kinh doanh tại khu vực Tập đoàn có thế mạnh và có cơ hội cao.

Mở rộng thị phần, tập trung đầu tư phát triển đối với lĩnh vực:

- Đầu tư phát triển BĐS nhà ở, BĐS công nghiệp.
- Đầu tư sản xuất chế biến khoáng sản và sản phẩm mới theo chuỗi kinh doanh của Tập đoàn.
- Tổng thầu EPC dự án điện và các sản phẩm công nghệ và dịch vụ đồng bộ với sản phẩm tổng thầu EPC, thi công tổng thầu DA BĐS khu công nghiệp.
- Đầu tư phát triển các kỹ thuật, công nghệ cao cho các hoạt động kinh doanh cốt lõi, ưu tiên chuyển đổi số.

### 02

#### CHIẾN LƯỢC ĐA DẠNG HÓA

Hoạt động ổn định, tăng trưởng ở mức kiểm soát tại khu vực kinh doanh có thế mạnh nhưng không có cơ hội dẫn dắt thị trường hoặc lĩnh vực có biên lợi nhuận hiện tại không hấp dẫn:

- Đầu tư các nhà máy điện;
- Xây lắp các dự án, công trình điện truyền thống quy mô vừa và lớn;
- Sản xuất các loại cột điện cao áp truyền thống, cột viễn thông trong nước;

### 03

#### CHIẾN LƯỢC THOÁI LUI

Giảm các hoạt động kinh doanh theo lộ trình tại khu vực kinh doanh, sản phẩm yếu thế, nguy cơ rủi ro, cạnh tranh khốc liệt, biên lợi nhuận thấp.

- Giảm các hoạt động tiến đến dừng các hoạt động kinh doanh với các công trình XLĐ truyền thống có quy mô nhỏ, phân tán;
- Kinh doanh thương mại các sản phẩm không thuộc hệ sinh thái PC1 và có biên lợi nhuận thấp.

Trong quá trình triển khai chiến lược, mỗi lĩnh vực, các dòng sản phẩm sẽ được áp dụng theo chiến lược phù hợp theo từng giai đoạn để phát huy cao nhất hiệu quả kinh doanh, đạt mục tiêu tăng trưởng và tối ưu nguồn lực hữu hạn.

Mỗi lĩnh vực kinh doanh có thể áp dụng một hoặc kết hợp các chiến lược khác nhau cho từng dòng sản phẩm.

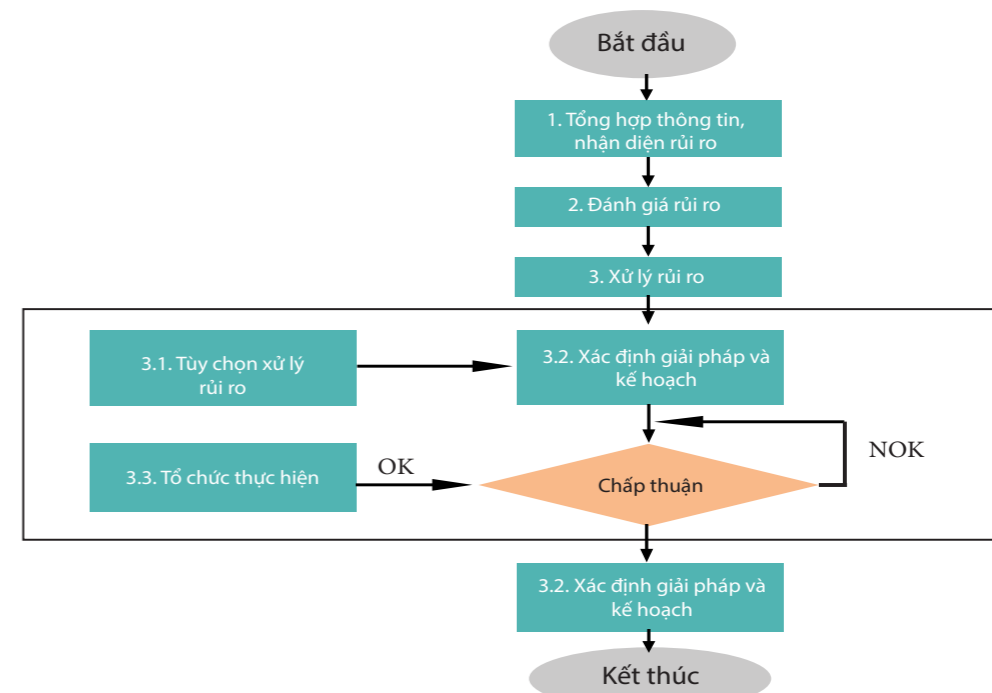
# TỔNG QUAN

## QUẢN TRỊ RỦI RO

### NGUYÊN TẮC QUẢN TRỊ RỦI RO

- ▶ Quản trị rủi ro là quá trình xuyên suốt, là một phần không thể thiếu trong tất cả các quy trình của Tập đoàn. Đặc biệt, quản trị rủi ro phải gắn liền với mục tiêu và chiến lược của Tập đoàn, là một phần quan trọng của việc ban hành bất kỳ quyết định nào liên quan đến hoạt động của Tập đoàn.
- ▶ Quản trị rủi ro phải dựa trên những thông tin hiện hữu đáng tin cậy. Các yếu tố đầu vào của quá trình quản lý rủi ro phải dựa trên các nguồn thông tin đáng tin cậy về số lượng và chất lượng, từ nhiều nguồn khác nhau, bao gồm dữ liệu đã được lưu trữ, kinh nghiệm, thông tin phản hồi của các bên liên quan, sự quan sát, dự báo và phán đoán.
- ▶ Hệ thống quản trị rủi ro bao gồm các bộ phận và nhân sự phục vụ công tác quản trị rủi ro, được tích hợp trong cơ cấu tổ chức quản lý và điều hành của Tập đoàn, vận hành song song, phù hợp với quy mô và phạm vi hoạt động của Tập đoàn.
- ▶ Các chính sách và quy trình quản trị rủi ro được thực hiện liên tục, thường xuyên cập nhật, điều chỉnh, bổ sung phù hợp với phạm vi, quy mô hoạt động, điều kiện của Tập đoàn và bối cảnh thị trường.

### QUY TRÌNH QUẢN TRỊ RỦI RO



## CÁC RỦI RO

### 01 Rủi ro môi trường

Trong lĩnh vực tổng thầu EPC và xây lắp công trình điện, hoạt động chủ yếu được tiến hành ngoài trời và tại các khu vực có địa hình phức tạp do đó điều kiện thời tiết và địa hình ảnh hưởng lớn và trực tiếp đến hiệu quả và mức độ an toàn trong lĩnh vực này. Việc phụ thuộc vào thời tiết và địa hình thi công trong ngành xây lắp điện như thi công ngầm dưới mặt đất, thi công trên vùng đồi núi hiểm trở, thi công ngoài khơi gây rất nhiều khó khăn và phát sinh rủi ro bởi nguy cơ xảy ra tai nạn lao động.

Thời tiết và địa hình tự nhiên không chỉ ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình thi công nhà máy điện mà còn ảnh hưởng trực tiếp đến việc sản xuất kinh doanh điện của các nhà máy. Với ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, trường hợp hạn hán kéo dài dẫn đến giảm lượng mưa và mực nước trên các sông hồ, đập gần nhà máy thủy điện sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến lượng điện sản xuất của các nhà máy thủy điện. Tương tự, đầu tư và sản xuất điện gió, điện mặt trời cũng chịu rủi ro về mức nắng, tốc độ gió, hướng gió...

#### Cách quản trị

PC1 luôn chú trọng khâu giám sát an toàn thi công trong quá trình triển khai dự án của mình và tuân thủ các chế độ bảo hiểm cho cả Tập đoàn và người lao động để hạn chế ảnh hưởng của yếu tố rủi ro này đến hoạt động kinh doanh chung của toàn Tập đoàn.

Đồng thời, PC1 luôn chủ động khảo sát đo đạc, theo sát dự báo khí hậu và thủy văn, thiên văn để có phương án kịp thời nhằm vận hành hiệu quả các nhà máy điện, quản trị việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Tập đoàn.

### 02 Rủi ro tài chính

Hiện nay, PC1 có mô hình hoạt động gồm nhiều công ty con, công ty liên kết bên cạnh việc đầu tư phát triển dự án năng lượng, bất động sản, sản xuất thương mại vật liệu mới đặt ra nhu cầu cao về quản trị tài chính kế hoạch và thu xếp nguồn vốn đầu tư. Bên cạnh đó, bối cảnh thị trường tài chính, tiền tệ và tín dụng biến động mạnh trong năm 2023 cũng làm gia tăng các rủi ro trong hoạt động tài chính, quản trị dòng tiền phát sinh trong quá trình đầu tư và hoạt động sản xuất kinh doanh.

#### Cách quản trị

PC1 luôn chủ động xây dựng kế hoạch tài chính ngắn, trung và dài hạn trên cơ sở kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư, đồng thời chủ động tiếp cận thị trường đối tác để lựa chọn và thu xếp thành công các nguồn vốn với chi phí hợp lý, tối ưu chi phí tài chính để quản trị rủi ro tài chính.

### 03 Rủi ro biến động giá cổ phiếu

Là Công ty niêm yết trên sàn HOSE với mã cổ phiếu PC1, các cổ đông của Tập đoàn và Tập đoàn sẽ chịu rủi ro về biến động giá cổ phiếu PC1. Ngoài các yếu tố thuộc về nội tại doanh nghiệp như tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn, nhiều yếu tố bên ngoài khác như các yếu tố thuộc về kinh tế vĩ mô, thay đổi quy định pháp luật...

#### Cách quản trị

PC1 luôn tuân thủ nghiêm Quy chế Công bố thông tin của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh, đồng thời hàng quý Tập đoàn luôn cung cấp Bản tin Nhà đầu tư cập nhật tình hình SXKD, đầu tư hàng quý một cách đầy đủ và kịp thời tới quý vị cổ đông, tổ chức Hội nghị tiếp xúc nhà đầu tư, ...

### 04 Rủi ro hoạt động

Tập đoàn phải đối mặt với rủi ro nguyên vật liệu, vật tư thiết bị nhập khẩu biến động về giá cả; tình trạng khan hiếm nhân lực, máy móc thiết bị đặc chủng vào những thời điểm nhất định. Đối với lĩnh vực tổng thầu công trình điện, đơn giá xây dựng công trình thấp, công tác giải phóng mặt bằng gặp nhiều vướng mắc, khó khăn dẫn đến công trình thi công chậm kéo dài, không hoàn thành theo kế hoạch cũng là những nguy cơ ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động kinh doanh.

#### Cách quản trị

Để hạn chế ảnh hưởng của giá vật tư, nguyên vật liệu đầu vào, Tập đoàn luôn cập nhật tình hình thị trường, thông tin giá cả trên thế giới, đồng thời mã hóa toàn bộ các nguyên vật liệu, so sánh và đa dạng nhà cung cấp - lựa chọn nhà cung ứng nguyên vật liệu cạnh tranh nhất và lập kế hoạch mua/bán kịp thời. Đồng thời, PC1 luôn sẵn sàng, chủ động dự báo nguy cơ và xây dựng các kịch bản rủi ro, phương án ứng phó với các biến động về nguồn lực đối với thi công các công trình điện, giảm thiểu tối đa tác động của sự thay đổi tới hiệu quả hoạt động kinh doanh Tập đoàn.

### 05 Rủi ro pháp lý

Lĩnh vực bất động sản các chính sách đầu tư, Luật quy hoạch đều thắt chặt, quỹ đất khan hiếm là thách thức lớn để triển khai kế hoạch phát triển của lĩnh vực bất động sản trong dài hạn. Đối với đất quy hoạch cho các dự án bất động sản đang được sử dụng, khai thác bởi dân cư, công tác giải phóng mặt bằng tại các khu vực này thường rất phức tạp, kéo dài và tiềm ẩn nhiều tranh chấp pháp lý. Mặt khác, khung giá đền bù, bồi thường đất theo quy định của Nhà nước không ổn định và có giá trị lớn, ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí đầu tư của doanh nghiệp.

#### Cách quản trị

Với chủ trương chỉ thực hiện các dự án bất động sản trên quỹ đất của Tập đoàn quản lý hoặc khu đất có mặt bằng sạch, Tập đoàn có thể chủ động hạn chế được tối đa rủi ro về đền bù giải phóng mặt bằng. Đồng thời, Tập đoàn cũng chủ động nghiên cứu, tìm hiểu các quy định pháp lý về đầu tư, đất đai, bất động sản,... để giảm thiểu các rủi ro do chính sách mang lại.

### 06 Rủi ro chiến lược

Sự biến động khó lường của kinh tế thế giới cùng với môi trường cạnh tranh gay gắt, các mối nguy về xung đột chính trị, tôn giáo, tranh chấp chủ quyền thương mại, các yếu tố lạm phát, lãi suất... cùng với sự những vướng mắc trong chính sách và thủ tục pháp lý có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong nền kinh tế nói chung và lĩnh vực hoạt động của Tập đoàn nói riêng.

#### Cách quản trị

PC1 luôn chủ động cập nhật, theo dõi sát sao và phân tích, dự báo tình hình biến động của điều kiện môi trường kinh doanh trong nước và quốc tế, thường xuyên cập nhật các biến động về lãi suất, tỷ giá, lạm phát... chủ động xây dựng các kịch bản rủi ro và biện pháp sẵn sàng ứng phó đối với các nguy cơ, diễn biến xấu của nền kinh tế - xã hội. Đồng thời bám sát Chiến lược Tập đoàn giai đoạn 2021-2025 tầm nhìn 2035, PC1 tập trung vào các trụ cột kinh doanh đồng thời nghiên cứu, mở rộng thị trường, kiểm soát chi phí, tối ưu hóa nguồn lực, đảm bảo cấu trúc vốn an toàn



# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2023

1

- 42 Tình hình hoạt động SXKD năm 2023
- 44 Tình hình hoạt động SXKD từng lĩnh vực
- 46 Tình hình đầu tư, thực hiện dự án
- 50 Tình hình tài chính
- 52 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu



# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023

## Tình hình thực hiện so với kế hoạch

|                    | Đơn vị  | Thực hiện 2023 | Kế hoạch 2023 | Thực hiện/ Kế hoạch |
|--------------------|---------|----------------|---------------|---------------------|
| Doanh thu          | Tỷ đồng | 7.775          | 9.450         | 82%                 |
| Lợi nhuận sau thuế | Tỷ đồng | 303            | 511           | 59%                 |

## Một số chỉ tiêu tài chính giai đoạn 2019-2023

| Chỉ tiêu                      | 2019  | 2020  | 2021   | 2022  | 2023  | Tỷ trọng 2023 | 2023/2022 |
|-------------------------------|-------|-------|--------|-------|-------|---------------|-----------|
| Tổng doanh thu                | 5.891 | 6.744 | 10.175 | 8.473 | 7.969 |               | 94%       |
| Doanh thu                     | 5.845 | 6.679 | 9.828  | 8.358 | 7.775 | 98%           | 93%       |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 38    | 37    | 319    | 95    | 183   | 2%            | 192%      |
| Doanh thu khác                | 8     | 28    | 28     | 20    | 11    | -             | 55%       |
| Tổng chi phí                  | 5.402 | 6.040 | 9.364  | 7.807 | 7.581 |               | 96%       |
| Giá vốn hàng bán              | 5.026 | 5.517 | 8.673  | 6.763 | 6.194 | 82%           | 92%       |
| Chi phí tài chính             | 172   | 244   | 359    | 767   | 967   | 13%           | 126%      |
| Chi phí hoạt động             | 202   | 268   | 296    | 277   | 391   | 5%            | 141%      |
| Chi phí khác                  | 2     | 11    | 36     | 61    | 29    | -             | 47%       |
| Lợi nhuận trước thuế          | 433   | 652   | 896    | 605   | 389   |               | 64%       |
| Lợi nhuận thuần từ HĐKD       | 427   | 635   | 905    | 647   | 407   |               | 63%       |
| Lợi nhuận khác                | 6     | 17    | -8     | (42)  | (18)  |               | 43%       |
| Lợi nhuận sau thuế            | 376   | 544   | 764    | 537   | 303   |               | 56%       |

**2.607**  
tỷ đồng

Doanh thu tổng thầu công trình điện

**1.461**  
tỷ đồng

Doanh thu bán điện

**1.166**  
tỷ đồng

Doanh thu sản xuất công nghiệp

**705**  
tỷ đồng

Doanh thu khoáng sản

**614**  
tỷ đồng

Doanh thu vận hành KCN

**1.222**  
tỷ đồng

Doanh thu khác

- Tổng doanh thu năm 2023 đạt 7.775 tỷ đồng, tương ứng 82% kế hoạch năm. Trong đó doanh thu bán điện đạt 1.461 tỷ đồng, giảm 15% so với năm trước; doanh thu bất động sản đạt 801 tỷ đồng, tăng 514% nhờ đóng góp của lĩnh vực kinh doanh hạ tầng BĐS khu công nghiệp; doanh thu sản xuất công nghiệp đạt 1.166 tỷ đồng, tăng 81% so với năm trước.

- Năm 2023 lãi suất đi vay biến động tăng so với cùng kỳ năm trước dẫn đến chi phí lãi vay tăng. Ngoài ra, nhà máy tuyển quặng của Công ty Cổ phần Khoáng sản Tấn Phát (công ty con) đã đi vào vận hành trong năm nên đã hết thời gian vốn hóa chi phí lãi vay, cũng là nguyên nhân dẫn đến chi phí lãi vay tăng so với năm trước.

- Do ảnh hưởng của hiện tượng El Nino nên sản lượng điện các nhà máy thủy điện giảm, là nguyên nhân chính dẫn đến doanh thu và lợi nhuận gộp bán điện giảm so với cùng kỳ năm trước.

- Do vậy, năm 2023 LNST hợp nhất đạt 303 tỷ đồng tương ứng 59% kế hoạch năm



# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TỪNG LĨNH VỰC

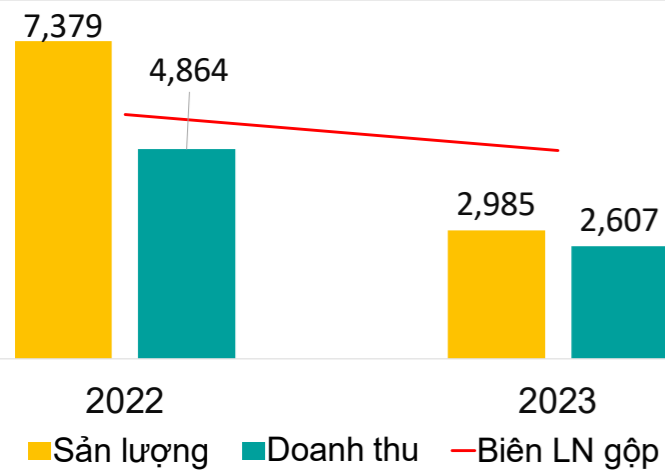
## TỔNG THẦU CÔNG TRÌNH ĐIỆN

Năm 2023, lĩnh vực thi công xây lắp, tổng thầu công trình điện sụt giảm so với cùng kỳ do các dự án đầu tư năng lượng tái tạo vẫn chờ chính sách giá, quy hoạch..., các dự án đầu tư lưới truyền tải trong ngành cũng không nhiều. Doanh thu lĩnh vực Tổng thầu công trình điện năm 2023 đạt 2.607 tỷ đồng, giảm 46% so với cùng kỳ năm trước, đạt 71% kế hoạch năm. Biên lợi nhuận gộp ở mức 9,0%.

Ngoài thi công trong ngành điện, Khối Điện và Công nghiệp cũng đồng thời thực hiện thi công hạ tầng các khu công nghiệp do Tập đoàn góp vốn đầu tư.

Giá trị hợp đồng ký mới trong kỳ đạt 3.536 tỷ đồng, backlog sang năm 2024 đạt 4.237 tỷ đồng (bao gồm cả VAT). Từ cuối năm 2023 và đầu năm 2024, PC1 đã trúng nhiều gói thầu thuộc dự án đường dây 500kV mạch 3 mở rộng, lũy kế đến hết tháng 1/2024 đạt hơn 2.100 tỷ đồng (bao gồm cả thi công xây lắp, cung cấp cột thép, máy móc thiết bị...). Đã trúng thầu thi công quốc tế đường dây 500kV Moonsun trên lãnh thổ Lào 200 tỷ đồng. Mục tiêu tổng ký mới năm 2024 đạt 7.500 tỷ, doanh thu khoảng 5.000 tỷ.

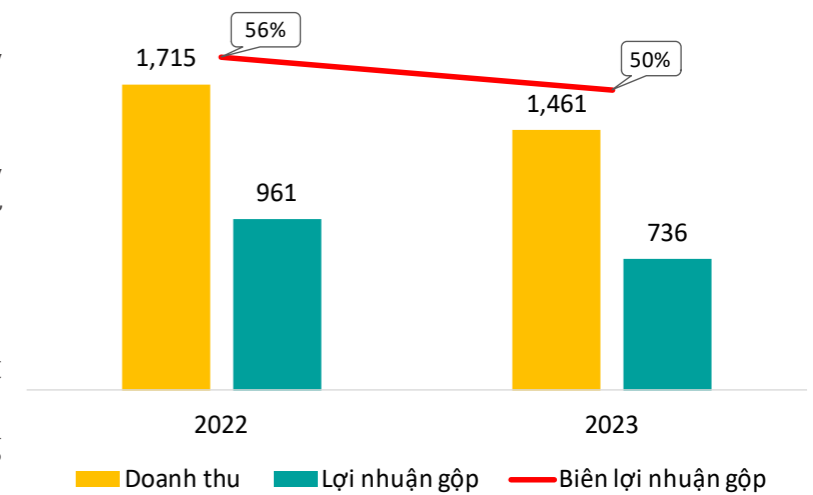
PC1 đang tiếp tục nghiên cứu, mở rộng thị trường nước ngoài và thực hiện các đề án phát triển mở rộng thị trường quốc tế. Đồng thời mở rộng thị trường các sản phẩm điện mặt trời, BESS, nhà kho thông minh; TT OCC, IOC đối với các nhà máy điện, khu công nghiệp, dự án vốn FDI.



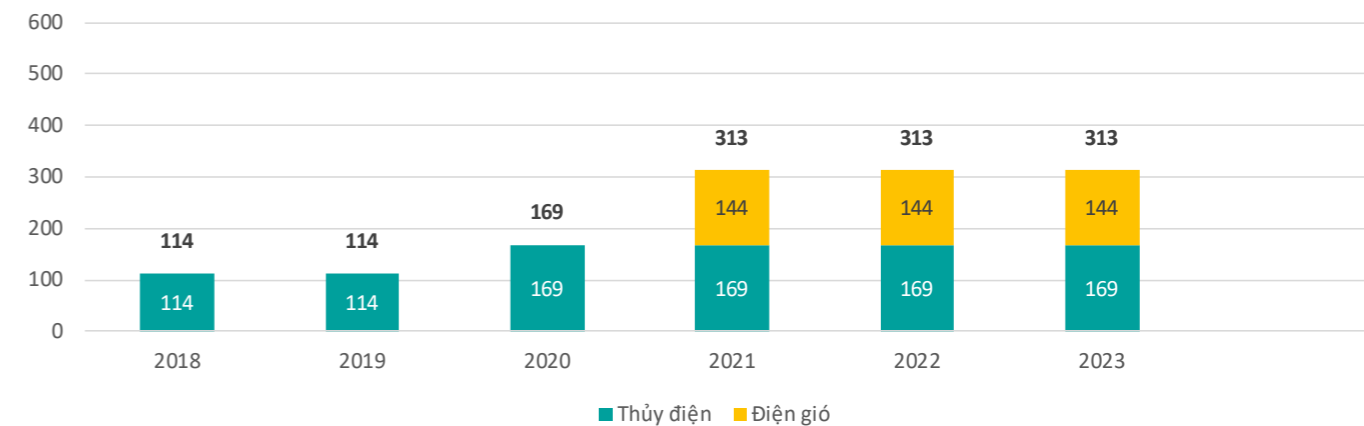
## NĂNG LƯỢNG

Doanh thu năm 2023 đạt 1.461 tỷ đồng, tương ứng 85% kế hoạch năm. Do ảnh hưởng tiêu cực của các hiện tượng thời tiết bất lợi, sản lượng thủy điện đạt thấp và chỉ được cải thiện từ quý 3. Điện gió hoạt động ổn định và đạt kết quả khả quan.

Dự kiến năm 2024: Doanh thu phát điện đạt gần 1.600 tỷ đồng. Dự án thủy điện Bảo Lạc A 30 MW và Thương Hà 13 MW khởi công vào quý III/2024.



## Lũy kế công suất theo thời điểm phát điện (MW)

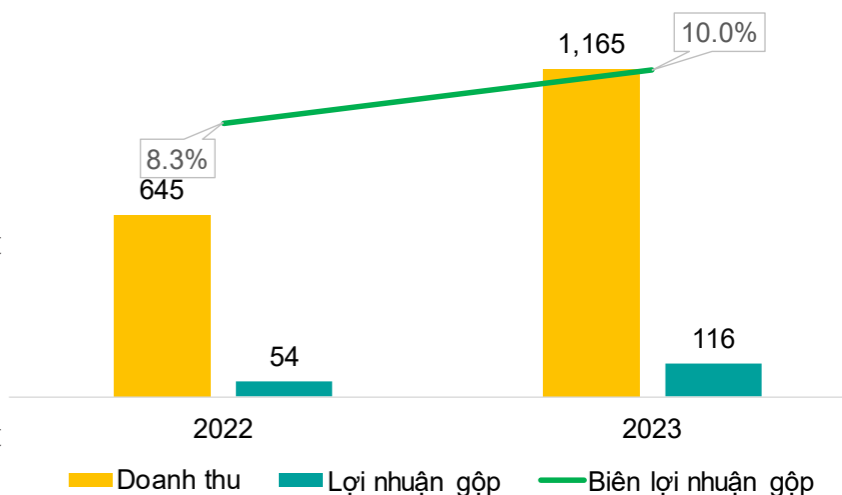


## SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

Doanh thu năm 2023 đạt 1.165 tỷ đồng, vượt 23% kế hoạch năm.

Số lượng hợp đồng ký mới năm 2023 đạt 1.194 tỷ đồng, giá trị backlog tại 31/12/2023 là 187 tỷ đồng.

Năm 2024, các nhà máy chế tạo cột thép tiếp tục nâng cao hiệu suất vận hành để đáp ứng được nhu cầu thị trường, đặc biệt là cung cấp cột thép cho dự án 500kV mạch 3 kéo dài. Ngoài ra phát triển thị trường xuất khẩu. Giá trị ký mới mục tiêu năm 2024 là hơn 1.100 tỷ đồng, doanh thu 1.300 tỷ đồng.



## BẤT ĐỘNG SẢN

### Bất động sản nhà ở

Công ty sẽ nỗ lực hoàn thiện thủ tục pháp lý cho các dự án đã phát triển (Gia Lâm, Bắc Từ Liêm...), đồng thời nghiên cứu phát triển dự án mới thông qua các hình thức M&A, đấu giá... để có thể ghi nhận doanh thu từ năm 2025.

### Bất động sản công nghiệp

- Doanh thu đến từ hoạt động khai thác, vận hành khu công nghiệp Nhật Bản - Hải Phòng trong năm 2023 đạt 614 tỷ đồng, chiếm 77% doanh thu lĩnh vực bất động sản.
- Năm 2024, công ty liên kết sẽ bắt đầu ghi nhận doanh thu, lợi nhuận tại dự án Yên Phong II-A, qua đó bổ sung đáng kể vào lợi nhuận hợp nhất của PC1 khoảng 100 tỷ đồng.
- Công ty đang tiếp tục phát triển các dự án mới tại Hải Phòng, Vũng Tàu, mục tiêu được cấp chủ trương đầu tư trong năm 2024.



## TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

### CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN

#### Đầu tư sản xuất và kinh doanh khoáng sản, vật liệu mới

Dự án Khai thác lộ thiên khoáng sản Niken – Đồng tại xã Quang Trung huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng với tổng mức đầu tư hơn 1.700 tỷ đồng do Công ty Cổ phần Khoáng sản Tấn Phát – công ty con của PC1 làm chủ đầu tư. Khởi công xây dựng vào tháng 7/2021, đến nay dự án đã đi vào vận hành và mang về doanh thu.

#### Đầu tư góp vốn vào Công ty cổ phần Kho bãi Phú Bình

Ngày 07/4/2023, Công ty cổ phần Kho bãi Phú Bình trở thành công ty liên kết của PC1 sau khi Công ty hoàn tất việc mua lại 1.800.000 cổ phần từ các cổ đông hiện hữu để có tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết đối với công ty này là 36%.

### Thông tin dự án thực hiện trong năm 2023

|  |  |
|--|--|
| Tên dự án:                                     | Thủy điện Bảo Lạc A  |
| Tên nhà đầu tư                                 | Công ty CP Thủy điện Sông Gâm  |
| Mục tiêu đầu tư                                | Sản xuất điện  |
| Quy mô dự án                                   | Công suất 30 MW  |
| Năng lực sản xuất                              | Điện lượng bình quân hàng năm 115,46 triệu KWh - BCNCKT (116,581 triệu KWh - QĐ 1638)  |
| Địa điểm thực hiện dự án                       | Xã Cô Ba và xã Khánh Xuân, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng  |
| 1 Tổng mức đầu tư dự án                        | 1.166,282 tỷ đồng  |
| Kế hoạch và thời điểm vận hành thương mại      | Q4/2026  |
| Tình hình và tiến độ thực hiện dự án trong năm | Q1/2024: Hoàn thiện pháp lý chuẩn bị đầu tư dự án, pháp lý GPMB<br>Q2/24:<br>- Tổ chức lựa chọn nhà thầu, ký kết hợp đồng tổng thầu EPC, các gói xây dựng, thiết bị chính<br>- Thực hiện công tác GPMB giai đoạn 1 (công trình chính và công trình phụ trợ)<br>Q3-4/2024:<br>- Tháng 8/2024: Khởi công dự án<br>- Thi công xây dựng theo tiến độ   |
| Tên dự án:                                     | Thủy điện Thượng Hà  |
| Tên nhà đầu tư                                 | Công ty CP Tập đoàn PC1<br>Kế hoạch chuyển sang Công ty CP Thủy điện Sông Gâm trong Q2/2024  |
| Hình thức đầu tư                               | BOO (Xây dựng-Vận hành-Sở hữu)   |
| Mục tiêu đầu tư                                | Sản xuất điện  |
| Quy mô dự án                                   | Công suất 13 MW  |
| Năng lực sản xuất                              | Điện lượng bình quân hàng năm 45,929 triệu KWh - tính toán HQKTDA (44,375 triệu KWh - QĐ 1638/BCNCKT)  |
| Địa điểm thực hiện dự án                       | Xã Thượng Hà, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng   |
| 2 Tổng mức đầu tư dự án                        | 524,194 tỷ đồng  |
| Kế hoạch và thời điểm vận hành thương mại      | Q3/2026  |
| Tình hình và tiến độ thực hiện dự án trong năm | Q1-2/2024:<br>- Hoàn thiện pháp lý chuẩn bị đầu tư dự án, pháp lý GPMB<br>- Hoàn thành công tác chuyển nhượng CĐT<br>- Tổ chức lựa chọn nhà thầu, ký kết hợp đồng tổng thầu EPC, các gói xây dựng, thiết bị chính<br>- Thực hiện công tác GPMB giai đoạn 1 (công trình chính và công trình phụ trợ)<br>Q3-4/2024:<br>- Tháng 8/2024: Khởi công dự án<br>- Thi công xây dựng theo tiến độ |



## CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Chi tiết kết quả sản xuất kinh doanh thực hiện trong năm của các công ty con, công ty liên kết như sau

| STT | Công ty con   | Thực hiện năm 2023        |                        |                        | Thực hiện năm 2022        |                        |                        | Thực hiện năm 2023/Thực hiện năm 2022 |                        |                        |
|-----|---|---------------------------|------------------------|------------------------|---------------------------|------------------------|------------------------|---------------------------------------|------------------------|------------------------|
|     |   | Tổng Tài Sản<br>(tỷ đồng) | Doanh Thu<br>(tỷ đồng) | Lợi Nhuận<br>(tỷ đồng) | Tổng Tài Sản<br>(tỷ đồng) | Doanh Thu<br>(tỷ đồng) | Lợi Nhuận<br>(tỷ đồng) | Tổng Tài Sản<br>(tỷ đồng)             | Doanh Thu<br>(tỷ đồng) | Lợi Nhuận<br>(tỷ đồng) |
| 1   | Công ty Cổ phần PC1 Hà Nội                              | 212                       | 433,1                  | 3                      | 175                       | 241                    | 2,3                    | 1,2                                   | 1,8                    | 1,2                    |
| 2   | Công ty TNHH MTV Xây lắp điện I - Miền Nam              | 214                       | 411,3                  | 2                      | 287                       | 395                    | 1,0                    | 0,7                                   | 1,0                    | 1,8                    |
| 3   | Công ty TNHH MTV Xây lắp điện I - Miền Bắc              | 39                        | 3,0                    | (2)                    | 68                        | 90                     | (8,4)                  | 0,6                                   | 0,0                    | 0,3                    |
| 4   | Công ty TNHH MTV Xây lắp điện I - Mỹ Đình               | 286                       | 383,0                  | 4                      | 291                       | 347                    | 3,0                    | 1,0                                   | 1,1                    | 1,2                    |
| 5   | Công ty TNHH MTV Xây lắp điện I - Hà Đông               | 12                        | 2,1                    | (0)                    | 28                        | 45                     | (3,4)                  | 0,4                                   | 0,0                    | 0,0                    |
| 6   | Công ty TNHH MTV PC1 Nàng Hương                         | 7                         | 30,2                   | 1                      | 7                         | 28                     | 1,0                    | 1,1                                   | 1,1                    | 1,0                    |
| 7   | Công ty Cổ phần PC1 Thăng Long                          | 122                       | 201,7                  | 2                      | 109                       | 237                    | 1,3                    | 1,1                                   | 0,9                    | 1,2                    |
| 8   | Công ty TNHH Chế tạo Cột thép Đông Anh                  | 701                       | 1.225,3                | 32                     | 628                       | 843                    | 25,2                   | 1,1                                   | 1,5                    | 1,3                    |
| 9   | Công ty CP Thủy điện Trung Thu                          | 621                       | 107,7                  | 22                     | 712                       | 167                    | 75,0                   | 0,9                                   | 0,6                    | 0,3                    |
| 10  | Công ty CP Đầu tư Địa ốc Mỹ Đình                        | 107                       | 1,3                    | 4                      | 118                       | 114                    | 33,0                   | 0,9                                   | 0,0                    | 0,1                    |
| 11  | Công ty CP Lắp máy Công nghiệp Việt Nam                 | 63                        | 95,0                   | 3                      | 53                        | 131                    | 4,3                    | 1,2                                   | 0,7                    | 0,8                    |
| 12  | Công ty Cổ phần Năng lượng Bảo Lâm                      | 116                       | 77,8                   | (14)                   | 144                       | 124                    | (1,1)                  | 0,8                                   | 0,6                    | 12,8                   |
| 13  | Công ty CP Đầu tư Năng lượng Miền Bắc                   | 707                       | 103,8                  | 1                      | 762                       | 158                    | 41,6                   | 0,9                                   | 0,7                    | 0,0                    |
| 14  | Công ty CP Cơ khí Ô tô Hòa Bình                         | 152                       | 68,4                   | 14                     | 134                       | 6                      | 5,6                    | 1,1                                   | 12,1                   | 2,5                    |
| 15  | Công ty CP Đầu tư Thương mại Tiến Bộ                    | 274                       | -                      | 4                      | 149                       | 2                      | 2,4                    | 1,8                                   | -                      | 1,7                    |
| 16  | Công ty CP Điện gió Liên Lập                            | 1.942                     | 276,7                  | 27                     | 2.033                     | 257                    | 10,6                   | 1,0                                   | 1,1                    | 2,5                    |
| 17  | Công ty CP Điện gió Phong Nguyên                        | 1.937                     | 312,4                  | 60                     | 2.092                     | 284                    | 36,6                   | 0,9                                   | 1,1                    | 1,6                    |
| 18  | Công ty CP Điện gió Phong Huy                           | 1.973                     | 321,5                  | 67                     | 2.106                     | 288                    | 38,3                   | 0,9                                   | 1,1                    | 1,7                    |
| 19  | Công ty CP Đầu tư và Dịch vụ công nghệ                  | 110                       | 133,5                  | 5                      | 36                        | 61                     | 1,5                    | 3,0                                   | 2,2                    | 3,6                    |
| 20  | Công ty CP Thủy điện Sông Gâm                           | 62                        | -                      | -                      | 48                        | -                      | -                      | 1,3                                   | -                      | -                      |
| 21  | Công ty CP Khoáng sản Tấn Phát                          | 2.113                     | 526,7                  | 117                    | 1.632                     | -                      | (0,3)                  | 1,3                                   | -                      | 429,6                  |
| 22  | Công ty CP Thiết bị Thương mại                          | 185                       | -                      | 2                      | 153                       | 3                      | 2,1                    | 1,2                                   | -                      | 1,1                    |
| 23  | Asia Dragon Trading Pte.Tld                             | 66                        | 852,6                  | 8                      | 871                       | 80                     | 7,6                    | 0,1                                   | 10,7                   | 1,0                    |
| 24  | Công ty Phát triển Khu công nghiệp Nhật Bản - Hải Phòng | 953                       | 614,1                  | 154                    | -                         | -                      | -                      | -                                     | -                      | -                      |
| 25  | CTCP KCN Quốc tế Hải Phòng                              | 19                        | -                      | -                      | -                         | -                      | -                      | -                                     | -                      | -                      |
| 26  | PC1 Australia Pty Ltd                                   | 4                         | -                      | (2)                    | -                         | -                      | -                      | -                                     | -                      | -                      |

# TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

| Chỉ tiêu                          | Đơn vị  | 2019  | 2020   | 2021   | 2022   | 2023   | % tăng giảm 2023 so với 2022 |
|-----------------------------------|---------|-------|--------|--------|--------|--------|------------------------------|
| Tổng giá trị tài sản              | Tỷ đồng | 8.315 | 10.722 | 18.687 | 21.754 | 20.235 | (7%)                         |
| Doanh thu thuần                   | Tỷ đồng | 5.845 | 6.679  | 9.828  | 8.358  | 7.775  | (7%)                         |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | Tỷ đồng | 427   | 635    | 905    | 647    | 407    | (37%)                        |
| Lợi nhuận khác                    | Tỷ đồng | 6     | 17     | (8)    | (42)   | (18)   | (57%)                        |
| Lợi nhuận trước thuế              | Tỷ đồng | 433   | 652    | 896    | 605    | 389    | (36%)                        |
| Lợi nhuận sau thuế                | Tỷ đồng | 376   | 544    | 764    | 537    | 303    | (44%)                        |
| Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức        |         | 85%   | 70%    | 46%    | 76%    | 154%   | 104%                         |

Giai đoạn 5 năm 2019-2023, PC1 có tốc độ tăng trưởng CAGR tổng tài sản là 19%/năm; doanh thu thuần tăng trưởng trung bình 6%; lợi nhuận thuần và lợi nhuận sau thuế có CAGR lần lượt là (1%) và (4%).

Năm 2023 tổng tài sản giảm 7% so với năm trước do chuyển xây dựng cơ bản dở dang của dự án khai thác lộ thiên khoáng sản Niken – Đồng sang tài sản cố định hữu hình, nên PC1 phải trích hoa mòn cho tài sản cố định này.

Doanh thu thuần năm 2023 giảm 7% so với năm trước, là ảnh hưởng của mức nền cao, do năm 2022 PC1 có doanh thu cao (hơn 6.500 tỷ đồng) từ hoạt động tổng thầu EPC các công trình điện. Bù lại, năm 2023 doanh thu mảng khai thác, vận hành khu công nghiệp và mảng sản xuất công nghiệp tăng trưởng lần lượt 672% và 47% so với năm trước đóng góp vào kết quả kinh doanh toàn Tập đoàn.

Lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2023 đạt 303 tỷ đồng, giảm so với năm trước. Nguyên nhân chủ yếu là do năm 2023 chi phí lãi vay tăng do dùng vốn hóa lãi vay của các nhà máy điện gió sau khi COD (tháng 10/2021) và lãi trái phiếu phát hành. Tỷ giá USD/VND tăng làm tăng chi phí tài chính chưa thực hiện của việc đánh giá lại toàn bộ số dư khoản vay ngoại tệ. Gốc vay này Công ty sẽ trả dần trong 14 năm do đó không ảnh hưởng đến dòng tiền hiện tại của Công ty. Doanh thu hoạt động tài chính tăng chủ yếu do năm 2023 ghi nhận lãi tiền gửi, lãi cho vay 124 tỷ đồng, do lãi suất tăng cao làm tăng lãi tiền gửi có kỳ hạn của PC1. Bên cạnh đó, lãi trong công ty liên doanh, liên kết giảm so với năm trước do tình hình kinh tế chung khó khăn.

## CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

### Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

| Chỉ tiêu                      | 2019 | 2020 | 2021 | 2022 | 2023 |
|-------------------------------|------|------|------|------|------|
| Khả năng thanh toán hiện hành | 1,66 | 1,53 | 1,14 | 1,33 | 1,46 |
| Khả năng thanh toán nhanh     | 1,04 | 1,32 | 0,96 | 1,14 | 1,26 |
| Khả năng thanh toán lãi vay   | 3,53 | 3,69 | 3,84 | 2,00 | 1,46 |

Khả năng thanh toán của PC1 luôn được đảm bảo an toàn với các chỉ số khả năng thanh toán luôn ở mức lớn hơn 1, nghĩa là PC1 đủ khả năng trả các khoản nợ ngắn hạn của doanh nghiệp. Chỉ số khả năng thanh toán ngắn hạn của PC1 bao gồm khả năng thanh toán hiện hành, khả năng thanh toán nhanh đều tăng nhẹ so với năm 2022. Khả năng thanh toán lãi vay năm 2023 giảm nhẹ do trong năm 2022 Tập đoàn đã phát hành 1.200 tỷ đồng trái phiếu riêng lẻ để đầu tư vào lĩnh vực BĐS khu công nghiệp.

### Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

| Chỉ tiêu                  | 2019 | 2020 | 2021 | 2022 | 2023 |
|---------------------------|------|------|------|------|------|
| + Hệ số Nợ/Tổng tài sản   | 0,56 | 0,56 | 0,66 | 0,67 | 0,64 |
| + Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu | 1,25 | 1,25 | 1,98 | 2,03 | 1,78 |

Tại 31/12/2023, hệ số Nợ/ Tổng tài sản và Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu của PC1 duy trì giảm nhẹ so với năm 2022 tiếp tục duy trì ở mức an toàn và ổn định so với các doanh nghiệp cùng ngành. Việc duy trì lượng nợ tài chính ở mức ổn định giúp PC1 có được hiệu quả sử dụng vốn tốt, đồng thời vẫn đảm bảo sự cân bằng trong quá trình huy động vốn và đầu tư các dự án của mình.

### Chỉ tiêu năng lực hoạt động

| Chỉ tiêu                 | 2019 | 2020 | 2021  | 2022 | 2023 |
|--------------------------|------|------|-------|------|------|
| + Vòng quay hàng tồn kho | 4,58 | 5,10 | 10,62 | 7,54 | 6,76 |
| + Vòng quay tổng tài sản | 0,78 | 0,70 | 0,67  | 0,41 | 0,37 |

Vòng quay hàng tồn kho năm 2022 giảm gần 1 lần, tuy vậy chỉ số vòng quay hàng tồn kho đã có sự cải thiện so với trung bình các năm trước. Nguyên nhân chủ yếu là do mức nền cao, năm 2021 PC1 ghi nhận hàng tồn kho được luân chuyển nhanh chóng, vòng quay hàng tồn kho tăng mạnh do nhiều dự án tổng thầu các công trình điện lớn đã hoàn thành và đã được nghiệm thu trước 31/10/2021 để được hưởng giá bán điện ưu đãi.

Năm 2023, vòng quay tổng tài sản giảm chủ yếu là do giảm doanh thu thuần và mức nền tổng tài sản năm 2022 duy trì ở mức cao do tăng quy mô tài sản đầu tư xây dựng cơ bản nhà máy khoáng sản Niken và đầu tư lĩnh vực bất động sản công nghiệp theo định hướng chiến lược dài hạn của Tập đoàn.



## Chỉ tiêu khả năng sinh lời

| Chỉ tiêu                           | 2019  | 2020  | 2021  | 2022  | 2023  |
|------------------------------------|-------|-------|-------|-------|-------|
| Tỷ suất lợi nhuận ròng             | 6,4%  | 8,1%  | 7,8%  | 6,4%  | 3,9%  |
| Tỷ suất lợi nhuận gộp              | 14,0% | 17,4% | 11,8% | 19,1% | 20,3% |
| Tỷ suất sinh lời của tài sản (ROA) | 5,0%  | 5,7%  | 5,2%  | 2,7%  | 1,4%  |
| Tỷ suất sinh lời của VCSH (ROE)    | 10,8% | 12,9% | 13,8% | 8,0%  | 4,2%  |

Năm 2023, do ảnh hưởng của biến động kinh tế thế giới, lạm phát, thiếu hụt nguồn cung và chi phí vốn tăng cao, chi phí đi vay không được vốn hóa sau giai đoạn đầu tư XDCB cũng khiến tỷ suất lợi nhuận ròng và tỷ suất sinh lời của vốn chủ giảm.

## CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

### THÔNG TIN CỔ PHIẾU

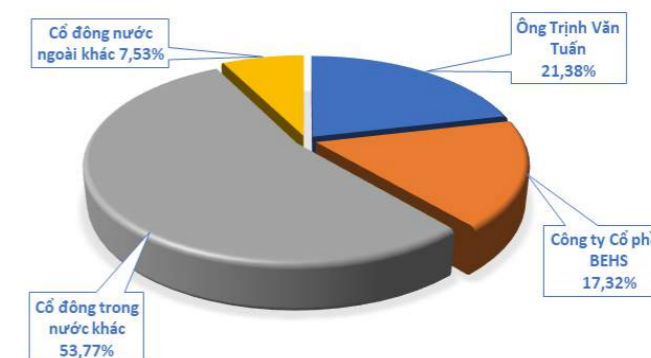
|  |                                       |
|--|---------------------------------------|
| Tên cổ phiếu                               | Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 |
| Loại cổ phiếu                              | Cổ phiếu phổ thông                    |
| Mã chứng khoán                             | PC1                                   |
| Mệnh giá cổ phiếu                          | 10.000 đồng/cổ phiếu                  |
| Ngày bắt đầu niêm yết/ đăng ký giao dịch   | 16/11/2016                            |
| Tổng số cổ phiếu đang lưu hành             | 310.995.558 cổ phiếu                  |
| Tổng số cổ phiếu quỹ                       | 0 cổ phiếu                            |
| Số lượng cổ phiếu chuyển nhượng tự do      | 310.995.558 cổ phiếu                  |
| Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng | 0 cổ phiếu                            |

## CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

| STT       | Đối tượng                                  | Số lượng cổ phiếu | Tỷ lệ sở hữu (%) | Số lượng cổ đông | Cơ cấu cổ đông |         |
|-----------|--|-------------------|------------------|------------------|----------------|---------|
|           |  |                   |                  |                  | Tổ chức        | Cá nhân |
| 1         | Cổ đông nhà nước                           | -                 | -                | -                | -              | -       |
| 2         | Cổ đông sáng lập/<br>cổ đông FDI           | -                 | -                | -                | -              | -       |
|           | - Trong nước                               | -                 | -                | -                | -              | -       |
|           | - Nước ngoài                               | -                 | -                | -                | -              | -       |
| 3         | Cổ đông lớn                                | 120.357.609       | 38,70%           | 2                | 1              | 1       |
|           | - Trong nước                               | 120.357.609       | 38,70%           | 2                | 1              | 1       |
|           | - Nước ngoài                               | -                 | -                | -                | -              | -       |
| 4         | Công đoàn Công ty                          | -                 | -                | -                | -              | -       |
| 5         | Cổ phiếu quỹ                               | -                 | -                | -                | -              | -       |
| 6         | Cổ đông sở hữu cổ phiếu<br>ưu đãi (nếu có) | -                 | -                | -                | -              | -       |
| 7         | Cổ đông khác                               | 190.637.949       | 61,30%           | 12.218           | 93             | 12.125  |
|           | - Trong nước                               | 67.227.626        | 53,77%           | 12.053           | 52             | 12.001  |
|           | - Nước ngoài                               | 23.410.323        | 7,53%            | 165              | 41             | 124     |
|           | Tổng cộng                                  | 310.995.558       | 100,00%          | 12.220           | 94             | 12.126  |
| Trong đó: | - Trong nước                               | 287.585.235       | 92,47%           | 12.055           | 53             | 12.002  |
|           | - Nước ngoài                               | 23.410.323        | 7,53%            | 165              | 41             | 124     |

### Sở hữu của cổ đông lớn

| STT | Cá nhân/Tổ chức      | Số lượng cổ phiếu sở hữu | Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%) |
|-----|----------------------|--------------------------|----------------------|
| 1   | Trịnh Văn Tuấn       | 66.497.271               | 21,38%               |
| 2   | Công ty Cổ phần BEHS | 53.860.338               | 17,32%               |



Cơ cấu sở hữu cổ phần PC1 đến 31/12/2023



## TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU


| Năm     | Vốn điều lệ sau khi phát hành (đồng) | Nội dung tăng vốn   |
|---------|--------------------------------------|---|
| 2005    | 50.000.000.000                       | Cổ phần hóa   |
| 2008    | 66.670.000.000                       | Phát hành cho cổ đông hiện hữu để đầu tư dự án Khu nhà ở và dịch vụ thương mại Nàng Hương   |
| 2009    | 100.000.000.000                      | Phát hành cho cổ đông hiện hữu và phát hành riêng lẻ để Đầu tư giai đoạn 2 dự án Khu nhà ở và dịch vụ thương mại Nàng Hương và bổ sung vốn lưu động cho Công ty |
| 2011    | 140.000.000.000                      | Phát hành cho cổ đông hiện hữu để Huy động vốn đầu tư cho dự án Mỹ Đình và các dự án đầu tư khác  |
| 2013    | 180.000.000.000                      | Phát hành để trả cổ tức bằng cổ phiếu và thưởng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu   |
| 2014    | 201.000.000.000                      | Trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu   |
| 2015    | 341.694.850.000                      | Phát hành và trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu  |
| 6/2016  | 637.821.960.000                      | Phát hành để trả cổ tức và thưởng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu   |
| 8/2016  | 752.629.140.000                      | Phát hành riêng lẻ để huy động vốn để thực hiện đầu tư dự án Thủy điện Bảo Lâm 3  |
| 6/2017  | 978.413.200.000                      | Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2016   |
| 10/2017 | 1.154.528.420.000                    | Phát hành riêng lẻ để bổ sung nguồn vốn thực hiện đầu tư dự án Thủy điện Mông Ân (Bảo Lâm 4), Thủy điện Bảo Lạc B (Bảo Lâm 2A) và dự án Bất động sản Thanh Xuân |
| 2018    | 1.327.702.940.000                    | Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2017   |
| 2019    | 1.593.239.290.000                    | Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2018   |
| 2020    | 1.911.811.590.000                    | Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2019   |
| 2021    | 2.351.596.490.000                    | Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2020 và phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP)  |
| 2022    | 2.704.330.020.000                    | Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2021   |
| 2023    | 3.109.955.580.000                    | Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2022   |

## GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại: 0 cổ phiếu.  
Trong năm 2023, Tập đoàn không thực hiện giao dịch cổ phiếu quỹ.







## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

**2**

**58** Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh

**60** Tình hình tài chính

**61** Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

**62** Kế hoạch phát triển trong tương lai





## ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Diễn biến kinh tế xã hội toàn cầu năm 2023 diễn biến phức tạp với nhiều phát sinh mới về xung đột chính trị, lạm phát, lãi suất tăng cao, tâm lý các nhà sản xuất và tiêu dùng không ổn định. Điều đó đã ảnh hưởng tiêu cực đến giảm tổng cầu và suy giảm đáng kể tăng trưởng kinh tế của hầu hết các nền kinh tế lớn. Việt Nam không nằm ngoài sự ảnh hưởng tiêu cực đó, các hoạt động của nền kinh tế gặp nhiều khó khăn và thách thức lớn hơn là những cơ hội và thuận lợi. Những khó khăn đã làm giảm đáng kể đà tăng trưởng của kinh tế đất nước, một số chỉ tiêu kinh tế quan trọng quốc gia năm 2023 đã không đạt mục tiêu kế hoạch.

Đối với các lĩnh vực kinh tế trọng yếu trong nước như: ngành điện; lĩnh vực Bất động sản; sản xuất chế biến và xuất nhập khẩu ... gặp nhiều khó khăn, suy giảm, tăng trưởng thấp ảnh hưởng xấu đến việc làm, thu nhập người lao động và khó khăn tài chính trong cộng đồng doanh nghiệp. Trong đó ngành Công nghiệp và xây dựng năm 2023 với mức tăng trưởng 3,02% là mức thấp nhất trong mười năm gần đây.

Tập đoàn PC1 chúng ta triển khai kế hoạch năm 2023 với mong muốn kiến tạo những thành công mới, những dự án đầu tư mới nhằm hướng tới Kỷ niệm chào mừng 60 năm ngày thành lập Tập đoàn, ngày 02/3/1963 – 02/3/2023, một mốc thời gian quan trọng và ý nghĩa trong chặng đường dài xây dựng và phát triển của PC1. Song thực tế những khó khăn lớn, những thách thức phát sinh đã cản bước tiến đến mục tiêu kế hoạch này, kết quả kinh doanh năm 2023 đã không đạt các chỉ tiêu kế hoạch

| STT | Chỉ tiêu           | Đơn vị  | Kế hoạch | Thực hiện | Kết quả %<br>(Thực hiện/<br>Kế hoạch) |
|-----|--------------------|---------|----------|-----------|---------------------------------------|
| 1   | Tổng doanh thu     | Tỷ đồng | 9.450    | 7.775     | 82%                                   |
| 2   | Lợi nhuận sau thuế | Tỷ đồng | 511      | 303       | 59%                                   |
| 3   | Cổ tức             | %       | 15%      | 15%       | 100%                                  |

### Nguyên nhân tác động tiêu cực đến kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023

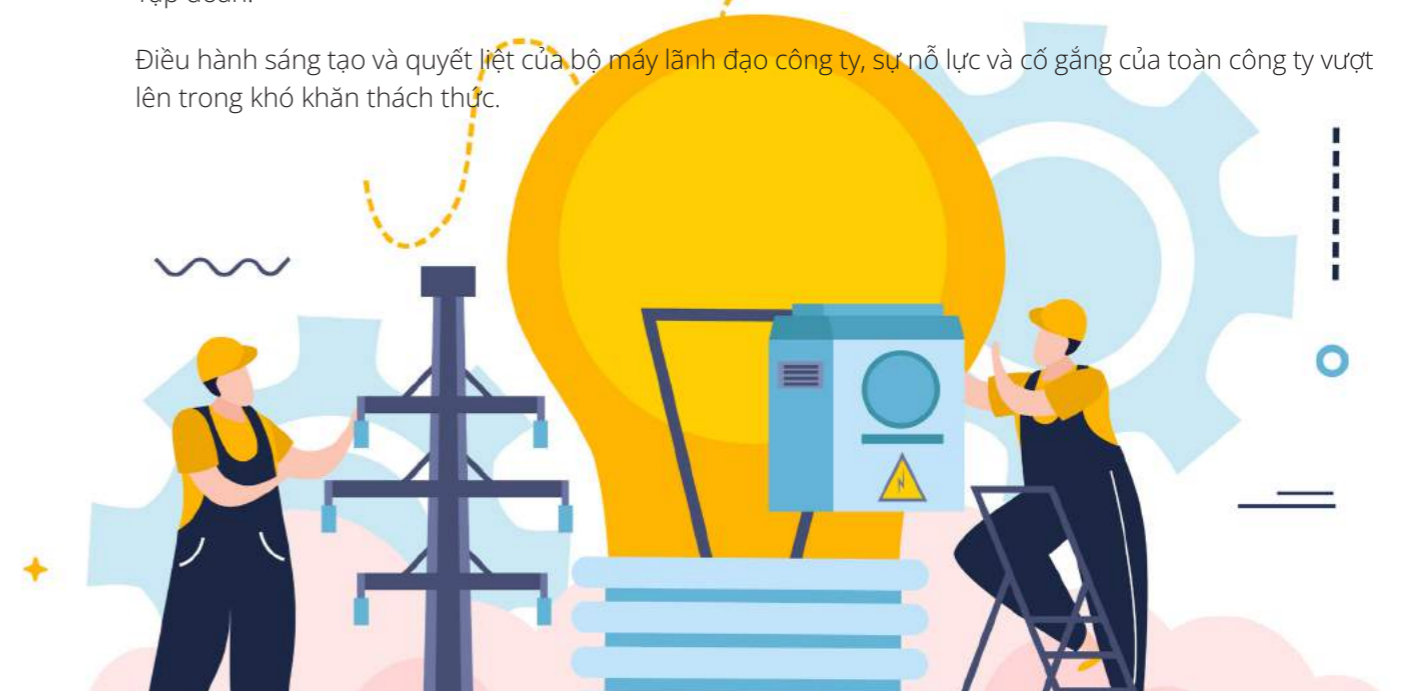
- Kinh tế thế giới suy giảm, kinh tế Việt Nam giảm tốc độ tăng trưởng, ảnh hưởng cụ thể đến PC1 như: i - Khoản vay ngoại tệ của PC1 trong năm bị ảnh hưởng bởi tỷ giá và lãi suất SOFR tăng làm phát sinh tăng chi phí tài chính trong năm 2023; ii- Các hợp đồng Tổng thầu EPC dự án điện quốc tế chậm tiến độ, lùi thời gian; iii- Các đơn hàng xuất khẩu cột thép 2023 không đạt được theo kế hoạch; iv- Giá kim loại màu thế giới giảm sâu làm giảm kết quả kinh doanh hợp nhất của PC1.
- Những vướng mắc về các chính sách, quy định của các văn bản luật liên quan đến đầu tư Bất động sản, đã làm chậm việc thực hiện các thủ tục pháp lý đầu tư, PC1 đã không khởi công, bán hàng các dự án Bất động sản theo kế hoạch được, chi phí tài chính cho các dự án đầu tư trong năm tăng cao, đồng thời chưa đóng góp lợi nhuận trong năm.
- Những khó khăn của ngành điện về triển khai Quy hoạch điện VIII; khó khăn về đơn giá định mức ngành bị lạc hậu, tất cả đã ảnh hưởng lớn đến kế hoạch đầu tư, xây lắp, sản xuất trong nước của PC1 trong lĩnh vực năng lượng.
- El Niño năm 2023 dẫn tới sản lượng phát điện của các Nhà máy thủy điện của PC1 giảm khoảng 30% so với mức phát trung bình hàng năm làm giảm sâu lợi nhuận phát điện 2023.

### Những tiến bộ Tập đoàn đã đạt được

- ▶ Phát huy tốt lợi thế về uy tín, thương hiệu đối với các đối tác khách hàng trong lĩnh vực tổng thầu EPC nhà máy điện.
- ▶ Phát huy thế mạnh trong quản trị điều hành, nguồn lực tài chính, máy móc thiết bị thi công và nhân công lành nghề trong việc thực hiện các dự án lưới điện truyền tải cấp bách, yêu cầu cao về tiến độ và tính phức tạp cao.
- ▶ Thực hiện thành công các giao dịch M&A, các hoạt động đầu tư theo định hướng chiến lược trung dài hạn của Tập đoàn.

Ứng dụng thành công chuyển đổi số trong tham mưu và tổ chức thực hiện số hóa một số hoạt động của Tập đoàn.

Điều hành sáng tạo và quyết liệt của bộ máy lãnh đạo công ty, sự nỗ lực và cố gắng của toàn công ty vượt lên trong khó khăn thách thức.





# TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

## 01 Tình hình tài sản

Tại thời điểm 31/12/2023, Tổng tài sản đạt 20.235 tỷ, giảm 1.520 tỷ đồng tương ứng giảm 7% so với đầu năm.

Trong đó:

- Tài sản ngắn hạn đạt 6.868 tỷ đồng, giảm 1.045 tỷ đồng tương ứng giảm 13% so với đầu năm; chiếm 34% quy mô tổng tài sản, chủ yếu đến từ các chỉ tiêu Tiền và các khoản tương đương tiền và các khoản phải thu ngắn hạn tăng lần lượt 2.082 tỷ và 2.821 tỷ đồng, tương ứng 30% và 41% trong cơ cấu tài sản ngắn hạn.
- Tài sản dài hạn của Tập đoàn chiếm 66% Tổng tài sản, giảm 475 tỷ đồng tương đương giảm 3% so với đầu năm nguyên nhân chủ yếu do trong năm Tập đoàn đưa Nhà máy khoáng sản Niken Tấn Phát đi vào hoạt động.
- Vòng quay tổng tài sản năm 2023 là 0,37 lần, giảm 0,4 lần so với năm trước; tỷ suất sinh lời của tài sản ROA giảm còn 1,4% trong năm 2023. Nguyên nhân chủ yếu là do giảm doanh thu thuần và mức nền tổng tài sản năm 2022 duy trì ở mức cao do tăng quy mô tài sản đầu tư xây dựng cơ bản nhà máy khoáng sản Niken và đầu tư lĩnh vực bất động sản công nghiệp theo định hướng chiến lược dài hạn của Tập đoàn.
- Nợ phải thu quá hạn tại 31/12/2023, dự phòng phải thu khó đòi của Tập đoàn là 12,40 tỷ đồng, tăng 5,4 tỷ đồng, tương ứng tăng 77% so với đầu năm. PC1 cần sát sao quyết toán, tích cực thu hồi một phần nợ quá hạn của công trình và hoàn nhập dự phòng.

## 02 Tình hình nợ phải trả

Tính đến hết ngày 31/12/2023, nợ phải trả của Tập đoàn đạt 12.964 tỷ đồng, giảm 1.617 tỷ đồng, tương đương giảm 11% so với đầu năm; chiếm 64% Tổng nguồn vốn. Trong đó, nợ ngắn hạn là 4.715 tỷ đồng, chiếm 36% Tổng Nợ phải trả; Nợ dài hạn là 8.250 tỷ đồng, chiếm 64% Tổng Nợ phải trả. Nguyên nhân chủ yếu là do trong năm 2022, PC1 đã phát hành trái phiếu riêng lẻ 1.200 tỷ đồng để đầu tư vào lĩnh vực bất động sản khu công nghiệp và tài trợ vốn lưu động của Công ty mẹ. Các giao dịch này nằm trong kế hoạch phát triển dài hạn của PC1, nhằm bổ sung vào chuỗi giá trị chiến lược đầu tư, từng bước phát triển hệ sinh thái của Tập đoàn.

Năm 2023 chi phí lãi vay tăng do dừng vốn hóa lãi vay của các nhà máy điện gió sau khi COD (tháng 10/2021) và lãi trái phiếu phát hành mới trong năm 2022, đồng thời chịu ảnh hưởng của xu hướng lãi suất tăng trong những tháng cuối năm 2023. Bù lại, lãi suất tăng cao cũng làm tăng lãi tiền gửi có kỳ hạn của PC1.

Tỷ giá USD/VND tăng làm tăng chi phí tài chính chưa thực hiện của việc đánh giá lại toàn bộ số dư khoản vay ngoại tệ tại thời điểm 31/12/2023. Tuy nhiên, gốc vay này Công ty sẽ trả dần trong 14 năm do đó không ảnh hưởng đến dòng tiền hiện tại của Công ty. Ngoài ra, giá bán điện được tính theo USD cũng làm giảm rủi ro tỷ giá của PC1.

# NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ



Tiếp tục đẩy mạnh công tác hoàn thiện mô hình tổ chức, bộ máy theo hướng gọn nhẹ, hiệu quả; tiếp tục rà soát sửa đổi và xây dựng mới các văn bản quản lý nội bộ nhằm tăng cường công tác quản lý điều hành đáp ứng yêu cầu thực tế phát triển doanh nghiệp.



Tái cấu trúc các đơn vị thành viên xây lắp điện, bước đầu góp phần phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh và mang lại hiệu quả thiết thực.



Đẩy mạnh nghiên cứu phát triển, ứng dụng công nghệ mới và Sáng kiến, Đổi mới sáng tạo.



Đẩy mạnh ứng dụng chuyển đổi số vào tổ chức thực hiện số hóa các hoạt động của Tập đoàn, triển khai ứng dụng các phần mềm chuyên dụng.



Tập trung trong công tác quản trị vốn đầu tư của Tập đoàn tại các đơn vị thành viên, công ty liên kết.



Chủ động kiểm soát dòng tiền và nguồn vốn, hỗ trợ các đơn vị thành viên huy động nguồn vốn từ ngân hàng thông qua việc bảo lãnh và các thủ tục khác để cấp hạn mức tín dụng.



# KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Bám sát các mục tiêu chiến lược 2021- 2025 tầm nhìn 2030, đảm bảo hiệu quả kinh doanh, tích lũy cơ hội đầu tư và cấu trúc lại các lĩnh vực kinh doanh.

Kiên định phát triển thương hiệu PC1, sự tin cậy cao của đối tác, khách hàng, nhà đầu tư

## 01 CÁC KHỐI KINH DOANH

KHỐI KINH DOANH

Năng lượng

Tổng thầu công trình điện

Bất động sản

Vận hành hiệu quả, tin cậy các nhà máy điện và tiếp tục nghiên cứu, thực hiện đầu tư các nhà máy thủy điện.

Xây dựng khối tổng thầu chuyên nghiệp và ngang tầm quốc tế; Tái cấu trúc, tính gọn bộ máy và nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Phát triển các dự án Khu công nghiệp thế hệ mới, xanh và quy mô lớn.

Sản xuất công nghiệp

Sản xuất và thương mại vật liệu mới

Kinh doanh thương mại

Tập trung phát triển các sản phẩm xuất khẩu

Vận hành hiệu quả Nhà máy Khoáng sản Niken

Đảm bảo uy tín thương hiệu và kinh doanh hiệu quả.

KHỐI ĐẢM BẢO KINH DOANH

Nhân sự

Tài chính

Chuyển đổi số

Phát triển giá trị cốt lõi và nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ nhân viên

Kiểm soát dòng tiền và chi phí tài chính

Thực hiện chuyển đổi số mạnh mẽ và tầm quốc tế.



### Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2024

Toàn Tập đoàn quyết tâm phấn đấu thực hiện các chỉ tiêu

| Chỉ tiêu           | Đơn vị  | Giá trị kế hoạch |
|--------------------|---------|------------------|
| Tổng doanh thu     | Tỷ đồng | 10.822           |
| Lợi nhuận sau thuế | Tỷ đồng | 525              |
| Cổ tức             | %       | 15%              |



## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

3

- 66 Đánh giá hoạt động của HĐQT về các mặt hoạt động của Tập đoàn
- 72 Đánh giá hoạt động của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng giám đốc Tập đoàn
- 72 Các kế hoạch, định hướng của HĐQT





# ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

## 01 Công tác điều hành và quản lý chung

HĐQT, Ban Lãnh đạo Tập đoàn đã kịp thời đưa ra những quyết định, những giải pháp sáng tạo trong ngắn hạn, đồng thời hoạch định lại Kế hoạch phát triển dài hạn nhằm thích nghi với diễn biến trong tình hình mới, thiết kế nguồn lực mới sẵn sàng đón cơ hội mới, mục tiêu phát triển bền vững trong tương lai.

Ban Tổng giám đốc đầy đủ năng lực, năng động, nhiệt huyết, tư duy đổi mới, sáng tạo, đoàn kết và tận tâm; Đội ngũ CBNV, các Khối, các Ban thuộc Tập đoàn, các Công ty thành viên đã nỗ lực trước những khó khăn, phát huy thể mạnh và năng lực vượt trội của mình, tiếp tục khẳng định uy tín và thương hiệu PC1, mang đến cho các đối tác, khách hàng, cộng đồng xã hội hơn cả lợi ích là sự tin cậy, uy tín và trách nhiệm đến cùng trong các hoạt động kinh doanh và sản phẩm của Tập đoàn trong bối cảnh khó khăn lớn của cộng đồng các doanh nghiệp năm qua.

Kết quả kinh doanh 2023 chúng ta đã không về đích được như mong muốn, song HĐQT và Ban Lãnh đạo tập đoàn đã khách quan đánh giá và ghi nhận những điểm mạnh và tích cực đó là:

Thứ nhất - Năng lực lãnh đạo và quản trị hệ thống, năng lực thích ứng và sáng tạo luôn đảm bảo dẫn dắt tin cậy và kiểm soát tất cả các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn trước những thách thức và khó khăn lớn;

Thứ hai - Phát triển các nguồn lực, sẵn sàng để nắm bắt được những cơ hội, vận hội mới trong năm 2024 và giai đoạn đến 2030;

Thứ ba - Các hoạt động Đào tạo, Đổi mới sáng tạo, công nghệ mới và chuyển đổi số, Nhận diện thương hiệu mới PC1, Quan hệ đối tác quốc tế và phát triển thị trường nước ngoài đã được quan tâm đầu tư sát thực tế và kết quả đang trên đà đóng góp tích cực, quan trọng trong dài hạn.

Thứ tư- Vị thế, Uy tín PC1 tiếp tục được khẳng định, Thương hiệu PC1 tiếp tục được phát triển.

Và thứ năm- Đã chuẩn bị tốt cho Kế hoạch đầu tư, kinh doanh năm 2024, các dự liệu cơ bản cho Chiến lược đến năm 2030 được bám sát các hoạch định kinh tế của Chính phủ và xu thế quốc tế.

Trong năm 2023 Tập đoàn đã nhận được các giải thưởng vinh danh ghi nhận trong hoạt động kinh doanh và hoạt động xã hội, trách nhiệm cộng đồng như:

- Top 500 doanh nghiệp lớn nhất năm 2023; Lần thứ tư liên tiếp trong Top 50 công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam năm 2023 - Forbes;
- Top 100 thương hiệu mạnh và giá trị nhất Việt Nam do Brand Finance công bố;
- Top 20 Báo cáo thường niên tốt nhất - Nhóm ngành phi tài chính;
- Lần thứ hai liên tiếp nhận giải thưởng "Nơi làm việc tốt nhất Châu Á" do Tạp chí HR Asia Magazine bình chọn và công bố.

## 02 Công tác kiểm toán nội bộ - Pháp chế, quản lý rủi ro

- Năm 2023 thực hiện công tác KTNB theo kế hoạch và chức năng kiểm soát viên tại các đơn vị thành viên, các công ty liên kết.
- Thực hiện kiểm toán, quyết toán vốn đầu tư các Dự án hoàn thành. Kiểm toán hoạt động, đánh giá tính kinh tế, hiệu quả trong quá trình đầu tư. Kiểm toán tuân thủ quy trình pháp luật về quản lý đầu tư, tuân thủ quy trình, quy định của PC1. Báo cáo định lượng rủi ro các dự án đầu tư, các hợp đồng kinh tế. Kiểm toán hoạt động tại các Công ty thành viên.
- Các hoạt động kiểm soát và kiểm toán nội bộ đã phát huy vai trò tích cực để kiểm soát hoạt động và hạn chế rủi ro của các Khối kinh doanh, các phòng ban và Công ty thành viên trong quá trình triển khai đầu tư, sản xuất và tổng thầu xây lắp.
- Tham mưu cho HĐQT, đổi mới các nội dung, phạm vi kiểm soát rủi ro đối với các dự án đầu tư, quản lý đầu tư vốn tại các công ty con, công ty liên kết.

## 03 Công tác tổ chức và nguồn nhân lực

- Xây dựng được Sơ đồ chiến lược chuyển đổi số nền tảng quản trị toàn Tập đoàn, để triển khai mục tiêu chuyển đổi số, ứng dụng các phần mềm và công nghệ mới giai đoạn 2023-2030.
- Điều chỉnh Sơ đồ tổ chức Tập đoàn, thực hiện tái cấu trúc đơn vị Xây lắp thành viên tinh gọn, hiệu quả và sắp xếp lại cán bộ chủ chốt tại một số công ty con, tăng cường công tác quản trị, kiểm toán nội bộ tại các đơn vị.
- Tiếp tục cải tiến các chính sách phúc lợi, chế độ đãi ngộ, môi trường làm việc, sức khỏe và đời sống cho CBNV.
- Đẩy mạnh công tác nghiên cứu phát triển, ứng dụng công nghệ mới và Đổi mới sáng tạo trong toàn Tập đoàn. Trong năm 2023 đã ghi nhận và vinh danh nhiều sáng kiến, cải tiến thúc đẩy đổi mới quản trị và kinh doanh tăng năng suất, tăng hiệu quả.
- Chú trọng công tác đào tạo đội ngũ nhân sự chất lượng cao, nhân sự kế cận để thích ứng với sự biến đổi và đáp ứng mục tiêu chiến lược kinh doanh dài hạn của Tập đoàn. Lớp học Mini MBA được tổ chức cho Cán bộ quản lý cấp trung được tổ chức liên tục tại Tập đoàn.
- Phát triển giá trị văn hóa công ty thông qua các chương trình giao lưu, gắn kết người lao động; các chính sách và phong trào thi đua khen thưởng nhằm tạo thêm động lực làm việc cho CBNV, gắn thu nhập với kết quả kinh doanh và năng suất lao động. Kịp thời khen thưởng, động viên khuyến khích CBNV nhiệt huyết sáng tạo vì các mục tiêu phát triển Tập đoàn.
- Nâng cao chất lượng truyền thông với các kênh truyền thông chuyên nghiệp, chính thống, truyền thông tin tích cực đến đối tác, khách hàng, nhà đầu tư và cộng đồng. Thực hiện tốt công tác quan hệ nhà đầu tư.
- Tham gia tích cực vào công tác an sinh xã hội, cộng đồng: ủng hộ công tác an sinh xã hội tại tỉnh Cao Bằng và một số địa phương. Chia sẻ khó khăn với đồng bào dân tộc vùng cao và những hoàn cảnh khó khăn, thông qua việc xây dựng trường, lớp học vùng cao và tặng quà cho gia đình và các cháu khó khăn.





## 04 Công tác tài chính kế toán

### Công tác tài chính

Trong bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế, tỷ giá, lãi suất biến động, chính sách trái phiếu thắt chặt, tuy nhiên hoạt động tài chính của Tập đoàn luôn được kiểm soát một cách chủ động, kết nối đồng bộ với các hoạt động SXKD và đầu tư của Tập đoàn.

- Chủ động phân tích, đánh giá tình hình tài chính toàn hệ thống, qua đó đánh giá thực trạng đồng thời đề xuất tham mưu cho Ban lãnh đạo các giải pháp phù hợp kịp thời góp phần quản lý hiệu quả tài chính dòng tiền, luôn đáp ứng cho các nhu cầu vốn cho các hoạt động của Tập đoàn, đặc biệt là các hoạt động đầu tư.
- Lập kế hoạch tài chính ngắn, trung và dài hạn trên cơ sở nhu cầu vốn phục vụ cho sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty. Xây dựng và thực hiện các giải pháp, phương án tạo nguồn vốn hiệu quả.
- Mở rộng quan hệ trong thị trường tài chính: Tiếp tục duy trì và không ngừng mở rộng phát triển quan hệ với các đối tác Ngân hàng, tổ chức tài chính trong và ngoài nước phục vụ hiệu quả công tác huy động vốn và các dịch vụ tài chính khác; Nâng cao hình ảnh và uy tín của PC1 trên thị trường tài chính.
- Tìm kiếm đàm phán, huy động các nguồn vốn, dịch vụ tài chính ngân hàng với chi phí tối ưu.

### Công tác kế toán

- Kiểm soát chứng từ kế toán, tổ chức hạch toán kế toán đảm bảo đúng chuẩn mực theo quy định của Pháp luật hiện hành và quy định Tập đoàn.
- Thực hiện công tác Báo cáo Tài chính định kỳ chính xác, kịp thời đồng thời phối hợp với đơn vị Kiểm toán để kiểm toán BCTC công ty.
- Triển khai các công việc cần thiết để sẵn sàng thực hiện lập BCTC theo chuẩn quốc tế trong vài năm tới.
- Thực hiện công tác kê khai và quyết toán thuế theo quy định; Hỗ trợ một số hoạt động, nhiệm vụ kế toán tại các đơn vị thành viên.

## 05 Hoạt động kinh doanh của các khối kinh doanh đầu tư

Năm 2023 các khối đầu tư và sản xuất kinh doanh đã bám sát các mục tiêu chiến lược 2021-2025, giải pháp ứng biến khắc phục các khó khăn phát sinh trong năm và triển khai kế hoạch 2023 với các nhiệm vụ chính sau đây:

### Khối năng lượng

- Vận hành các nhà máy thủy điện tin cậy, tối ưu năng lượng trước tình hình khó khăn lớn bởi El Nino 2023, sản lượng và doanh thu phát điện thấp hơn đáng kể so với mức trung bình hàng năm.
- Các nhà máy điện gió vận hành năm thứ hai: chất lượng thiết bị tốt, vận hành tin cậy, năng lượng gió trong năm đạt mức trung bình, kết quả sản lượng phát điện và doanh thu đạt tốt, kinh doanh ảnh hưởng xấu do tỷ giá.
- Hoàn thành chuẩn bị đầu tư 02 dự án thủy điện Bảo Lạc A và thủy điện Thượng Hà, sẵn sàng để khởi công đầu tư Quý 3/2024. Tiếp tục nghiên cứu, lập kế hoạch đầu tư năng lượng sạch, năng lượng mới trong giai đoạn tiếp theo.

### Khối tổng thầu EPC

- Khối đã và đang tiếp tục khẳng định năng lực điều hành tổng thầu Nhà máy điện năng lượng tái tạo chuyên nghiệp, hàng đầu Việt Nam, vươn tầm quốc tế.
- Ứng dụng các quy trình QLDA chuẩn quốc tế, ứng dụng phần mềm quản lý dự án BIM 3D, 4D, Autodesk Build vào quản lý điều hành, đấu thầu. Thực hiện thành công một số gói thầu cung cấp thiết bị ngành điện.
- Ưu tiên phát triển thị trường Quốc tế; Đấu thầu thành công Hợp đồng đường dây truyền tải 500kV quốc tế đầu tiên tại Lào. Kết nối và bám sát tiến triển các gói EPC, các dự án điện gió tại Việt Nam, tại Asian.
- Tiếp tục phát triển hợp tác với Nhà cung cấp thiết bị, giải pháp công nghệ tiên tiến quốc tế, hợp tác với các tập đoàn uy tín có năng lực tổng thầu EPC các dự án điện gió off shore quốc tế.
- Hoàn thành thiết kế và lắp đặt trung tâm điều khiển thông minh IOC trong KCN tại NHIZ- Hải Phòng; Nâng cấp phần mềm và cập nhật giải pháp trung tâm OCC tại văn phòng PC1.

### Khối điện và công nghiệp

- Tiếp tục khẳng định vị thế nhà thầu số 1 Việt Nam thực hiện các dự án Truyền tải điện cao áp, siêu cao áp, uy tín và tin cậy; Trong tương lai gần trở thành nhà Tổng thầu hàng đầu Việt nam về thi công hạ tầng các Khu công nghiệp.
- Trong năm đã hoàn thành xuất sắc nhiều công trình trọng điểm trong và ngoài EVN cấp điện áp 500KV, các công trình cấp ngầm 110KV, 220KV, ứng dụng các công nghệ thi công tiên tiến.
- Khắc phục khó khăn, thực hiện uy tín trong thi công Dự án hạ tầng Khu công nghiệp với các giải pháp sáng tạo, ưu việt.
- Được các chủ đầu tư giao nhiều hợp đồng lớn, quan trọng cho năm 2024, hiện PC1 đang là đơn vị uy tín, tiên phong, tin cậy số 1 thực hiện Dự án 500KV mạch 3 của EVN

### Khối sản xuất công nghiệp

- Luôn khẳng định vị thế số 1 Việt Nam về thiết kế, sản xuất các sản phẩm cột điện bằng thép cho lưới điện truyền tải cao áp và siêu cao áp, không ngừng cải tiến, đổi mới quy trình sản xuất, đầu tư mới máy móc tiên tiến, sáng tạo và thiết kế nhiều máy móc thi công đặc thù có nhiều ưu việt.
- Thị trường trong nước: uy tín và ký nhiều hợp đồng lớn với các sản phẩm đặc thù có năng lực khác biệt các nhà sản xuất đối thủ.
- Thị trường nước ngoài: Kiên định thị trường xuất khẩu, 2023 tiếp tục xuất khẩu cột Viễn thông, cột điện lực dạng ống sang thị trường Australia.

## 05 Hoạt động kinh doanh của các khối kinh doanh đầu tư (tiếp theo)

### Khối Bất động sản

#### Bất động sản dân dụng

- Do ảnh hưởng bởi những khó khăn lớn trong lĩnh vực BĐS, năm qua các dự án của PC1 không khởi công xây dựng được, ảnh hưởng xấu đến kết quả kinh doanh, chi phí tài chính của khối, của Tập đoàn.
- Khối tiếp tục làm việc với các đơn vị tư vấn lớn để đánh giá thực trạng các dự án và triển vọng của thị trường. Chủ động cập nhật các chính sách hỗ trợ, Luật sửa đổi từ đó đưa ra giải pháp và kế hoạch phù hợp với mỗi dự án, tiếp tục thực hiện các thủ tục pháp lý, thủ tục cấp phép xây dựng các dự án đang triển khai.
- Điều chỉnh chiến lược kinh doanh của khối BĐS giai đoạn 2021 -2025, dự thảo các tiêu chí chiến lược đầu tư giai đoạn 2026- 2030, quan tâm phát triển một số dự án BĐS mới.

#### Bất động sản Khu công nghiệp

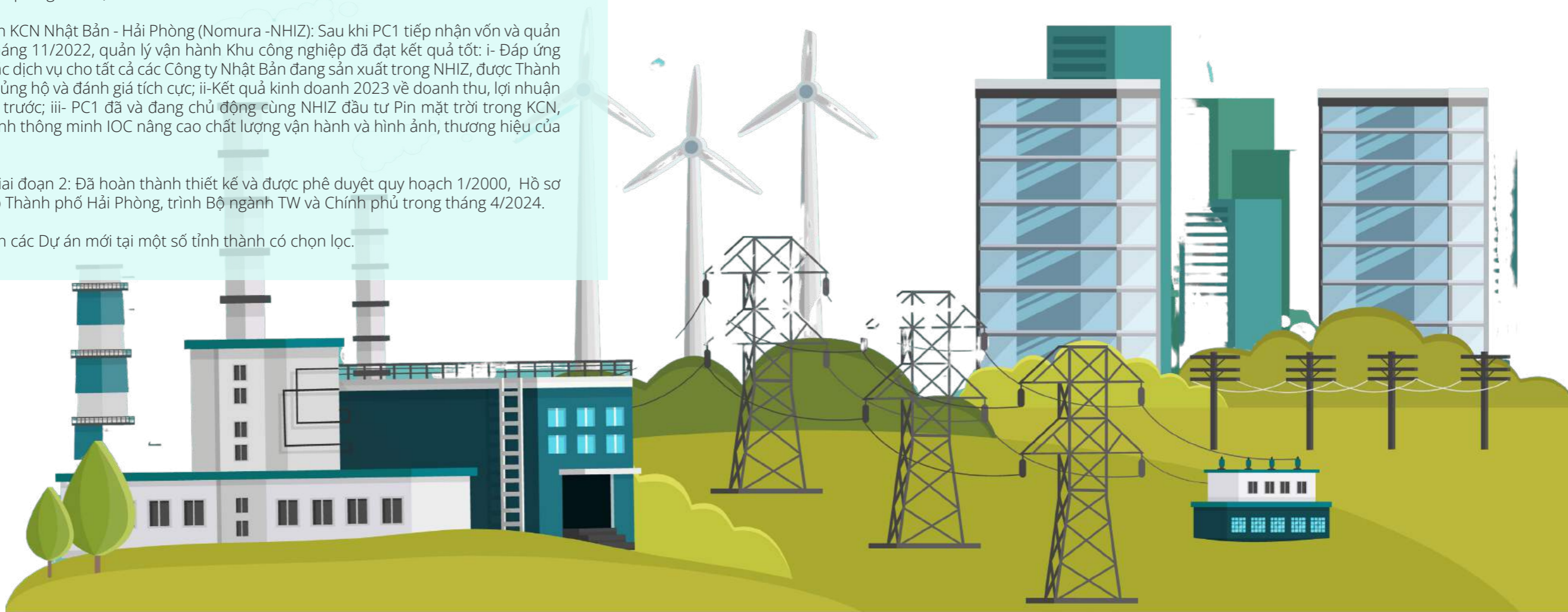
- PC1 đang hoàn thiện kế hoạch đầu tư dài hạn cho Chiến lược đầu tư lĩnh vực hạ tầng KCN giai đoạn 2024-2033 trên cơ sở tính toán phân bổ nguồn lực của PC1 và Báo cáo tư vấn của KPMG về thị trường KCN Việt Nam;
- Đầu tư vốn tại Công ty cổ phần Western Pacific (WPG):
  - Quan hệ hợp tác đầu tư giữa PC1 và WPG luôn trách nhiệm và tin cậy;
  - Năm 2023 các công ty con của WPG đang hoạt động ổn định và đạt kế hoạch;
  - Kết quả triển khai cấp phép đầu tư và triển khai đầu tư các Khu công nghiệp, Cụm công nghiệp tại các tỉnh đang cơ bản đáp ứng tiến độ.
- Công ty phát triển KCN Nhật Bản - Hải Phòng (Nomura -NHIZ): Sau khi PC1 tiếp nhận vốn và quản lý từ Nomurra Holding tháng 11/2022, quản lý vận hành Khu công nghiệp đã đạt kết quả tốt: i- Đáp ứng cao hạ tầng kỹ thuật và các dịch vụ cho tất cả các Công ty Nhật Bản đang sản xuất trong NHIZ, được Thành phố Hải Phòng ghi nhận, ủng hộ và đánh giá tích cực; ii-Kết quả kinh doanh 2023 về doanh thu, lợi nhuận đều tăng so với các năm trước; iii- PC1 đã và đang chủ động cùng NHIZ đầu tư Pin mặt trời trong KCN, đầu tư Trung tâm vận hành thông minh IOC nâng cao chất lượng vận hành và hình ảnh, thương hiệu của NHIZ và của PC1.
- Dự án Nomura giai đoạn 2: Đã hoàn thành thiết kế và được phê duyệt quy hoạch 1/2000, Hồ sơ đề xuất nhà đầu tư ở cấp Thành phố Hải Phòng, trình Bộ ngành TW và Chính phủ trong tháng 4/2024.
- Ưu tiên phát triển các Dự án mới tại một số tỉnh thành có chọn lọc.

### Khối các Công ty về Giải pháp công nghệ; Tư vấn thiết kế; Kinh doanh thương mại và Dịch vụ

- Thực hiện sứ mệnh đồng bộ với các lĩnh vực kinh doanh cốt lõi trong hệ sinh thái PC1, nhằm đáp ứng cao các nhu cầu đồng bộ, hợp gói cho khách hàng, mục tiêu mang đến sự hài lòng, thỏa mãn cho khách hàng bằng các Giải pháp đồng bộ cung cấp ra các Sản phẩm, Dự án, Công trình có chất lượng cao, xanh và công nghệ.
- Các đơn vị đã cố gắng vượt lên khó khăn, đạt kết quả kinh doanh và bám sát mục tiêu phát triển dài hạn.

#### Khối khoáng sản và vật liệu mới

- Hoàn thành đầu tư giai đoạn 01 dự án khai thác và chế biến Nikel- Đồng tại Hòa An - Cao Bằng vào tháng 4/2023;
- Khai thác và Sản xuất sản phẩm đạt chất lượng cao, sản phẩm được bao tiêu bởi Tập đoàn lớn hàng đầu thế giới về lĩnh vực thương mại và chế biến kim loại màu;
- Đánh giá thiết bị, dây chuyền sản xuất đạt chất lượng tốt, vận hành tin cậy, mức độ tự động hóa cao;
- Giải pháp bảo vệ môi trường tiên tiến, mới có duy nhất ở Việt Nam, được nghiệm thu cấp Bộ đánh giá tích cực;
- Đội ngũ cán bộ quản lý, kỹ sư vận hành, khai thác có chuyên môn cao, kinh nghiệm và trách nhiệm, ý thức cải tiến sáng tạo trong sản xuất và kinh doanh;





# ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC TẬP ĐOÀN

Ban Tổng Giám đốc điều hành đã phân giao nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên, khả năng phối hợp tốt và thống nhất trong điều hành. Các thành viên Ban TGD điều hành đã chủ động cao, khẳng định vai trò điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh theo mục tiêu chiến lược.

Đội ngũ lãnh đạo của các Khối kinh doanh, của các Ban Tập đoàn đã nỗ lực cố gắng, sáng tạo xây dựng kịch bản và thực hiện các giải pháp ứng phó với các diễn biến khó khăn, những phát sinh không tích cực của thị trường, phát huy nguồn lực công ty, bám sát và hoàn thành các chỉ tiêu kinh doanh và đầu tư trong điều kiện rất khó khăn của năm 2023.

Ban Tổng giám đốc cùng toàn thể CBNV Tập đoàn đã kiên định và quyết tâm hành động theo các mục tiêu chiến lược Tập đoàn, vì sự phát triển bền vững của PC1. Một số kết quả quan trọng đạt được như sau:

- Chủ động, thích ứng linh hoạt và điều chỉnh kịp thời chiến lược, mục tiêu theo bối cảnh kinh tế thị trường trong nước và quốc tế.
- Năng lực và quản trị tài chính, xếp hạng tín dụng luôn được kiểm soát.
- Uy tín, thương hiệu PC1 tiếp tục được khẳng định và phát triển.
- Phát triển quan hệ đối tác quốc tế và quan hệ khách hàng trong nước đạt kết quả tích cực.
- Năng lực quản trị, điều hành của Bộ máy lãnh đạo quản lý Tập đoàn được nâng cao.
- Tích cực tham gia các hoạt động an sinh và trách nhiệm xã hội.

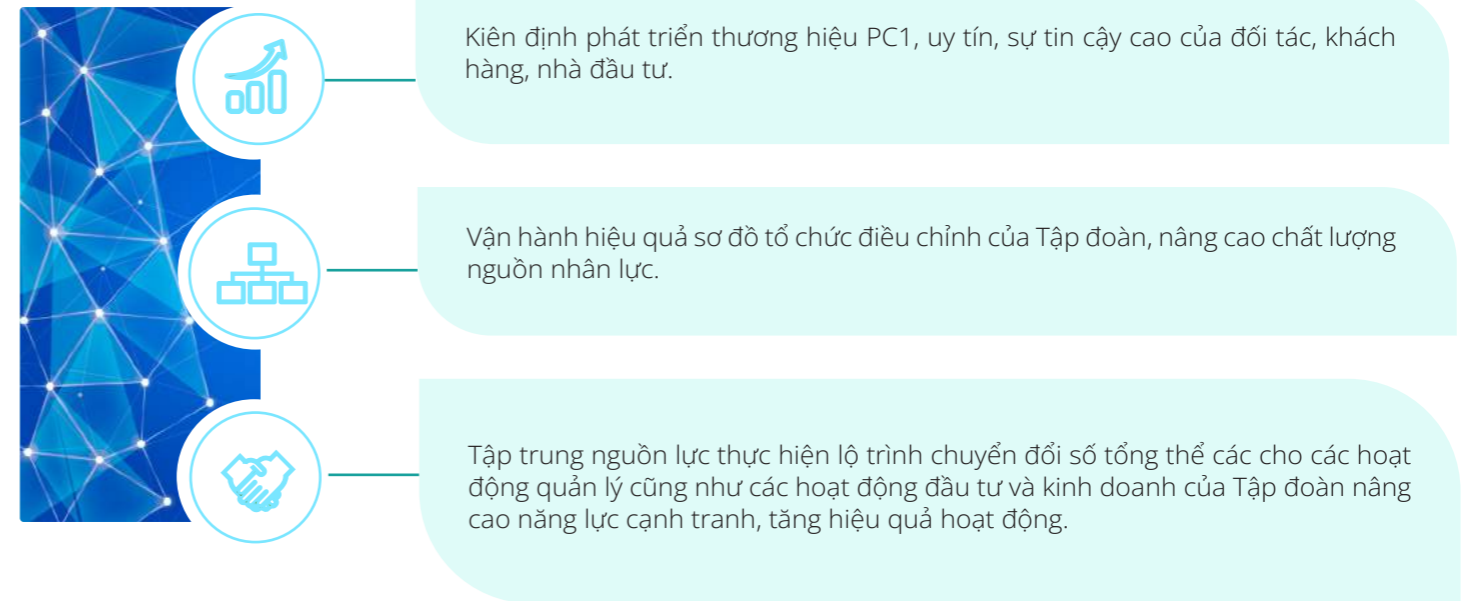
Ban Tổng giám đốc thường xuyên chủ động báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, các khó khăn, vướng mắc trong quá trình điều hành. HĐQT đã cùng với Ban Tổng giám đốc thảo luận, bàn bạc để đưa ra các giải pháp kịp thời, hiệu quả. Các hoạt động của Ban Tổng giám đốc tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và các Nghị quyết của HĐQT. Ban Giám đốc tiếp tục khẳng định vai trò lãnh đạo dẫn dắt các hoạt động sản xuất kinh doanh cùng với sự nỗ lực cố gắng và năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý các Ban Công ty, sự cố gắng của các đơn vị thành viên, của cán bộ CNV toàn Công ty, thực hiện các mục tiêu chiến lược, tiếp tục khẳng định vị thế, hình ảnh PC1 trên thị trường, khắc phục khó khăn và kiểm soát các hoạt động SXKD và đầu tư.

## CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT

### Mục tiêu chính năm kế hoạch 2024

| Chỉ tiêu           | Đơn vị  | Giá trị | Tỷ lệ Thực hiện 2024 (%) |
|--------------------|---------|---------|--------------------------|
| Tổng doanh thu     | Tỷ đồng | 10.822  | 139%                     |
| Lợi nhuận sau thuế | Tỷ đồng | 525     | 173%                     |
| Cổ tức             | %       | 15%     | 100%                     |

### Các nhiệm vụ trọng tâm năm 2024



## 01

### KHỐI NĂNG LƯỢNG

- Vận hành phát điện các nhà máy thủy điện, điện gió tin cậy, an toàn, tối ưu năng lượng. Chú ý giai đoạn Elnino với thủy điện; vận hành phần mềm dự báo công suất các Nhà máy điện gió; theo sát tình hình phụ tải hệ thống, giảm thiểu thời gian không huy động.
- Chuẩn bị tốt các nguồn lực, triển khai đầu tư 02 dự án thủy điện Bảo Lạc A và thủy điện Thượng Hà, kiểm soát tiến độ, chất lượng và chi phí đầu tư.
- Tiếp tục nghiên cứu, phân tích cơ hội đầu tư năng lượng tái tạo, năng lượng mới trong giai đoạn tiếp theo.

## 02

### KHỐI TỔNG THẦU EPC

- Phát huy thế mạnh và năng lực Tổng thầu EPC các dự án năng lượng tái tạo chuyên nghiệp làm tốt công tác thị trường, thực hiện thành công các hợp đồng EPC các nhà máy điện tại Việt Nam và quốc tế.
- Hợp tác với các tập đoàn uy tín trong nước và quốc tế mục tiêu thành công tổng thầu EPC các dự án điện gió off shore, các hợp đồng mới về cung cấp thiết bị và giải pháp đồng bộ cho các dự án điện.
- Tiếp tục thực hiện, phát triển giải pháp công nghệ thông minh, điều khiển xa các dự án điện và dự án công nghiệp; đồng bộ với các App thông minh về dịch vụ và trải nghiệm khách hàng.

## 03

### KHỐI ĐIỆN VÀ CÔNG NGHIỆP

- Phát triển uy tín và vị thế PC1 trong các dự án Truyền tải điện cao áp, siêu cao áp trọng điểm, dự án đặc thù, kỹ thuật cao; Lộ trình trở thành nhà Tổng thầu hàng đầu Việt nam về thi công hạ tầng các Khu công nghiệp.
- Bám sát kế hoạch, hoàn thành chỉ tiêu kinh doanh năm, tập trung cao và giải pháp ưu việt hoàn thành xuất sắc các hợp đồng của dự án trọng điểm.
- Nâng cao năng lực quản lý, các Công xây lắp thành viên vận hành hiệu quả theo mô hình chuyển đổi mới thành các công ty cổ phần.

## 04

### KHỐI SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

- Tiếp tục phát triển uy tín và năng lực hàng đầu Việt Nam về thiết kế và chế tạo, phát huy lợi thế sản phẩm mới. Kiên định phát triển thị trường nước ngoài.
- Phát huy cơ hội sản xuất nguồn hàng lớn năm 2024 thành công, gia tăng nguồn lực cho Khối sản xuất công nghiệp, đồng bộ và hỗ trợ các khối, đơn vị xây lắp trong thi công lắp đặt các dự án, công trình trọng điểm quốc gia.
- Tiếp tục phát huy thế mạnh về cải tiến, đổi mới quy trình sản xuất, vận hành hiệu quả các máy móc thiết bị đã đầu tư.
- Xây dựng chiến lược thị trường, sản phẩm và thế mạnh cạnh tranh cho giai đoạn tiếp theo.

## 05

### KHỐI BẤT ĐỘNG SẢN DÂN DỤNG

- Bám sát chính sách, Luật điều chỉnh, phân tích đánh giá thị trường để đưa ra giải pháp và kế hoạch thực hiện các thủ tục pháp lý, thủ tục cấp phép xây dựng với từng dự án, mục tiêu khởi công được 02 dự án trong năm 2024.
- Xây dựng kế hoạch đầu tư của khối giai đoạn 2024 -2030, lộ trình hoàn thành hồ sơ pháp lý các dự án dở dang, song song với xúc tiến phát triển một số dự án mới phù hợp với nguồn lực, với xu thế thị trường.
- Nghiên cứu các giải pháp mới về thiết kế, vật liệu mới, công nghệ thi công mới trong nước và quốc tế, ứng dụng quản BIM trong quản lý đầu tư và vận hành, nhằm tạo lợi thế cạnh tranh và cung cấp ra thị trường các dự án xanh, hiện đại, chất lượng, thẩm mỹ hấp dẫn thị hiếu thị trường.

## 06

### KHỐI BẤT ĐỘNG SẢN KHU CÔNG NGHIỆP

- Xây dựng kế hoạch đầu tư dài hạn cho Chiến lược đầu tư hạ tầng KCN giai đoạn 2024-2033 làm cơ sở chuẩn bị nguồn lực để triển khai đầu tư và phát triển dự án mới.
- Dự án Nomura giai đoạn 2: Thúc đẩy hoàn thành các thủ tục pháp lý, cấp phép đầu tư trong quý 3/2024; Mô hình KCN sinh thái; Chuẩn bị nguồn lực để triển khai đầu tư dự án, khởi công vào cuối quý 3/2024; Kế hoạch sẽ hoàn thành xây dựng và bán hàng trong năm 2026.
- Tham gia quản lý và cùng thúc đẩy tiến độ, hiệu quả đầu tư các dự án tại Công ty cổ phần Western Pacific (WPG).
- Công ty phát triển KCN Nhật Bản - Hải Phòng - (Nomura -NHIZ): Tiếp tục đổi mới quản lý vận hành Khu công nghiệp chất lượng cao; vận hành hiệu quả trung tâm thông minh IOC; Lộ trình cung cấp năng lượng sạch cho khách hàng; Giải pháp dự phòng thiếu điện mùa cao điểm; Phối hợp chặt chẽ kết nối hạ tầng Nomura 2; Đảm bảo kết quả doanh thu, lợi nhuận kế hoạch; Đầu tư nâng cấp cảnh quan, hạ tầng thiết yếu, nâng cao hình ảnh và công năng trong nội khu của NHIZ.
- Ưu tiên phát triển các Dự án mới.

## 07

### KHỐI KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU MỚI

- Tập trung khai thác và Tuyển tinh quặng Niken theo giấy phép được cấp; xuất khẩu và thực hiện nghiêm túc nghĩa vụ thuế nhà nước; đảm bảo kết quả kinh doanh;
- Vận hành, bảo dưỡng thiết bị nhà máy, duy trì sản xuất ổn định và tin cậy;
- Hoàn thiện các quy trình sản xuất, hồ sơ pháp lý đầu tư, quyết toán, kiểm toán chi phí đầu tư giai đoạn 1;
- Vận hành quy trình sản xuất bảo vệ môi trường đã được nghiệm thu, đánh giá là công nghệ BVMT tiên phong cấp Bộ;
- Tiếp tục đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý, kỹ sư vận hành, thí nghiệm có chuyên môn cao, kinh nghiệm, trách nhiệm và tâm huyết;
- Triển khai các đề tài sáng kiến cải tiến trong sản xuất và kinh doanh;
- Làm việc với Bộ ngành và Tỉnh để triển khai phát triển dự án.

## 08

### KHỐI CÁC CÔNG TY VỀ GIẢI PHÁP CÔNG NGHỆ, TƯ VẤN THIẾT KẾ, KINH DOANH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ

- Các đơn vị khu vực này quy mô còn khiêm tốn, room tăng trưởng còn nhiều, cần hoạch định tầm nhìn lớn hơn, nâng cao năng lực quản trị và năng lực thị trường của bộ máy các công ty đơn vị thành viên khối này.
- Chủ động và sẵn sàng đáp ứng sứ mệnh “Đồng bộ với các hoạt động kinh doanh cốt lõi, mang đến cho khách hàng những giải pháp tin cậy và đồng bộ nhằm thỏa mãn nhu cầu và mong muốn của thị trường”.





## QUẢN TRỊ CÔNG TY

4

- 78 Hội đồng quản trị
- 82 Ban kiểm soát
- 83 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát
- 89 Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

# HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

## Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

| STT | Thành viên HĐQT    | Chức vụ   | Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT | Tỷ lệ sở hữu |
|-----|--------------------|---|---------------------------------|--------------|
| 1   | Ông Trịnh Văn Tuấn | Chủ tịch HĐQT<br>Thành viên HĐQT không độc lập, không điều hành | 26/4/2015                       | 21,382%      |
| 2   | Ông Nguyễn Minh Đệ | Thành viên HĐQT không độc lập, kiêm Phó TGD                     | 26/4/2015                       | 1,330%       |
| 3   | Ông Võ Hồng Quang  | Thành viên HĐQT không độc lập, kiêm Phó TGD                     | 26/4/2015                       | 1,884%       |
| 4   | Ông Vũ Ánh Dương   | Thành viên HĐQT không độc lập, kiêm TGD                         | 03/6/2020                       | 0,289%       |
| 5   | Ông Mai Lương Việt | Thành viên HĐQT không độc lập, không điều hành                  | 03/6/2020                       | 0%           |

## Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Căn cứ các quy định hiện hành thì việc thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị là không bắt buộc. Vì vậy, cho đến thời điểm này Hội đồng quản trị chưa thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.

## Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2023, HĐQT đã tổ chức 05 phiên họp và 13 lần lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản. Các cuộc họp HĐQT cũng như lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản đều tuân thủ đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

| STT | Thành viên HĐQT    | Số buổi họp HĐQT tham dự/<br>lấy ý kiến | Tỷ lệ tham dự họp/<br>lấy ý kiến | Lý do không tham dự |
|-----|--------------------|---|----------------------------------|---------------------|
| 1   | Ông Trịnh Văn Tuấn | 18/18                                   | 100%                             | -                   |
| 2   | Ông Nguyễn Minh Đệ | 18/18                                   | 100%                             | -                   |
| 3   | Ông Võ Hồng Quang  | 18/18                                   | 100%                             | -                   |
| 4   | Ông Vũ Ánh Dương   | 18/18                                   | 100%                             | -                   |
| 5   | Ông Mai Lương Việt | 18/18                                   | 100%                             | -                   |

## Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc

- HĐQT thường xuyên duy trì giám sát Ban TGD thông qua việc kiểm tra, kiểm soát của Ban kiểm soát, cũng như tổ chức các cuộc họp nhằm đánh giá, rút kinh nghiệm trong việc triển khai thực hiện nghiêm túc các nghị quyết của HĐQT trong việc kiểm toán Báo cáo tài chính, trong việc lập kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty;

- Trong năm 2023, HĐQT đã tập trung chỉ đạo và giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc trong các hoạt động chủ yếu sau:

- Tổ chức Đại hội đồng thường niên 2023 vào ngày 26/4/2023
- Điều chỉnh sơ đồ tổ chức của Công ty và bổ nhiệm nhân sự theo Sơ đồ tổ chức
- Thành lập, góp vốn đầu tư vào các công ty theo định hướng chiến lược của Tập đoàn.
- Tái cơ cấu, sắp xếp lại hoạt động của các đơn vị thành viên trong lĩnh vực xây lắp, công ty ở Singapore.
- Triển khai Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2022.
- Tái cơ cấu tài sản, chuyển nhượng cổ phần tại 1 số đơn vị thành viên và thay đổi nhân sự đại diện vốn tại các công ty.

## Các Nghị quyết/ Quyết định của Hội đồng quản trị trong năm

| STT | Số Nghị quyết/<br>Quyết định | Ngày      | Nội dung   | Tỷ lệ thông qua |
|-----|------------------------------|-----------|--|-----------------|
| 1   | 01/NQ-PC1-HĐQT               | 27/2/2023 | Kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2023  | 100%            |
| 2   | 02/NQ-PC1-HĐQT               | 09/3/2023 | Điều chỉnh sơ đồ tổ chức Công ty   | 100%            |
| 3   | 03/QĐ-PC1-HĐQT               | 09/3/2023 | Bổ nhiệm giám đốc Ban Điện và Công nghiệp  | 100%            |
| 4   | 04 /NQ-PC1-HĐQT              | 15/3/2023 | Góp vốn thành lập Công ty cổ phần KCN quốc tế Hải Phòng                              | 100%            |
| 5   | 05/NQ-PC1-HĐQT               | 15/3/2023 | Cử người đại diện vốn tại Công ty cổ phần KCN quốc tế Hải Phòng                      | 100%            |
| 6   | 06/NQ-PC1-HĐQT               | 04/4/2023 | Nội dung họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023                               | 100%            |
| 7   | 07/NQ-PC1-HĐQT               | 04/4/2023 | Quyết toán thù lao Hội đồng quản trị Công ty năm 2022                                | 100%            |
| 8   | 08/NQ-PC1-HĐQT               | 04/4/2023 | Báo cáo kết quả kiểm toán nội bộ năm 2022 và Kế hoạch kiểm toán nội bộ năm 2023      | 100%            |
| 9   | 09/NQ-PC1-HĐQT               | 06/4/2023 | Đầu tư vốn mua cổ phần và cử người đại diện vốn tại Công ty cổ phần kho bãi Phú Bình | 100%            |
| 10  | 10/NQ-PC1-HĐQT               | 06/4/2023 | Đầu tư vốn mua cổ phần Công ty cổ phần kho bãi Phú Bình                              | 100%            |
| 11  | 11 /NQ-PC1-HĐQT              | 01/6/2023 | Thành lập công ty tại Australia và bổ nhiệm nhân sự công ty                          | 100%            |
| 12  | 12 /NQ-PC1-HĐQT              | 01/6/2023 | Thành lập công ty tại Australia  | 100%            |



**Các Nghị quyết/ Quyết định của Hội đồng quản trị trong năm (tiếp theo)**

| STT | Số Nghị quyết/ Quyết định | Ngày       | Nội dung  | Tỷ lệ thông qua |
|-----|---------------------------|------------|---|-----------------|
| 13  | 13 /NQ-PC1-HĐQT           | 19/6/2023  | Tái cơ cấu các công ty thành viên xây lắp điện  | 100%            |
| 14  | 14 /NQ-PC1-HĐQT           | 19/6/2023  | Chuyển đổi loại hình hoạt động của Công ty TNHH MTV xây lắp điện 1-Hoàng Mai  | 100%            |
| 15  | 15 /NQ-PC1-HĐQT           | 19/6/2023  | Chuyển đổi loại hình hoạt động của Công ty TNHH MTV xây lắp điện 1 - Đại Mỗ   | 100%            |
| 16  | 16/QĐ-PC1-HĐQT            | 19/6/2023  | Cử người đại diện vốn tại Công ty cổ phần PC1 Thăng Long  | 100%            |
| 17  | 17/QĐ-PC1-HĐQT            | 19/6/2023  | Cử người đại diện vốn tại Công ty cổ phần PC1 Hà Nội  | 100%            |
| 18  | 18/NQ-PC1-HĐQT            | 28/7/2023  | Chi trả thù lao Hội đồng quản trị Công ty 06 tháng đầu năm 2023   | 100%            |
| 19  | 19/NQ-PC1-HĐQT            | 28/7/2023  | Góp vốn điều lệ tại Công ty cổ phần thủy điện Sông Gâm  | 100%            |
| 20  | 20/QĐ-PC1-HĐQT            | 28/7/2023  | Bổ nhiệm Trưởng ban Nhân sự   | 100%            |
| 21  | 21/NQ-PC1-HĐQT            | 23/8/2023  | Tái cơ cấu các Tài sản là diện tích sàn thương mại đang cho thuê tại các tòa nhà dân cư do PC1 đầu tư                                     | 100%            |
| 22  | 22/NQ-PC1-HĐQT            | 23/8/2023  | Thay đổi Giám đốc Công ty TNHH MTV PC1 Nàng Hương   | 100%            |
| 23  | 23/NQ-PC1-HĐQT            | 13/9/2023  | Thông qua việc đăng ký, lưu ký tập trung tại VSDC và đăng ký giao dịch tập trung trên Hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ | 100%            |
| 24  | 24/NQ-PC1-HĐQT            | 20/9/2023  | Điều chỉnh Dự án đầu tư - Dự án thủy điện Thượng Hà   | 100%            |
| 25  | 25/NQ-PC1-HĐQT            | 06/10/2023 | Thông qua việc triển khai Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2022   | 100%            |
| 26  | 26/NQ-PC1-HĐQT            | 23/10/2023 | Tái cấu trúc hoạt động Asia Dragon Trading Pte. Ltd   | 100%            |
| 27  | 27/NQ-PC1-HĐQT            | 23/10/2023 | Nhận chuyển nhượng vốn góp tại Công ty phát triển Khu công nghiệp Nhật Bản - Hải Phòng  | 100%            |
| 28  | 28/NQ-PC1-HĐQT            | 23/10/2023 | Cử người đại diện vốn tại Công ty phát triển Khu công nghiệp Nhật Bản - Hải Phòng   | 100%            |
| 29  | 29/NQ-PC1-HĐQT            | 08/11/2023 | Chuyển nhượng cổ phần tại Công ty cổ phần thủy điện Sông Gâm  | 100%            |
| 30  | 30/QĐ-PC1-HĐQT            | 08/11/2023 | Thay đổi người đại diện vốn tại Công ty cổ phần thủy điện Sông Gâm  | 100%            |
| 31  | 31/QĐ-PC1-HĐQT            | 08/11/2023 | Thay đổi Đại diện vốn và Kiểm soát viên tại Công ty TNHH MTV PC1 Nàng Hương   | 100%            |

**Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có tham gia đào tạo về quản trị công ty**

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm 2023:

| STT | Thành viên HĐQT    | Chương trình đào tạo đã tham gia                  | Đơn vị tổ chức                 |
|-----|--------------------|---|--------------------------------|
| 1   | Ông Trịnh Văn Tuấn | Lãnh đạo chuyển đổi - Transformational Leadership | Viện quản trị và công nghệ FSB |
| 2   | Ông Vũ Ánh Dương   | Lãnh đạo chuyển đổi - Transformational Leadership | Viện quản trị và công nghệ FSB |
| 3   | Ông Võ Hồng Quang  | Lãnh đạo chuyển đổi - Transformational Leadership | Viện quản trị và công nghệ FSB |
| 4   | Ông Nguyễn Minh Đệ | Lãnh đạo chuyển đổi - Transformational Leadership | Viện quản trị và công nghệ FSB |

Hiện nay, các thành viên của HĐQT, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành vẫn liên tục cập nhật và tuân thủ theo các quy định của pháp luật về quản trị công ty. Trong thời gian tới, các thành viên này sẽ sắp xếp thời gian để tham gia khóa học đào tạo về quản trị công ty.



## BAN KIỂM SOÁT

### Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

| STT | Thành viên Ban kiểm soát | Chức vụ              | Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết |
|-----|--------------------------|----------------------|--|
| 1   | Bà Nguyễn Thị Hải Hà     | Trưởng Ban kiểm soát | 0,045%                                   |
| 2   | Ông Hoàng Văn Sáng       | Thành viên           | 0,003%                                   |
| 3   | Ông Hoàng Văn Cường      | Thành viên           | 0%                                       |

### Hoạt động của Ban kiểm soát

| STT | Thành viên Ban kiểm soát | Số buổi họp tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Tỷ lệ biểu quyết | Lý do không tham dự họp |
|-----|--------------------------|---------------------|-------------------|------------------|-------------------------|
| 1   | Bà Nguyễn Thị Hải Hà     | 02/02               | 100%              | 100%             | -                       |
| 2   | Ông Hoàng Văn Sáng       | 02/02               | 100%              | 100%             | -                       |
| 3   | Ông Hoàng Văn Cường      | 02/02               | 100%              | 100%             | -                       |

### Hoạt động giám sát của Ban kiểm soát đối với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc

Trong năm 2023, Ban kiểm soát duy trì hoạt động thường xuyên, tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban điều hành tại các cuộc họp hàng quý để nắm bắt được tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn trong việc thực hiện mục tiêu kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Ngoài ra, Ban kiểm soát thực hiện công tác kiểm tra, giám sát cùng với các phòng, ban chức năng của Tập đoàn góp phần quản lý hoạt động rủi ro và nâng cao chất lượng quản trị của Tập đoàn, hoạt động của Ban kiểm soát chủ yếu là:

- Tham gia các kỳ họp của Hội đồng quản trị Công ty.
- Tham gia họp kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty theo tháng, quý do Tổng giám đốc chủ trì.
- Kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong tất cả các lĩnh vực: xây lắp, sản xuất công nghiệp, sản xuất vật liệu mới, đầu tư bất động sản, đầu tư dự án thủy điện, điện gió...
- Xem xét sổ sách kế toán và các tài liệu liên quan đến công tác tài chính doanh nghiệp định kỳ và đột xuất khi có yêu cầu;
- Giám sát việc chấp hành điều lệ Công ty; Chấp hành Pháp luật Nhà nước và các quy chế, quy định, quyết định của HĐQT, Ban Tổng giám đốc trong công tác điều hành, quản lý trong năm 2023.

## CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát

| STT   | Họ tên               | Chức vụ                  | Giá trị năm 2023 (VND) |
|---|----------------------|--------------------------|------------------------|
| <b>Thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị</b>              |                      |                          |                        |
| 1   | Ông Trịnh Văn Tuấn   | Chủ tịch HĐQT            | 1.810.000.000          |
| 2   | Ông Vũ Ánh Dương     | Thành viên HĐQT          | 270.000.000            |
| 3   | Ông Võ Hồng Quang    | Thành viên HĐQT          | 270.000.000            |
| 4   | Ông Nguyễn Minh Đệ   | Thành viên HĐQT          | 270.000.000            |
| 5   | Ông Mai Lương Việt   | Thành viên HĐQT          | 270.000.000            |
| <b>Lương, thưởng và phúc lợi khác của Ban Tổng Giám đốc</b> |                      |                          |                        |
| 1   | Ông Vũ Ánh Dương     | Tổng Giám đốc            | 1.125.749.371          |
| 2   | Ông Võ Hồng Quang    | Phó Tổng Giám đốc        | 871.136.214            |
| 3   | Ông Nguyễn Minh Đệ   | Phó Tổng Giám đốc        | 1.180.868.000          |
| 4   | Ông Đặng Quốc Tường  | Phó Tổng Giám đốc        | 994.540.361            |
| 5   | Ông Nguyễn Nhật Tân  | Phó Tổng Giám đốc        | 878.279.634            |
| 6   | Ông Vũ Văn Tứ        | Phó Tổng Giám đốc        | -                      |
| <b>Thù lao của Ban Kiểm soát</b>                            |                      |                          |                        |
| 1   | Bà Nguyễn Thị Hải Hà | Trưởng Ban Kiểm soát     | 72.000.000             |
| 2   | Ông Hoàng Văn Cường  | Thành viên Ban Kiểm soát | 24.000.000             |
| 3   | Ông Hoàng Văn Sáng   | Thành viên Ban Kiểm soát | 24.000.000             |



## Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ

| STT | Người thực hiện giao dịch | Quan hệ với người nội bộ                        | Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ<br>(01/1/2023) |         | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ<br>(31/12/2023) |         | Lý do tăng, giảm<br>(mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)              |
|-----|---------------------------|---|--|---------|--|---------|--|
|     |                           |   | Số cổ phiếu                              | Tỷ lệ   | Số cổ phiếu                                | Tỷ lệ   |  |
| 1   | Trịnh Văn Tuấn            | CT HĐQT   | 57.823.715                               | 21,382% | 66.497.271                                 | 21,382% | Nhận cổ tức bằng cổ phiếu 8.673.556 cổ phiếu                       |
| 2   | Lê Thị Thoi               | Vợ ông Trịnh Văn Tuấn- Chủ tịch HĐQT            | 5.087.657                                | 1,881%  | 5.850.805                                  | 1,881%  | Nhận cổ tức bằng cổ phiếu 763.148 cổ phiếu                         |
| 3   | Trịnh Ngọc Anh            | Con ông Trịnh Văn Tuấn- Chủ tịch HĐQT           | 13.800                                   | 0,005%  | 15.870                                     | 0,005%  | Nhận cổ tức bằng cổ phiếu 2.070 cổ phiếu                           |
| 4   | Nguyễn Thị Hồng Liên      | Em dâu ông Trịnh Văn Tuấn - Chủ tịch HĐQT       | 18                                       | 0,000%  | 20   | 0,000%  | Nhận cổ tức bằng cổ phiếu 2 cổ phiếu                               |
| 5   | Vũ Thị Thu Trang          | Em dâu ông Trịnh Văn Tuấn - Chủ tịch HĐQT       | 231.726                                  | 0,086%  | 0  | 0%      | Bán 231.726 cổ phiếu   |
| 6   | Nguyễn Minh Đệ            | Ủy viên HĐQT kiêm PTGD                          | 3.595.629                                | 1,330%  | 2.869.973                                  | 0,923%  | Bán 1.100.000 cổ phiếu, nhận cổ tức bằng cổ phiếu 374.344 cổ phiếu |
| 7   | Võ Hồng Quang             | Ủy viên HĐQT kiêm PTGD                          | 5.094.182                                | 1,884%  | 5.858.309                                  | 1,884%  | Nhận cổ tức bằng cổ phiếu 764.127 cổ phiếu                         |
| 8   | Nguyễn Thị Dung           | Vợ ông Võ Hồng Quang-Ủy viên HĐQT kiêm PTGD     | 443.154                                  | 0,164%  | 509.627                                    | 0,164%  | Nhận cổ tức bằng cổ phiếu 66.473 cổ phiếu                          |
| 9   | Võ Thị Anh                | Em gái ông Võ Hồng Quang-Ủy viên HĐQT kiêm PTGD | 18.860                                   | 0,007%  | 21.688                                     | 0,007%  | Nhận cổ tức bằng cổ phiếu 2.828 cổ phiếu                           |
| 10  | Vũ Ánh Dương              | Ủy viên HĐQT kiêm TGD                           | 780.618                                  | 0,289%  | 897.710                                    | 0,289%  | Nhận cổ tức bằng cổ phiếu 117.092 cổ phiếu                         |
| 11  | Lê Thị Thanh              | Mẹ vợ ông Vũ Ánh Dương - Ủy viên HĐQT kiêm TGD  | 49.681                                   | 0,018%  | 57.133                                     | 0,018%  | Nhận cổ tức bằng cổ phiếu 7.452 cổ phiếu                           |
| 12  | Nguyễn Nhật Tân           | Phó TGD   | 1.221.079                                | 0,452%  | 1.404.240                                  | 0,452%  | Nhận cổ tức bằng cổ phiếu 183.161 cổ phiếu                         |
| 13  | Đặng Quốc Tường           | Phó TGD   | 538.315                                  | 0,199%  | 619.062                                    | 0,199%  | Nhận cổ tức bằng cổ phiếu 80.747 cổ phiếu                          |
| 14  | Nguyễn Thị Hợi            | Vợ của ông Đặng Quốc Tường P TGD                | 22.774                                   | 0,008%  | 26.189                                     | 0,008%  | Nhận cổ tức bằng cổ phiếu 3.415 cổ phiếu                           |
| 15  | Nguyễn Thị Hải Hà         | Trưởng BKS                                      | 122.412                                  | 0,045%  | 140.773                                    | 0,045%  | Nhận cổ tức bằng cổ phiếu 18.361 cổ phiếu                          |
| 16  | Nguyễn Văn Trung          | Chồng của bà Nguyễn Thị Hải Hà-Trưởng BKS       | 51.285                                   | 0,019%  | 58.977                                     | 0,019%  | Nhận cổ tức bằng cổ phiếu 7.692 cổ phiếu                           |
| 17  | Hoàng Văn Sáng            | Thành viên BKS kiêm Người được UQ CBTT          | 8.153                                    | 0,003%  | 9.375                                      | 0,003%  | Nhận cổ tức bằng cổ phiếu 1.222 cổ phiếu                           |
| 18  | Trần Thị Minh Việt        | Kế toán trưởng                                  | 340.329                                  | 0,126%  | 391.377                                    | 0,126%  | Nhận cổ tức bằng cổ phiếu 51.048 cổ phiếu                          |
| 19  | Nguyễn Hồng Thái          | Anh rể bà Trần Thị Minh Việt – Kế toán trưởng   | 149.931                                  | 0,055%  | 172.420                                    | 0,055%  | Nhận cổ tức bằng cổ phiếu 22.489 cổ phiếu                          |
| 20  | Vũ Thị Lan Mỹ             | Người phụ trách quản trị kiêm Thư ký công ty    | 4.703                                    | 0,002%  | 5.408                                      | 0,002%  | Nhận cổ tức bằng cổ phiếu 705 cổ phiếu                             |

## Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ

Trong năm 2023, không có phát sinh giao dịch liên quan đến Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người có liên quan. Tuy nhiên, phát sinh các giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, thi công các công trình với công ty con, công ty liên kết.

Giao dịch giữa Công ty với công ty con, công ty liên kết phát sinh thường xuyên, luôn tuân thủ các quy định của pháp luật và quy định tại Điều lệ Công ty về mối quan hệ Công ty mẹ- công ty con, công ty liên kết và quy định của Luật doanh nghiệp. Giao dịch giữa Công ty với công ty con, công ty liên kết trong năm 2023, thực hiện theo Nghị quyết số 52/NQ-PC1-HĐQT ngày 30/12/2022 v/v thực hiện các hợp đồng giao dịch giữa Công ty CP Tập đoàn PC1 với doanh nghiệp có liên quan.

| STT | Tên tổ chức/cá nhân                       | Mối quan hệ liên quan với công ty | Địa chỉ trụ sở chính/<br>Địa chỉ liên hệ  | Nội dung, Số lượng, tổng giá trị giao dịch năm 2023   |
|-----|---|-----------------------------------|---|---|
| 1   | Công ty TNHH MTV xây lắp điện 1- Miền Nam | Công ty con                       | Lầu 1, Block B, Cao ốc An Khang, số 28, đường 19, P An Phú, TP Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh | Mua khối lượng xây lắp: 319.929.264.163 đồng<br>Bán: vật tư, khác: 7.992.471.987 đồng   |
| 2   | Công ty Cổ phần PC1 Hà Nội                | Công ty con                       | Phố Chợ, Phường Đại Mỗ, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội  | Mua hàng xây lắp: 195.371.575.363 đồng<br>Bán: Tiền thuê đất, vật tư: 9.132.767.928 đồng  |
| 3   | Công ty TNHH Chế tạo cột thép Đông Anh    | Công ty con                       | Tổ 14, TT Đông Anh, H Đông Anh, TP Hà Nội   | Mua hàng cột thép: 16.811.375.046 đồng<br>Cổ tức được chia: 14.626.338.660 đồng   |
| 4   | Công ty TNHH MTV xây lắp điện 1- Mỹ Đình  | Công ty con                       | Số 138 Trần Bình, phường Mỹ Đình 2, Nam Từ Liêm, Hà Nội                                 | Mua: Khối lượng xây lắp: 251.305.696.765 đồng<br>Bán: cho thuê văn phòng, vật tư, khác: 18.854.316.504 đồng   |
| 5   | Công ty TNHH MTV PC1 - Nàng Hương         | Công ty con                       | Số 583 Km 9 đường Nguyễn Trãi, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội                                | Mua: Dịch vụ tòa nhà: 2.935.216.627 đồng<br>Bán thuê văn phòng, khác: 1.499.163.684 đồng<br>Cổ tức được chia: 1.870.104.537 đồng  |
| 6   | Công ty Cổ phần PC1 Thanh Long            | Công ty con                       | Số 471, Nguyễn Tam Trinh, P.Hoàng Văn Thụ, Hoàng Mai, HN                                | Mua: Khối lượng xây lắp 106.751.698.138 đồng<br>Mua: chi phí lãi vay 118.726.800 đồng<br>Bán: Tiền thuê đất, vật tư, khác: 8.606.581.962 đồng<br>Bán: lãi bán hàng trả chậm 37.928.794 đồng |
| 7   | Công ty TNHH MTV xây lắp điện 1- Miền Bắc | Công ty con                       | Tổ dân phố Chợ, phường Đại Mỗ, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội                                 | Mua: lãi trả chậm 718.784.008 đồng; khối lượng xây lắp: 1.799.686.972 đồng  |
| 8   | Công ty TNHH MTV xây lắp điện 1 - Từ Liêm | Công ty con                       | Số 32, Phương Canh, tổ 2, P Xuân Phương, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội                       | Mua: Khối lượng xây lắp 7.894.289.627 đồng; lãi trả chậm: 138.397.218 đồng  |

| STT | Tên tổ chức/cá nhân                          | Mối quan hệ liên quan với công ty | Địa chỉ trụ sở chính/<br>Địa chỉ liên hệ   | Nội dung, Số lượng, tổng giá trị giao dịch năm 2023   |
|-----|--|-----------------------------------|--|---|
| 9   | Công ty TNHH MTV xây lắp điện 1 - Hà Đông    | Công ty con                       | Phố Văn La, phường Phú La, quận Hà Đông, Hà Nội  | Mua: Tài sản dài hạn, CCDC: 3.062.911.349 đồng  |
| 10  | Công ty TNHH MTV Xây lắp điện 1 - Ninh Bình  | Công ty con                       | Ngõ 2, đường Xuân Thành, phố Khánh Thành, Phường Tân Thành, TP Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình | Mua: Khối lượng xây lắp 21.564.080.309 đồng; tài sản dài hạn: 2.311.785.209 đồng;                   |
| 11  | Công ty cổ phần Thủy điện Trung Thu          | Công ty con                       | SN 157, tổ dân phố 16, P Tân Thanh, TP Điện Biên Phủ, T.Điện Biên                        | Bán: cho thuê văn phòng, khác: 123.082.134 đồng<br>Cổ tức được chia: 26.397.234.000 đồng            |
| 12  | Công ty cổ phần lắp máy công nghiệp Việt Nam | Công ty con                       | Số 138 Trần Bình, P.Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội                                  | Bán: cho thuê VP: 231.709.092 đồng<br>Cổ tức được chia: 1.377.000.000 đồng                          |
| 13  | Công ty CP cơ khí ô tô Hòa Bình              | Công ty con                       | Số 44 Phố Triều Khúc, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội                     | Mua lãi vay: 232.245.332 đồng<br>Cổ tức được chia: 17.819.655.000 đồng                              |
| 14  | Công ty CP đầu tư Địa ốc Mỹ Đình             | Công ty con                       | Tầng 1, Mỹ Đình Plaza, 138 Trần Bình, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội         | Bán: cho thuê VP: 95.301.816 đồng   |
| 15  | Công ty CP năng lượng Bảo Lâm                | Công ty con                       | Thôn Nà Pồng, xã Lý Bôn, huyện Bảo Lâm, Tỉnh Cao Bằng, Việt Nam                          | Bán: lãi cho vay 455.753.425 đồng<br>Mua: Quản lý vận hành thủy điện và xây lắp 28.066.652.787 đồng |
| 16  | Công ty CP Đầu tư Năng lượng Miền Bắc        | Công ty con                       | Thôn Nà Pồng, xã Lý Bôn, huyện Bảo Lâm, Tỉnh Cao Bằng, Việt Nam                          | Bán: cho thuê VP; khác: 88.555.554 đồng<br>Cổ tức được chia: 14.702.758.871 đồng                    |
| 17  | Công ty cổ phần thương mại đầu tư Tiến Bộ    | Công ty con                       | Số 1, ngõ 321 phố Vinh Hưng, phường Thanh Trì, Hoàng Mai, Hà Nội                         | Bán lãi cho vay: 879.999.999 đồng   |
| 18  | Công ty CP thiết bị Thương mại               | Công ty con                       | Số 1, ngõ 120 Định Công, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội           | Mua hàng lãi vay: 1.582.356.165 đồng  |
| 19  | Công ty cổ phần điện gió Liên Lập            | Công ty con                       | Km5, Thôn Cửa, xã Hướng Tân, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị                             | Bán hàng: dịch vụ khác: 448.507.314 đồng; lãi vay 386.693.454 đồng<br>Cổ tức: 13.245.018.859 đồng   |



## Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ (tiếp theo)

| STT | Tên tổ chức/cá nhân   | Mối quan hệ liên quan với công ty                      | Địa chỉ trụ sở chính/<br>Địa chỉ liên hệ  | Nội dung, Số lượng, tổng giá trị giao dịch năm 2023  |
|-----|---|--|---|--|
| 20  | Công ty cổ phần điện gió Phong Huy                              | Công ty con  | Km5, Thôn Cửa, xã Hướng Tân, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị  | Bán hàng: dịch vụ khác: 423.007.314 đồng; lãi vay 1.085.320.052 đồng<br>Cổ tức: 55.327.225.294 đồng  |
| 21  | Công ty cổ phần điện gió Phong Nguyên                           | Công ty con  | Km5, Thôn Cửa, xã Hướng Tân, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị  | Bán hàng: dịch vụ khác: 403.007.314 đồng; lãi vay: 1.408.008.583 đồng<br>Cổ tức: 55.361.949.650 đồng |
| 22  | Công ty CP Đầu tư và dịch vụ Công Nghệ                          | Công ty con  | Tầng 2, toàn nhà PCC1 Thanh Xuân, Số 44 Triều Khúc, Phường Thanh Xuân Nam, TP Hà Nội                      | Mua: Lắp đặt thiết bị: 77.486.247.425 đồng; tài sản dài hạn: 2.720.161.500 đồng.                     |
| 23  | Công ty CP Khoáng sản Tấn Phát                                  | Công ty con  | Thôn Hát Thín, xã Quang Trung, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng  | Bán hàng: thuê văn phòng, lãi vay, khác: 112.412.885.363 đồng  |
| 24  | Công ty cổ phần cột thép mạ kẽm Thái Nguyên                     | Công ty con của Công ty TNHH chế tạo cột thép Đông Anh | Lô CN2-1 và CN2-2 Khu công nghiệp Điểm Thủy B, xã Điểm Thủy, H.Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên                 | Bán hàng: lãi vay, lãi bán hàng trả chậm: 6.839.462.967 đồng; Mua hàng cột thép: 479.248.888 đồng    |
| 25  | Công ty CP thí nghiệm điện ETIK                                 | Công ty con của Cty TNHH MTV xây lắp điện 1-Mỹ Đình    | Số 138 Trần Bình-Phường Mỹ Đình 2- Quận Nam Từ Liêm- TP Hà Nội.   | Mua: Khối lượng xây lắp: 1.509.140.126 đồng  |
| 26  | Công ty CP thủy điện Sông Gâm                                   | Công ty con  | Thôn Nà Rò, xã Bảo Toàn, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng   | Bán: dịch vụ khác: 5.111.692.394 đồng<br>Bán hàng lãi vay: 746.235.616 đồng                          |
| 27  | Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp Nhật Bản - Hải Phòng | Công ty con  | Tòa nhà điều hành, Khu công nghiệp Nhật Bản - Hải Phòng, xã Tân Tiến, huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng | Bán dịch vụ xây lắp: 1.922.269.249 đồng;<br>Cổ tức lợi nhuận được chia: 56.000.000.000 đồng          |

## ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

PC1 đánh giá việc thực hiện quản trị công ty theo tiêu chuẩn Việt Nam CG Code.

### Những điểm đã làm được

#### ▶ Tuân thủ tốt quy định công bố thông tin trên thị trường chứng khoán

Đội ngũ cán bộ phụ trách Công bố thông tin của PC1 am hiểu và luôn thực hiện tốt các quy định pháp luật về công bố thông tin tại Luật chứng khoán 2019, Thông tư 96/2020/TT-BTC, Quyết định 340/QĐ-SGDHCM, ...  
PC1 luôn công bố đầy đủ và đúng thời hạn các công bố định kỳ như: Báo cáo tài chính hàng quý, Báo cáo tài chính bán niên soát xét, Báo cáo tài chính năm kiểm toán, Báo cáo thường niên, CBTT về tổ chức Đại hội đồng cổ đông, định kỳ 06 tháng báo cáo tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán chứng khoán riêng lẻ, ... và các công bố bất thường khác.

#### ▶ Hoạt động quan hệ nhà đầu tư (IR)

Một trong những điều kiện tiên quyết để một doanh nghiệp ngày càng được các nhà đầu tư tin tưởng đồng hành chính là tính minh bạch và kịp thời về thông tin của doanh nghiệp. Nhận thức được tầm quan trọng của việc duy trì các hoạt động công bố thông tin thường xuyên - đầy mạnh công tác quan hệ nhà đầu tư nên PC1 luôn chủ động cập nhật thông tin rộng rãi, chính xác tới các cổ đông, nhà đầu tư quan tâm thông qua các ấn phẩm Báo cáo thường niên, Bản tin nhà đầu tư, Thông cáo báo chí..., thông qua ĐHĐCĐ thường niên, các buổi tiếp xúc trực tiếp và gián tiếp qua website, mạng xã hội cũng như các hình thức khác..

#### ▶ Phát huy vai trò, trách nhiệm của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát

Hệ thống quản trị của Tập đoàn được kiểm soát chặt chẽ, các hoạt động quản trị của Hội đồng quản trị, điều hành của Ban Tổng giám đốc luôn minh bạch và được giám sát một cách cẩn trọng. HĐQT cũng như BKS đều tiến hành họp định kỳ, nghiêm túc theo quy chế làm việc. Thể hiện tinh thần dân chủ và tôn trọng các ý kiến phản biện. Thông qua các kỳ họp đã kịp thời ra những quyết định, nghị quyết kịp thời, đúng đắn theo nguyên tắc quản trị doanh nghiệp.

### Những điểm còn hạn chế

▶ Tính đến 31/12/2023, Hội đồng quản trị Công ty gồm 05 thành viên, chưa có thành viên độc lập HĐQT theo quy định tại Luật doanh nghiệp 2020. PC1 đã có văn bản giải trình Ủy ban chứng khoán nhà nước/HOSE về nội dung này, đồng thời đã và đang tích cực tìm kiếm thành viên HĐQT độc lập bổ sung vào HĐQT nhằm nâng cao năng lực quản trị cũng như tuân thủ quy định của pháp luật.



## TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC QUẢN TRỊ CÔNG TY

### ▶ Kế hoạch học tập, đào tạo quản trị công ty

Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc, các cán bộ quản lý khác và Thư ký Tập đoàn thường xuyên cập nhật các văn bản, quy định của pháp luật về quản trị công ty, tham gia các cuộc hội thảo về quản trị công ty do Sở giao dịch CK TP Hồ Chí Minh và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tổ chức và sẽ tiếp tục tham gia các khóa đào tạo về quản trị công ty khi các cơ sở đào tạo được UBCKNN công nhận có các khóa đào tạo phù hợp.

### ▶ Quan hệ nhà đầu tư

Tập đoàn có bộ phận Quan hệ nhà đầu tư và Bộ phận Công bố thông tin chịu trách nhiệm cập nhật thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời và giám sát truyền thông ra bên ngoài cho các cổ đông và lưu trữ thông tin theo quy định của pháp luật. Là một trong 50 Công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam, PC1 luôn định hướng hoạt động quan hệ cổ đông, nhà đầu tư hướng tới minh bạch thông tin, tuân thủ các quy định pháp luật, bảo vệ và thực hiện đầy đủ quyền cho cổ đông.

Trong tất cả các cuộc trao đổi, gặp gỡ với nhà đầu tư và tại ĐHĐCĐ thường niên, nhà đầu tư được quyền chủ động đặt câu hỏi liên quan đến hoạt động của Tập đoàn và được lãnh đạo Tập đoàn giải đáp trực tiếp ngay tại sự kiện. Đồng thời, Biên bản và Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên được đăng tải công khai và đầy đủ trên website của Tập đoàn giúp các cổ đông, nhà đầu tư chủ động nắm bắt thông tin.

PC1 sẽ tiếp tục tuân thủ và cập nhật các quy định về quản trị công ty như công bố thông tin trên thị trường chứng khoán hay tổ chức Đại hội đồng cổ đông; Tiếp tục cải tiến chất lượng báo cáo thường niên và báo cáo định kỳ, Bản tin nhà đầu tư ...

## NÂNG CAO HIỆU QUẢ QUẢN TRỊ CÔNG TY

### ▶ Quản trị hệ thống thông tin

- Tiếp tục xây dựng hoàn thiện và ban hành Lộ trình chuyển đổi số Tập đoàn phù hợp với chiến lược kinh doanh và cấu trúc doanh nghiệp cấp Tập đoàn.
- Đồng bộ quản trị, phân tích chuyên sâu dữ liệu kinh doanh toàn Tập đoàn; Tiếp tục cải tiến vận hành hệ thống thông tin quản trị thông minh - Business Intelligence.
- Xây dựng các chính sách, quy định về bảo mật thông tin nội bộ; an ninh mạng; quy định phân cấp và quyền khai thác dữ liệu kinh doanh...

### ▶ Quản trị Tài chính - Kế toán:

- Tập đoàn và các công ty con sử dụng nhất quán một phần mềm kế toán để tiện lợi cho việc hạch toán, báo cáo và hợp nhất số liệu. Ứng dụng công nghệ số vào hệ thống kế toán Tập đoàn và toàn bộ các công ty thành viên để đưa ra các phân tích chính xác, kịp thời cho Ban lãnh đạo điều hành.
- Xây dựng hoạch tài chính dài hạn, trung hạn, ngắn hạn, từ đó, xây dựng phương án tài chính phù hợp đảm bảo đáp ứng nhu cầu vốn phục vụ cho sản xuất kinh doanh trong các giai đoạn tiếp theo trong chiến lược phát triển Tập đoàn.

### ▶ Quản trị nhân sự:

- Tập trung hoàn thành đề án phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ các mục tiêu chiến lược tầm nhìn đến 2030.
- Tiếp tục vận hành sơ đồ tổ chức mới hiệu quả theo mô hình tập đoàn, hướng tới chuyên nghiệp và chuyên môn hóa cao, trong đó vận hành phần mềm quản lý nhân sự hiện đại (HRM).
- Tiếp tục xây dựng và ban hành các chính sách phát triển nhân lực, khuyến khích đổi mới sáng tạo, đảm bảo an toàn thông tin nội bộ, ...

### ▶ Quản trị quan hệ khách hàng:

- PC1 tạo được sự tin cậy cao với khách hàng, bao gồm các khách hàng truyền thống và khách hàng mới. PC1 có các quy trình quản trị khách hàng chặt chẽ, từ tìm kiếm đến bán hàng và sau bán hàng.
- Công tác chuyển đổi số được nghiên cứu áp dụng trong quản trị quan hệ khách hàng, tạo lợi thế cạnh tranh cho Tập đoàn. Tiếp tục đẩy mạnh đưa vào sử dụng phần mềm CRM để nâng cao dịch vụ chăm sóc khách hàng và hiệu quả công tác thị trường.

### ▶ Quản trị chất lượng:

- Thực hiện tốt công tác đào tạo nhận thức và huấn luyện CBNV về chuyển đổi số thông qua chuỗi chương trình đào tạo.
- Ứng dụng thành công các phần mềm quản lý và số hóa để nâng cao năng lực quản trị hệ thống, đồng thời gia tăng hiệu quả kinh doanh.



# 5 PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- 94 Tổng quan về Báo cáo
- 96 Mô hình phát triển bền vững
- 97 Định hướng phát triển bền vững
- 98 Các chỉ tiêu phát triển bền vững



# TỔNG QUAN VỀ BÁO CÁO



Báo cáo phát triển bền vững 2023 của Công ty cổ phần Tập đoàn PC1 được ghép chung trong Báo cáo thường niên 2023 để tránh trùng lặp thông tin, mang lại thông tin chất lượng với nội dung ngắn gọn, súc tích cho cổ đông và các bên có liên quan. Mục đích của Báo cáo phát triển bền vững nhằm cung cấp các thông tin về định hướng, chủ trương phát triển của Tập đoàn, các chính sách liên quan đến môi trường, xã hội, cộng đồng, người lao động và các bên liên quan khác.



Mục tiêu

Báo cáo phát triển bền vững là một phần quan trọng trong Báo cáo thường niên nhằm giúp nhà đầu tư, cổ đông và các bên liên quan tiếp cận thông tin về chiến lược phát triển, hoạt động kinh doanh của PC1 ở khía cạnh phát triển bền vững. Nội dung báo cáo sẽ tổng hợp, đánh giá các hoạt động phát triển bền vững của Tập đoàn.



Phạm vi

Báo cáo này được lập trong phạm vi hoạt động của Tập đoàn, các đơn vị thành viên và trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam. Thông tin dữ liệu trong báo cáo được cập nhật cho năm tài chính 2023, bắt đầu từ ngày 01/1/2023 đến ngày 31/12/2023.



Căn cứ lập Báo cáo

Báo cáo được lập dựa trên hướng dẫn làm Báo cáo thường niên tại Thông tư 96/2020/TT-BTC; dựa trên hướng dẫn tiêu chuẩn của Tổ chức sáng kiến Báo cáo toàn cầu (Global Reporting Initiative - GRI).



Địa chỉ liên hệ

PC1 nỗ lực hết mình để đáp ứng kỳ vọng của các bên liên quan bằng việc minh bạch hóa thông tin, tăng trưởng bền vững, thể hiện trách nhiệm của doanh nghiệp với cộng đồng xã hội. Do đó chúng tôi rất mong nhận được những đóng góp ý kiến của Quý vị. Mọi ý kiến đóng góp liên quan đến vấn đề phát triển bền vững, xin Quý vị vui lòng gửi về địa chỉ:

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1

Địa chỉ: Tòa CT2, Số 583 Nguyễn Trãi - Thanh Xuân - Hà Nội

Điện thoại: (+84) 024 3845 6329

Fax: (+84) 024 3823 1997



# MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Tập đoàn luôn gắn chiến lược phát triển bền vững vào chiến lược phát triển chung của doanh nghiệp để đảm bảo tăng trưởng trong dài hạn. Bên cạnh đó, Tập đoàn mong muốn tạo ra các giá trị cho xã hội, môi trường, đáp ứng kỳ vọng và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và quyền lợi đối với các bên liên quan. Từ đó các kế hoạch hành động được đặt ra dựa trên nền tảng sự chia sẻ chủ động và tích cực từ các bên liên quan nhằm nhanh chóng phát hiện những vấn đề cần thay đổi và phát triển để hoàn thiện hơn các chính sách của Tập đoàn hiện nay.



## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Định hướng, chiến lược chung của Công ty mẹ và các công ty con.
- Các chương trình hành động chung.



## BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Định hướng, chỉ đạo chung về Phát triển bền vững của Công ty mẹ và các công ty con.
- Phê duyệt mục tiêu và các kế hoạch hành động.



## CÁC BỘ PHẬN CHỨC NĂNG TRỰC THUỘC TẬP ĐOÀN

- Xây dựng và trình Ban Tổng Giám đốc các mục tiêu kế hoạch và hành động cụ thể.
- Triển khai, hướng dẫn các công ty con thực hiện, giám sát các kế hoạch, hành động đã được Ban Tổng giám đốc phê duyệt.



## BAN GIÁM ĐỐC CÁC CÔNG TY CON

- Triển khai, giám sát việc thực hiện các kế hoạch và hành động tại công ty con.
- Đánh giá việc thực hiện và xuất báo cáo đánh giá trình lên Ban Tổng giám đốc.

# ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



PC1

## Khách hàng - Đối tác

- Đối với khách hàng, PC1 đặt uy tín và chất lượng lên hàng đầu, nhằm mang đến những giá trị và sự hài lòng cao nhất cho khách hàng.
- Đối với các đối tác: PC1 hướng tới sự tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau, hợp tác cùng có lợi và đồng hành cùng mang lại những giá trị tốt đẹp cho xã hội.

PC1

## Cổ đông

- Gắn kết sự phát triển bền vững của PC1 với lợi ích lâu dài của các cổ đông, nhà đầu tư thông qua
- Công bố thông tin đầy đủ, chính xác và kịp thời;
- Quản trị công ty minh bạch và hiệu quả;
- Xây dựng chính sách cổ tức ổn định, hướng tới phát triển bền vững;
- Xây dựng và củng cố niềm tin của nhà đầu tư vào thương hiệu và mã cổ phiếu PC1.

PC1

## Nhà nước

- PC1 đảm bảo tuân thủ nghiêm các chính sách của Nhà nước trong tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình.
- Chung tay góp sức vào quá trình xây dựng các hạ tầng cơ sở phục vụ cho sự phát triển của đất nước.
- Đảm bảo hoàn thành nghĩa vụ thuế và đóng góp cho ngân sách Nhà nước.

PC1

## Người lao động

- Xây dựng chính sách lương thưởng hiệu quả, hợp lý với mức thu nhập cạnh tranh.
- Xây dựng môi trường làm việc nhằm tạo điều kiện cho người lao động phát huy tối đa năng lực của mình.
- Chăm lo đời sống tinh thần cho người lao động và tạo dựng văn hóa doanh nghiệp.

PC1

## Cộng đồng

- Gắn kết sự phát triển của PC1 với sự phát triển của các địa phương nơi Tập đoàn có hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Hỗ trợ cho những hoàn cảnh khó khăn thông qua các chương trình thiện nguyện.

PC1

## Môi trường

- Tuân thủ các quy định của pháp luật về môi trường.
- Sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên.
- Nghiên cứu tiềm năng của nguồn năng lượng tái tạo để đầu tư đồng thời giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

# CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

## TÁC ĐỘNG LÊN MÔI TRƯỜNG

Nhận thức vai trò của môi trường đối với hoạt động sản xuất và hướng đến mục tiêu phát triển bền vững, PC1 liên tục đưa ra các chính sách nhằm duy trì hoạt động đánh giá nguồn nguyên vật liệu, nguồn nước, năng lượng sử dụng, tác động của nước thải, chất thải đến môi trường qua việc kiểm soát đầu vào và đầu ra (phát thải từ hoạt động vận hành của khối văn phòng và đặc biệt là của khối sản xuất công nghiệp).

### Gắn sản xuất với bảo vệ môi trường

Nhà máy chế tạo cột thép Đông Anh nhận hai chứng nhận đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015 vào ngày 28/2/2018 và ISO 14001:2015 vào ngày 09/4/2018 do tổ chức AFNOR - thành viên của một trong các tổ chức chứng nhận lớn nhất được công nhận cấp quốc tế.

Năm 2021, Nhà máy Cột thép mạ kẽm Thái Nguyên cũng đã hoàn thành cấp Chứng chỉ quản lý chất lượng ISO 9001:2015 và chứng nhận Hệ thống quản lý môi trường ISO 14001:2015, được cấp bởi tổ chức chứng nhận Universal GmbH - DAkkS của Cộng Hòa Liên Bang Đức, là 01 trong 03 dấu chứng nhận có uy tín nhất trên toàn cầu.

Tập đoàn đã ban hành nhiều quy định liên quan đến quản trị chất lượng, môi trường và các biện pháp thực hiện cụ thể đối với nhà máy sản xuất công nghiệp của PC1. Từ đó đến nay, các nhà máy vẫn luôn duy trì thực hiện tốt công tác quản trị chất lượng và môi trường.

| Nhà máy chế tạo cột thép Đông Anh và Nhà máy cột thép mạ kẽm Thái Nguyên |   | Mục tiêu chất lượng, môi trường và biện pháp thực hiện |   |   |
|--|---|--|---|---|
| Mục tiêu   | Biện pháp thực hiện   | Thực hiện  |   |   |
|  |   | Thời gian  | Trách nhiệm                               | Tài liệu  |
| Duy trì tỷ lệ sản phẩm sai hỏng không phù hợp dưới 0,2%                  | - Kiểm soát các quá trình   | Liên tục   | Các phòng ban                             | Báo cáo thực hiện mục tiêu chiến lược, báo cáo khắc phục & cải tiến |
|  | - Thực hiện hành động khắc phục kịp thời, không để xảy ra sai hỏng hàng loạt          | Hàng ngày  | Ban QA và các Phòng Ban liên quan         | Báo cáo khắc phục và cải tiến                                       |
|  | - Kiểm soát sản phẩm từ khâu nhập nguyên liệu đầu vào cho đến khi giao cho khách hàng | Hàng ngày  | Ban QA và các Phòng Ban liên quan         | Phiếu kiểm tra đầu vào và biên bản làm việc                         |
|  | - Đào tạo   | Theo kế hoạch đào tạo của các phòng ban                | Các phòng ban                             | Hồ sơ đào tạo   |
| Đảm bảo đạt 100% sự hài lòng của khách hàng                              | - Kiểm soát chất lượng sản phẩm của Nhà máy và nhà thầu phụ                           | Hàng ngày  | Ban QA, Sản xuất, Kinh doanh              | Báo cáo kiểm tra sản phẩm biên bản làm việc                         |
|  | Đảm bảo 100% tiến độ giao hàng các dự án  | Hàng ngày  | Ban sản xuất, Ban kinh doanh              | Báo cáo tiến độ sản xuất  |
|  | Chăm sóc khách hàng   | Thường xuyên   | Ban Kinh doanh và các phòng ban liên quan | Báo cáo xử lý ý kiến thắc mắc, khiếu nại nếu có của khách hàng      |

| Nhà máy chế tạo cột thép Đông Anh và Nhà máy cột thép mạ kẽm Thái Nguyên       |   | Mục tiêu chất lượng, môi trường và biện pháp thực hiện |  |  |
|--|---|--|--|--|
| Mục tiêu   | Biện pháp thực hiện   | Thực hiện  |  |  |
|  |   | Thời gian  | Trách nhiệm  | Tài liệu   |
| 100% các loại rác thải được phân loại, thu gom và xử lý theo quy định          | - Kiểm soát quá trình phân loại rác thải  | Hàng ngày  | Các phòng ban  | Biên bản kiểm tra                                |
|  | - Hợp đồng với các đơn vị có đủ chức năng để xử lý rác thải   | Liên tục   | Ban sản xuất, Phòng Hành chính                       | Các hợp đồng, bảng kê khối lượng rác xử lý       |
|  | - Đào tạo cho nhân viên mới, người thực hiện chưa tốt   | Khi có nhân viên mới                                   | Phòng Hành chính                                     | Hồ sơ đào tạo                                    |
|  | - Bảo trì các trang thiết bị an toàn tại các máy, kiểm định các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động | Kế hoạch bảo dưỡng, kiểm định                          | Xưởng cơ điện, Ban TK&KT                             | Hồ sơ thiết bị                                   |
| Tạo môi trường làm việc an toàn, không để xảy ra tai nạn lao động nghiêm trọng | - Trang bị thiết bị bảo hộ lao động cho người lao động  | Liên tục   | Phòng Hành chính, Sản xuất, Vật tư, Mua hàng         | Hồ sơ theo dõi cấp phát thiết bị bảo hộ lao động |
|  | - Huấn luyện về ATLĐ  | Theo kế hoạch năm                                      | Cán bộ an toàn, Phòng Hành chính                     | Hồ sơ đào tạo                                    |
|  | - Định kỳ tập huấn ứng phó với các tình trạng khẩn cấp (Cháy nổ, ...)   | Theo kế hoạch năm                                      | Ban sản xuất, Phòng Hành chính, đội ngũ an toàn viên | Kế hoạch tập huấn và kết quả đào tạo             |

### Đầu tư phát triển năng lượng tái tạo

Lũy kế đến nay, 10 nhà máy điện năng lượng tái tạo của PC1 đã cung cấp cho lưới điện Quốc gia gần 4 tỷ KWH điện sạch, góp phần cắt giảm tương đương 3 triệu tấn CO2.

PC1 khẳng định trách nhiệm với xã hội, trách nhiệm với cộng đồng tại tất cả các địa phương có hoạt động kinh doanh trọng điểm với kinh phí hàng tỷ đồng mỗi năm như:

- Xây mới trường mầm non Cô Ba tại Bảo Lạc, Cao Bằng với quy mô nhà lớp học 2 tầng, tổng diện tích 570 m2, gồm: 4 phòng sinh hoạt, 4 phòng đón trẻ, 4 kho để đồ, 4 nhà vệ sinh chung, cầu thang bộ và một số công trình phụ trợ khác, tổng trị giá 5 tỷ đồng
- Chương trình xóa nhà dột nát và nhà ở doanh trại cán bộ chiến sỹ công an thuộc các vùng miền núi khó khăn của tỉnh Cao Bằng
- Xây dựng nhà tình thương cho các hộ nghèo trên địa bàn tỉnh Long An.



## Kiểm kê, đo lường phát thải ra môi trường

PC1 có phát thải trực tiếp khí nhà kính ở lĩnh vực sản xuất công nghiệp trong quá trình đốt nhiên liệu dầu diesel để vận hành bể mạ và chạy xe nâng và phát thải gián tiếp khí nhà kính trong quá trình sử dụng điện năng mua của các nhà máy phát điện quốc gia để phục vụ sản xuất kinh doanh.

| Tên nhà máy | Tiêu chí                         | Năm 2023   | Năm 2022  | Hệ thống xử lý khí thải và chất thải   |
|-------------|----------------------------------|------------|-----------|--|
| DAST        | Tổng lượng khí thải (m3)         | 10.333.040 | 7.994.940 | Kết quả quan trắc khí thải và hệ thống xử lý khí thải năm 2022 cho thấy các chỉ tiêu, thông số quan trắc đều đạt quy chuẩn   |
| TNST        | Tổng lượng khí thải (m3)         | 40.800     | 27.200    |  |
| DAST        | Chất thải rắn thông thường (tấn) | 906        | 761       | Các nhà máy đều ký kết các hợp đồng xử lý rác thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại với các công ty môi trường trên địa bàn, như: Công ty TNHH môi trường Việt Tiến, Công ty TNHH xây dựng và phát triển kinh doanh Việt Anh... |
|             | Chất thải nguy hại (tấn)         | 228        | 240       |  |
| TNST        | Chất thải rắn thông thường (tấn) | 4,68       | 8,16      |  |
|             | Chất thải nguy hại (tấn)         | 3,20       | 14,69     |  |

### Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính:

- Tuyên truyền, đào tạo nâng cao nhận thức về tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường
- Tiếp tục nghiên cứu đầu tư phát triển các nhà máy năng lượng tái tạo
- Sử dụng đèn thấp sáng tiết kiệm điện, tối ưu ca sản xuất, giờ máy chạy để giảm điện năng tiêu thụ
- Cải tiến công nghệ, sử dụng hiệu quả nhiên liệu đốt trong quá trình sản xuất
- Sử dụng hiệu quả năng lượng trong giao thông vận tải, giới hạn mức tiêu thụ nhiên liệu của các xe cơ giới
- Quản lý, giảm phát thải chất thải rắn, chấp hành các quy định về thu gom, xử lý chất thải, bao gồm chất thải công nghiệp và rác thải sinh hoạt...

## QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

Các sản phẩm cột thép của hai nhà máy DAST và TNST chỉ được sản xuất từ nguyên liệu chính phẩm (thép góc, thép hình ... nguyên cây) và sử dụng một tỷ lệ nhỏ nguyên vật liệu thu hồi từ sản phẩm không phù hợp trong quá trình sản xuất, không sử dụng nguyên vật liệu tái chế mua ngoài; điều này góp phần hạn chế tối đa sự phát sinh phế liệu trong quá trình sản xuất tại các nhà máy.

| Tên nhà máy | Tiêu thụ năm 2023 |           |                  |
|-------------|-------------------|-----------|------------------|
|             | Thép (tấn)        | Kẽm (tấn) | Dầu diezen (lít) |
| TNST        | 30.430            | 963,05    | 967.870          |
| TNST        | 8.306             | 481,65    | 540.210          |

## TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

Nguồn năng lượng sử dụng trực tiếp tại Công ty trong quá trình sản xuất và kinh doanh là điện năng. Công ty không sử dụng nguồn năng lượng gián tiếp.

Lượng điện tiêu thụ tại các nhà máy của PC1:

| Đơn vị tiêu thụ   | Điện tiêu thụ năm 2023 (kWh) | Suất điện tiêu thụ năm 2023 | Điện tiêu thụ năm 2022 (kWh) | Suất điện tiêu thụ năm 2022 | % tăng/ giảm suất điện tiêu thụ |
|-------------------|------------------------------|-----------------------------|------------------------------|-----------------------------|---------------------------------|
| DAST              | 1.197.900                    | 25                          | 1.158.000                    | 37                          | (33%)                           |
| TNST              | 496.710                      | 48                          | 443.872                      | 75                          | (36%)                           |
| NMTĐ Trung Thu    | 401.677                      | 0,0050                      | 424.828                      | 0,0033                      | 50%                             |
| NMTĐ Bảo Lâm 1    | 401.162                      | 0,0055                      | 399.840                      | 0,0034                      | 65%                             |
| NMTĐ Bảo Lâm 3    | 458.600                      | 0,0049                      | 447.828                      | 0,0027                      | 78%                             |
| NMTĐ Bảo Lâm 3A   | 140.600                      | 0,0060                      | 132.497                      | 0,0038                      | 59%                             |
| NMTĐ Mông Ân      | 455.190                      | 0,0061                      | 369.438                      | 0,0031                      | 96%                             |
| NMTĐ Bảo Lạc B    | 245.820                      | 0,0068                      | 162.280                      | 0,0024                      | 188%                            |
| NMTĐ Sông nhiệm 4 | 113.000                      | 0,0047                      | 93.810                       | 0,0027                      | 73%                             |
| NMĐG Liên Lập     | 312.635                      | 0,0023                      | 380.060                      | 0,0029                      | (22%)                           |
| NMĐG Phong Huy    | 335.528                      | 0,0021                      | 407.360                      | 0,0028                      | (25%)                           |
| NMĐG Phong Nguyên | 402.591                      | 0,0026                      | 435.845                      | 0,0030                      | (15%)                           |

### Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả

Nhờ ứng dụng các sáng kiến tiết kiệm và sử dụng năng lượng hiệu quả, suất điện tiêu thụ tại các nhà máy thủy điện và các nhà máy điện gió của Tập đoàn năm 2023 đều giảm đáng kể so với năm 2022 (như bảng trên). Riêng đối với các nhà máy sản xuất chế tạo cột thép, do sản lượng sản xuất năm 2023 giảm trong khi các nhà máy vẫn cần duy trì sử dụng điện cho các máy móc chạy cố định và bộ phận quản lý, văn phòng, dẫn đến suất điện tiêu thụ tăng.

### Các biện pháp sáng kiến tiết kiệm và sử dụng năng lượng hiệu quả:

- Tuyên truyền nâng cao ý thức của Người lao động về việc tiết kiệm năng lượng.
- Bật, tắt hệ thống điện và hệ thống điều hòa đúng giờ quy định.
- Sử dụng đèn thấp sáng tiết kiệm điện
- Để nhiệt độ điều hòa ở mức nhiệt độ trung bình, không chênh lệch quá cao so với nhiệt độ thực tế.
- Tối ưu ca sản xuất, giờ máy chạy để giảm điện năng tiêu thụ
- Tiếp tục nghiên cứu đầu tư phát triển các nhà máy năng lượng tái tạo

## TIÊU THỤ NƯỚC

| Đơn vị tiêu thụ   | Nguồn cung cấp nước              | Lượng nước sử dụng năm 2023 (m3) | Tỷ lệ % và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng | Thông tin về hệ thống xử lý nước thải                     |
|-------------------|----------------------------------|----------------------------------|---|---|
| DAST              | Công ty CP nước sạch số 2 Hà Nội | 29,857                           | 0.62  | Có hệ thống xử lý nước thải công nghiệp 150m3/ngày đêm.   |
| TNST              | Công ty CP nước sạch Thái Nguyên | 7,547                            | 0.73  | Có hệ thống xử lý nước thải công nghiệp 80m3/ngày đêm.    |
| NMTĐ Trung Thu    | Nước ngầm, nước mớ               |                                  |   |   |
| NMTĐ Bảo Lâm 1    | Nước từ giếng khoan              |                                  |   |   |
| NMTĐ Bảo Lâm 3    | Nước ngầm, nước mớ               |                                  |   |   |
| NMTĐ Bảo Lâm 3A   | Nước từ giếng khoan              |                                  | Không áp dụng                                     |   |
| NMTĐ Mông Ân      | Nước từ giếng khoan              |                                  |   |   |
| NMTĐ Bảo Lạc B    | Nước từ giếng khoan              |                                  |   | Không tạo ra nước thải phải xử lý theo quy định pháp luật |
| NMTĐ Sông nhiệm 4 | Nước ngầm, nước mớ               |                                  |   |   |
| NMĐG Liên Lập     | Nước từ giếng khoan              |                                  |   |   |
| NMĐG Phong Huy    | Nước từ giếng khoan              |                                  | Không áp dụng                                     |   |
| NMĐG Phong Nguyên | Nước từ giếng khoan              |                                  |   |   |

### Các biện pháp tiết kiệm nước được PC1 sử dụng

- Sử dụng hệ thống nhà vệ sinh tiết kiệm nước (vòi xả tự ngắt, bồn xả tự động,..)
- Thường xuyên có những hoạt động kiểm tra nước rò rỉ và có những biện pháp xử lý kịp thời.
- Tái sử dụng nước cho các hoạt động khác của Tập đoàn, nhà máy.
- Không sử dụng nước bồn cầu vào những mục đích khác.

## TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

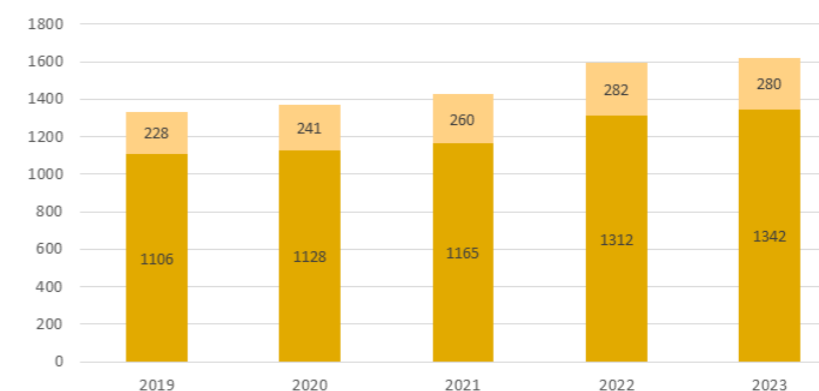
Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: 0

Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: 0

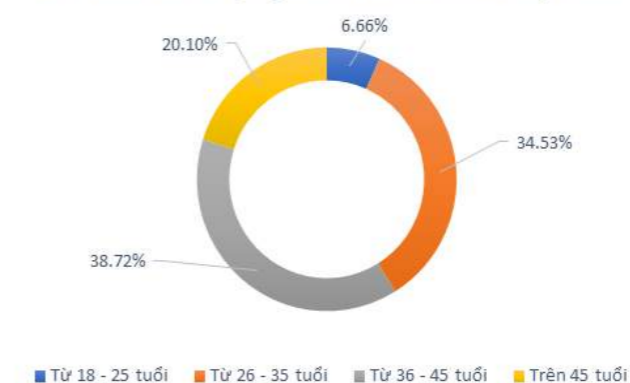
## CHÍNH SÁCH VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

### Cơ cấu nhân sự

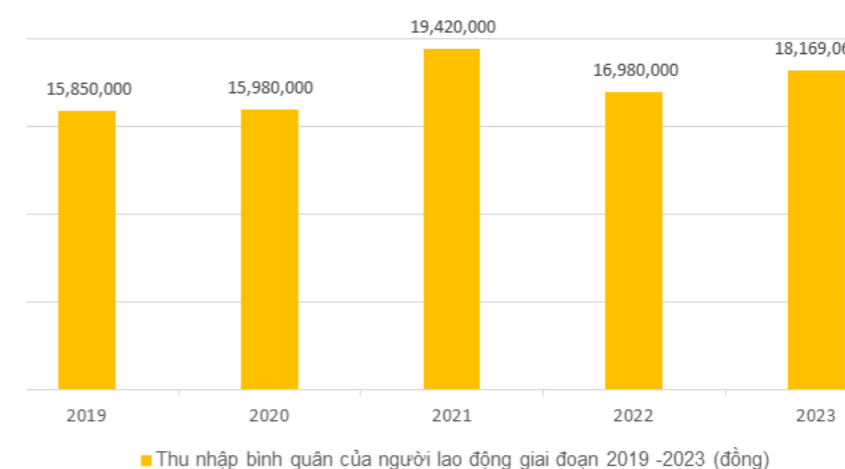
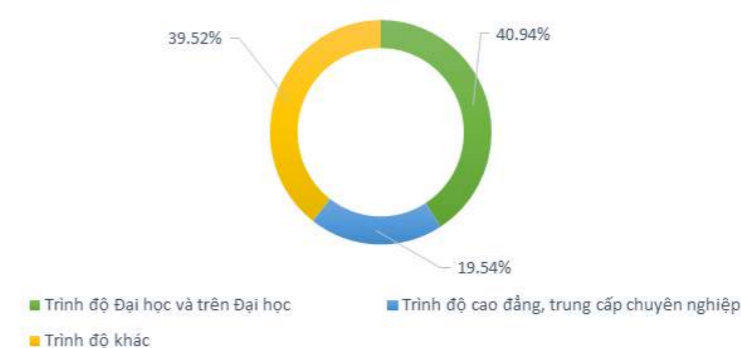
Số lượng nhân viên giai đoạn 2019 - 2023 (người)



Cơ cấu lao động năm 2023 theo độ tuổi



Cơ cấu lao động năm 2023 theo trình độ





### Chế độ làm việc

Thời gian làm việc: Tập đoàn tổ chức làm việc 8 tiếng/ngày, 5 ngày/tuần, nghỉ trưa 1,5 tiếng. Thực hiện nghỉ vào thứ 7 và ngày Chủ nhật. Khi có yêu cầu về tiến độ kinh doanh thì nhân viên Tập đoàn có trách nhiệm làm thêm giờ và Tập đoàn có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước và đãi ngộ thoả đáng cho người lao động. Bộ phận gián tiếp làm theo giờ hành chính, bộ phận trực tiếp được bố trí làm theo ca.

Điều kiện làm việc: Văn phòng làm việc được thiết kế khang trang, thoáng mát. Lực lượng lao động trực tiếp được trang bị đầy đủ các phương tiện và công cụ làm việc, vệ sinh lao động.



Một số hình ảnh làm việc tại PC1

### Chính sách tuyển dụng

Mục tiêu tuyển dụng của Tập đoàn là thu hút người lao động có năng lực vào làm việc cho Tập đoàn, đáp ứng nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh. Những vị trí quản lý được Tập đoàn đưa ra các tiêu chí tuyển dụng cao nhằm đáp ứng được năng lực trình độ và kinh nghiệm theo yêu cầu của công việc.

Năm 2023, Tập đoàn đã tuyển dụng bổ sung 28 nhân sự có trình độ và chuyên môn tốt, đáp ứng với nhu cầu phát triển của các Phòng, Ban, phù hợp với định hướng chiến lược phát triển dài hạn của Tập đoàn.

### Chính sách lương thưởng, chế độ đãi ngộ

Thu nhập người lao động bình quân toàn Tập đoàn năm 2023 đạt 18,17 triệu đồng/người/tháng. Tiền lương đều được chi trả kịp thời Ngoài ra nhằm khuyến khích động viên cán bộ công nhân viên trong Tập đoàn gia tăng hiệu quả đóng góp, tăng năng suất chất lượng hoàn thành công việc, hàng quý, hàng năm Tập đoàn đều tổ chức bình bầu, đánh giá, biểu dương, vinh danh các cá nhân và tập thể có nhiều đóng góp xây dựng cho Tập đoàn cũng như các sáng kiến làm tăng hiệu quả công việc.



PC1 Group vinh danh các tập thể, cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2023



### Chính sách bảo hiểm và phúc lợi

Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp được Tập đoàn trích nộp theo đúng quy định của pháp luật hiện hành. Tập đoàn thực hiện các chế độ bảo đảm xã hội cho người lao động theo Luật lao động, Nội quy lao động. Tập đoàn luôn quan tâm đến đời sống và cải thiện điều kiện cho cán bộ công nhân viên. Tập đoàn luôn chú trọng đến vấn đề an toàn lao động cho lao động trực tiếp sản xuất. Các chế độ bảo hiểm cho người lao động được Tập đoàn thực hiện đầy đủ theo Luật lao động. Vào các ngày lễ, tết,... Tập đoàn luôn tổ chức đi tham quan, nghỉ mát định kỳ cho CBNV trong Tập đoàn. Ngoài ra, Tập đoàn cũng quan tâm, thăm hỏi và tặng quà ngày Quốc tế Thiếu nhi, Trung thu cho con em CBNV Tập đoàn và đồng thời thường xuyên tổ chức sinh nhật cho CBNV.

### Chính sách đảm bảo sức khỏe, an toàn

PC1 luôn duy trì khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho toàn thể CBCNV. Năm 2023, PC1 triển khai tiêm vắc xin phòng cúm mùa (4 trong 1) cho toàn bộ CBNV Tập đoàn PC1, đồng thời mua bổ sung gói bảo hiểm sức khỏe cho người lao động;

Đây là hoạt động thể hiện sự quan tâm của lãnh đạo Tập đoàn đến sức khỏe của mọi thành viên trong gia đình PC1, giúp CBNV yên tâm công tác, phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh.



### Đảm bảo bình đẳng giới

Tập đoàn luôn chú trọng đến vấn đề bình đẳng giới - bảo vệ quyền lợi của CBNV nữ, với các minh chứng cụ thể như sau:

- Trên 18% CBNV PC1 là nữ giới
- Tỷ lệ lao động nữ tăng dần qua các năm, nhiều lãnh đạo là nữ giới giữ những vị trí chủ chốt trong Tập đoàn, cho thấy sự quan tâm, chú trọng của Ban lãnh đạo Tập đoàn trong việc thúc đẩy bình đẳng giới
- Mức lương bình quân của người lao động nữ tương đương với mức lương bình quân của lao động nam
- Các lao động nữ không gặp bất kỳ rào cản nào trong công việc cũng như phát triển sự nghiệp

Định kỳ hàng năm, Tập đoàn có các chương trình dành riêng cho chị em phụ nữ nhân các dịp như Quốc tế phụ nữ 08/03 và Ngày phụ nữ Việt Nam 20/10



PC1 chúc mừng ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10 và Quốc tế Phụ nữ 08/3





### Hoạt động đào tạo và phát triển nhân viên

Tập đoàn chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là về kỹ năng nghiệp vụ chuyên môn đối với nhân viên nghiệp vụ. Việc đào tạo tại Tập đoàn được thực hiện theo hướng sau:

Đối với lao động trực tiếp: mở các lớp bồi dưỡng tại chỗ để nâng cao trình độ và sự hiểu biết của người lao động. Tập đoàn tiến hành đào tạo và đào tạo lại nhằm nâng cao hiệu quả lao động của các lao động hiện có. Người lao động cũng luôn được khuyến khích và tạo điều kiện tham gia các lớp đào tạo nâng cao trình độ về chuyên môn nhằm đáp ứng được yêu cầu mới trong công tác.

Đối với lao động các phòng chuyên môn nghiệp vụ: Tập đoàn luôn tạo điều kiện tham gia các khóa học với ngành nghề chuyên môn phù hợp với yêu cầu công việc, tham gia các lớp học bồi dưỡng nghiệp vụ ngắn hạn về các chế độ, chính sách của Nhà nước.

Các nội dung đào tạo trong năm 2023:

- Đối với cấp Quản lý, lãnh đạo (Cấp trung và cấp cao): Tập đoàn đã tổ chức các chương trình đào tạo Quản lý lãnh đạo “Lãnh đạo chuyển đổi - Transformational Leadership” bao gồm 14 chuyên đề đào tạo diễn ra trong 2 năm 2023 - 2024. Bên cạnh đó, Tập đoàn cũng tổ chức các chương trình hội thảo nâng cao trình độ Quản trị cho đội ngũ quản lý, lãnh đạo Tập đoàn VD: Hội thảo quản trị MKT tích hợp cho cán bộ quản lý, lãnh đạo,...

- Đối với cấp Chuyên viên, nhân viên: Tập đoàn đã triển khai đào tạo các chương trình bồi dưỡng và phát triển năng lực chuyên môn cho CBNV như: kỹ năng quản lý dự án, soạn thảo văn bản, nâng cao trình độ Tiếng Anh,... Số giờ đào tạo trung bình năm 2023 của PC1 như sau:

|                          | Số giờ đào tạo trung bình năm 2023 |
|--------------------------|------------------------------------|
| Theo nhân viên           | 24                                 |
| Theo phân loại nhân viên |                                    |
| Quản lý cấp cao          | 80                                 |
| Quản lý cấp trung        | 48                                 |
| Chuyên viên, nhân viên   | 30                                 |

### Các hoạt động công đoàn đối với người lao động

Công đoàn Tập đoàn gồm 12 công đoàn cơ sở, bộ phận trực thuộc với gần 1.600 đoàn viên công đoàn. Trong những năm qua, Lãnh đạo, Đảng ủy và Công đoàn luôn quan tâm đến đời sống vật chất, tinh thần đối với cán bộ, người lao động, đặc biệt là với những đoàn viên công đoàn có hoàn cảnh khó khăn. Đây là những người lao động gặp phải những không may trong cuộc sống, bản thân bị bệnh nặng, ốm đau thường xuyên, phải chữa trị bệnh trong thời gian dài, chi phí tốn kém trong khi điều kiện gia đình cũng hết sức khó khăn; hoặc có trường hợp bản thân khỏe mạnh là trụ cột chính trong gia đình đông người, có người thân bệnh nặng, hiếm nghèo, chi phí hàng tháng tốn kém...



Lan tỏa các giá trị nhân văn đậm nét PC1 về tinh thần tương thân tương ái, lá lành đùm lá rách, chia sẻ với các CBNV gặp khó khăn.





## TRÁCH NHIỆM VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

PC1 đã chứng tỏ năng lực của một nhà đầu tư chuyên nghiệp và uy tín với những kết quả ấn tượng. Những công trình thủy điện, điện gió, những nhà máy PC1 xây dựng, không chỉ đang làm tốt sứ mệnh khai thác, sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên quốc gia mà còn đóng góp không nhỏ vào ngân sách của Nhà nước và địa phương, từ đó làm thay đổi bộ mặt hạ tầng kỹ thuật, thúc đẩy phát triển kinh tế kinh tế và an sinh xã hội địa phương đặc biệt tại các khu vực có nhà máy.

Trách nhiệm và chung tay phát triển cộng đồng vì một Việt Nam xanh, giàu mạnh, PC1 đã đóng góp giá trị lớn để thực hiện các hoạt động đầy ý nghĩa:

### Trao tặng 100 căn nhà tình nghĩa cho các hộ nghèo

Khẳng định mục tiêu tăng trưởng kinh doanh tốc độ cao gắn liền bảo vệ môi trường và trách nhiệm xã hội, PC1 đã và đang không ngừng đẩy mạnh các hoạt động ASXH trên mọi miền Tổ Quốc, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của cộng đồng, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội đất nước.

Để hưởng ứng lễ kỷ niệm 70 năm ngày truyền thống của Lực lượng An ninh kinh tế, trong khuôn khổ chuyến thăm và làm việc tại tỉnh Cao Bằng, Đoàn công tác của Cục An ninh kinh tế - Bộ Công An và doanh nghiệp đồng hành Tập đoàn PC1 đã ủng hộ Quỹ "Vì người nghèo" tỉnh Cao Bằng 4,4 tỷ đồng để xây dựng 100 căn nhà cho các hộ nghèo.

Phát biểu tại buổi trao tặng, Bí thư Tỉnh ủy Cao Bằng - Ông Trần Hồng Minh trân trọng cảm ơn những tình cảm chân thành, sự đóng góp quý báu, kịp thời của Đoàn công tác đã tiếp thêm sức mạnh, niềm tin cho những người có hoàn cảnh khó khăn từng bước vươn lên thoát nghèo, ổn định cuộc sống; Góp phần thực hiện hiệu quả Đề án xóa nhà tạm, nhà dột nát và các chương trình an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.



Bí thư Tỉnh ủy Trần Hồng Minh phát biểu tại buổi làm việc




Lãnh đạo Cục An ninh kinh tế, Bộ Công an và Công ty cổ phần Tập đoàn PC1 trao kinh phí hỗ trợ làm nhà ở cho hộ nghèo tỉnh Cao Bằng

## BẢO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG THỊ TRƯỜNG VỐN XANH THEO HƯỚNG DẪN CỦA UBCKNN

Tháng 10/2021, PC1 đã phát điện thành công 36 tua bin gió tại Quảng Trị lên lưới điện quốc gia do Tập đoàn làm chủ đầu tư với sự hợp tác của RENOVA Nhật Bản. Dự án được tài trợ bởi Ngân hàng Phát triển Châu Á ADB, Tổ chức Tín dụng xuất khẩu Úc (EFA), Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JICA) trị giá 173 triệu USD. Đây là khoản tài trợ đầu tiên của ADB cho một dự án điện gió ở Việt Nam, và đã được chứng nhận là khoản vay "xanh" bởi Sáng kiến Trái phiếu khí hậu, đơn vị quản lý Chương trình tiêu chuẩn và chứng nhận Trái phiếu khí hậu quốc tế.

Dự án Nhà máy điện gió Liên Lập, Phong Huy và Phong Nguyên do PC1 và Công ty Renova, Inc. cùng đầu tư xây dựng và vận hành với tổng công suất phát điện 422 GWH một năm. Cụm 03 nhà máy sẽ góp phần cắt giảm phát thải 162.430 tấn CO2 mỗi năm. Cùng với 07 nhà máy năng lượng tái tạo đang vận hành, trung bình mỗi năm, PC1 Group sẽ góp phần cắt giảm hơn 700.000 tấn CO2.





**6** BCTC HỢP NHẤT  
NĂM 2023 ĐÃ KIỂM TOÁN



## THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100100745 ngày 19 tháng 12 năm 2023

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là ngày 19 tháng 12 năm 2023. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

|                   |                    |                                |
|-------------------|--------------------|--------------------------------|
| Hội đồng quản trị | Ông Trịnh Văn Tuấn | Chủ tịch                       |
|                   | Ông Vũ Ánh Dương   | Thành viên                     |
|                   | Ông Võ Hồng Quang  | Thành viên                     |
|                   | Ông Nguyễn Minh Đệ | Thành viên                     |
|                   | Ông Mai Lương Việt | Thành viên (đến ngày 1/2/2024) |

|                   |                     |                   |
|-------------------|---------------------|-------------------|
| Ban Tổng Giám đốc | Ông Vũ Ánh Dương    | Tổng Giám đốc     |
|                   | Ông Đặng Quốc Tường | Phó Tổng Giám đốc |
|                   | Ông Võ Hồng Quang   | Phó Tổng Giám đốc |
|                   | Ông Nguyễn Nhật Tân | Phó Tổng Giám đốc |
|                   | Ông Nguyễn Minh Đệ  | Phó Tổng Giám đốc |

|               |                      |            |
|---------------|----------------------|------------|
| Ban Kiểm soát | Bà Nguyễn Thị Hải Hà | Trưởng Ban |
|               | Ông Hoàng Văn Cường  | Thành viên |
|               | Ông Hoàng Văn Sáng   | Thành viên |

Trụ sở đăng ký Số 18 Lý Văn Phúc, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG Việt Nam

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

(a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 70 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và

(b) Tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty và các công ty con sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Vũ Ánh Dương  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2024



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông  
Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 29 tháng 3 năm 2024, được trình bày từ trang 5 đến trang 70.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc của Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam  
Báo cáo kiểm toán số: 23-02-00132-24-2



Wang Toon Kim  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0557-2023-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2024

Đàm Xuân Lâm  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0861-2023-007-1

|  | Mã số | Thuyết minh | 1/1/2023 (VND)    | 31/12/2023 (VND)  |
|--|-------|-------------|-------------------|-------------------|
| <b>TÀI SẢN</b>                                       |       |             |                   |                   |
| Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150) | 100   |             | 7.913.404.977.944 | 6.868.401.655.191 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền                   | 110   | 5           | 2.581.357.801.353 | 2.082.217.682.721 |
| Tiền   | 111   |             | 477.612.182.175   | 472.109.384.006   |
| Các khoản tương đương tiền                           | 112   |             | 2.103.745.619.178 | 1.610.108.298.715 |
| Đầu tư tài chính ngắn hạn                            | 120   |             | 1.006.095.364.843 | 780.833.305.437   |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn                      | 123   | 6(a)        | 1.006.095.364.843 | 780.833.305.437   |
| Các khoản phải thu ngắn hạn                          | 130   |             | 3.174.355.680.627 | 2.821.230.919.203 |
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng                     | 131   | 7           | 2.255.159.840.624 | 1.928.169.781.905 |
| Trả trước cho người bán ngắn hạn                     | 132   | 8           | 226.419.010.740   | 217.194.103.053   |
| Phải thu về cho vay ngắn hạn                         | 135   | 9           | 255.092.249.280   | 288.724.410.051   |
| Phải thu ngắn hạn khác                               | 136   | 10(a)       | 444.700.152.290   | 399.538.361.777   |
| Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi                   | 137   | 11          | (7.015.572.307)   | (12.395.737.583)  |
| Hàng tồn kho   | 140   | 12          | 890.118.267.963   | 943.727.441.090   |
| Hàng tồn kho   | 141   |             | 898.534.771.574   | 944.433.461.208   |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho                       | 149   |             | (8.416.503.611)   | (706.020.118)     |
| Tài sản ngắn hạn khác                                | 150   |             | 261.477.863.158   | 240.392.306.740   |
| Chi phí trả trước ngắn hạn                           | 151   | 17(a)       | 11.278.376.046    | 12.689.346.830    |
| Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ                  | 152   |             | 247.526.165.016   | 226.395.550.873   |
| Thuế và các khoản phải thu Nhà nước                  | 153   | 22          | 2.673.322.096     | 1.307.409.037     |

|   | Mã số      | Thuyết minh | 1/1/2023 (VND)            | 31/12/2023 (VND)          |
|---|------------|-------------|---------------------------|---------------------------|
| Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260) | 200        |             | 13.841.008.540.434        | 13.366.395.914.223        |
| Các khoản phải thu dài hạn                                | 210        |             | 8.282.829.500             | 14.779.136.760            |
| Phải thu dài hạn khác                                     | 216        | 10(b)       | 8.282.829.500             | 14.779.136.760            |
| Tài sản cố định   | 220        |             | 9.903.573.955.286         | 10.759.977.574.659        |
| Tài sản cố định hữu hình                                  | 221        | 13          | 8.596.232.617.877         | 9.519.201.639.687         |
| Nguyên giá  | 222        |             | 10.863.077.105.285        | 12.419.829.155.708        |
| Giá trị hao mòn lũy kế                                    | 223        |             | (2.266.844.487.408)       | (2.900.627.516.021)       |
| Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính                   | 224        |             | 5.425.503.234             | 4.905.112.226             |
| Nguyên giá  | 225        |             | 5.596.800.000             | 5.791.150.000             |
| Giá trị hao mòn lũy kế                                    | 226        |             | (171.296.766)             | (886.037.774)             |
| Tài sản cố định vô hình                                   | 227        | 14          | 1.301.915.834.175         | 1.235.870.822.746         |
| Nguyên giá  | 228        |             | 1.385.960.448.543         | 1.382.368.621.252         |
| Giá trị hao mòn lũy kế                                    | 229        |             | (84.044.614.368)          | (146.497.798.506)         |
| Bất động sản đầu tư                                       | 230        | 15          | 271.049.265.804           | 145.675.172.322           |
| Nguyên giá  | 231        |             | 681.352.966.331           | 558.088.029.012           |
| Giá trị hao mòn lũy kế                                    | 232        |             | (410.303.700.527)         | (412.412.856.690)         |
| Tài sản dở dang dài hạn                                   | 240        |             | 1.375.792.992.689         | 107.818.401.504           |
| Xây dựng cơ bản dở dang                                   | 242        | 16          | 1.375.792.992.689         | 107.818.401.504           |
| Đầu tư tài chính dài hạn                                  | 250        |             | 1.538.001.129.454         | 1.606.569.505.763         |
| Đầu tư vào công ty liên kết                               | 252        | 6(b)        | 1.536.564.981.744         | 1.605.353.748.672         |
| Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác                            | 253        | 6(c)        | 4.821.770.000             | 4.821.770.000             |
| Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn                         | 254        |             | (3.385.622.290)           | (3.606.012.909)           |
| Tài sản dài hạn khác                                      | 260        |             | 744.308.367.701           | 731.576.123.215           |
| Chi phí trả trước dài hạn                                 | 261        | 17(b)       | 448.753.359.961           | 478.808.935.599           |
| Tài sản thuế thu nhập hoãn lại                            | 262        | 18          | 40.710.658.667            | 34.226.534.092            |
| Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn               | 263        |             | 3.407.937.257             | 2.198.615.537             |
| Lợi thế thương mại  | 269        | 19          | 251.436.411.816           | 216.342.037.987           |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>                | <b>270</b> |             | <b>21.754.413.518.378</b> | <b>20.234.797.569.414</b> |



|  | Mã số      | Thuyết minh | 1/1/2023<br>(VND)         | 31/12/2023<br>(VND)       |
|--|------------|-------------|---------------------------|---------------------------|
| <b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>                   | <b>300</b> |             | <b>14.581.667.435.007</b> | <b>12.964.400.258.570</b> |
| Nợ ngắn hạn  | 310        |             | 5.950.347.915.950         | 4.714.620.923.896         |
| Phải trả người bán ngắn hạn                            | 311        | 20          | 1.284.961.762.512         | 1.048.601.949.747         |
| Người mua trả tiền trước ngắn hạn                      | 312        | 21          | 321.766.352.285           | 136.780.178.266           |
| Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước               | 313        | 22          | 102.462.696.442           | 113.446.376.786           |
| Phải trả người lao động                                | 314        |             | 52.140.889.355            | 56.308.500.869            |
| Chi phí phải trả ngắn hạn                              | 315        | 23          | 329.996.545.492           | 216.868.137.878           |
| Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn                      | 318        |             | 1.964.730.577             | 4.697.211.060             |
| Phải trả ngắn hạn khác                                 | 319        | 24(a)       | 19.451.864.183            | 102.223.715.675           |
| Vay ngắn hạn   | 320        | 25(a)       | 3.677.264.468.074         | 2.838.478.333.363         |
| Dự phòng phải trả ngắn hạn                             | 321        | 26          | 12.989.719.775            | 12.523.794.502            |
| Quý khen thưởng, phúc lợi                              | 322        | 27          | 147.348.887.255           | 184.692.725.750           |
| Nợ dài hạn   | 330        |             | 8.631.319.519.057         | 8.249.779.334.674         |
| Doanh thu chưa thực hiện dài hạn                       | 336        |             | 339.350.104               | 926.919.632               |
| Phải trả dài hạn khác                                  | 337        | 24(b)       | 11.297.283.088            | 10.845.031.988            |
| Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính dài hạn | 338        | 25(b)       | 8.284.189.794.923         | 7.902.006.174.976         |
| Thuế thu nhập hoãn lại phải trả                        | 341        | 18          | 315.982.038.113           | 304.986.716.432           |
| Dự phòng phải trả dài hạn                              | 342        | 26          | 19.511.052.829            | 31.014.491.646            |

|   | Mã số      | Thuyết minh | 1/1/2023<br>(VND)         | 31/12/2023<br>(VND)       |
|---|------------|-------------|---------------------------|---------------------------|
| <b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>             | <b>400</b> |             | <b>7.172.746.083.371</b>  | <b>7.270.397.310.844</b>  |
| Vốn chủ sở hữu                                | 410        | 28          | 7.172.746.083.371         | 7.270.397.310.844         |
| Vốn cổ phần                                   | 411        | 29          | 2.704.330.020.000         | 3.109.955.580.000         |
| Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết        | 411a       |             | 2.704.330.020.000         | 3.109.955.580.000         |
| Thặng dư vốn cổ phần                          | 412        |             | 711.136.556.786           | 711.136.556.786           |
| Vốn khác của chủ sở hữu                       | 414        |             | 29.026.800.000            | 46.847.073.442            |
| Chênh lệch đánh giá lại tài sản               | 416        |             | 708.285.511               | 708.285.511               |
| Chênh lệch tỷ giá hối đoái                    | 417        |             | (116.709.425)             | 105.169.358               |
| Quý đầu tư phát triển                         | 418        |             | 261.072.092.951           | 292.725.159.814           |
| Quý khác thuộc vốn chủ sở hữu                 | 420        |             | 65.418.160.381            | 65.403.533.120            |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối             | 421        |             | 1.344.532.665.968         | 956.798.821.659           |
| LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước | 421a       |             | 888.392.277.813           | 819.716.498.088           |
| LNST năm nay                                  | 421b       |             | 456.140.388.155           | 137.082.323.571           |
| Lợi ích cổ đông không kiểm soát               | 429        |             | 2.056.638.211.199         | 2.086.717.131.154         |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)"</b> | <b>440</b> |             | <b>21.754.413.518.378</b> | <b>20.234.797.569.414</b> |

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

Người lập:

Phạm Thị Thanh Bình  
Người lập biểu

Người duyệt:

Trần Thị Minh Việt  
Kế toán trưởng

Trần Thị Minh Việt  
Tổng Giám đốc

|   | Mã số | Thuyết minh | 1/1/2023<br>(VND) | 31/12/2023<br>(VND) |
|---|-------|-------------|-------------------|---------------------|
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ  | 1     | 31          | 8.357.602.470.324 | 7.775.239.783.868   |
| Giá vốn hàng bán  | 11    | 32          | 6.763.095.524.845 | 6.194.135.244.151   |
| Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)  | 20    |             | 1.594.506.945.479 | 1.581.104.539.717   |
| Doanh thu hoạt động tài chính   | 21    | 33          | 95.203.791.873    | 182.694.013.188     |
| Chi phí tài chính   | 22    | 34          | 766.697.259.907   | 967.330.851.856     |
| Trong đó: Chi phí lãi vay   | 23    |             | 605.030.533.904   | 843.641.541.921     |
| Phần lãi trong công ty liên kết   | 24    |             | 697.381.631       | 1.577.383.209       |
| Chi phí bán hàng  | 25    | 35          | (8.391.008.009)   | 55.980.734.072      |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp  | 26    | 36          | 285.281.303.728   | 335.208.954.077     |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh<br>(30 = 20 + 21 - 22 + 24 - 25 - 26) | 30    |             | 646.820.563.357   | 406.855.396.109     |
| Thu nhập khác   | 31    | 38          | 19.729.647.491    | 10.795.650.746      |
| Chi phí khác  | 32    | 39          | 61.105.267.253    | 28.732.891.615      |
| Kết quả từ hoạt động khác<br>(40 = 31 - 32)                                   | 40    |             | (41.375.619.762)  | (17.937.240.869)    |
| Lợi nhuận kế toán trước thuế<br>(50 = 30 + 40)                                | 50    |             | 605.444.943.595   | 388.918.155.240     |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành   | 51    | 40          | 133.948.375.022   | 90.396.362.846      |
| (Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hoãn lại  | 52    | 40          | (65.435.335.150)  | (4.511.197.107)     |
| Lợi nhuận sau thuế TNDN<br>(60 = 50 - 51 - 52)                                |       |             | 536.931.903.723   | 303.032.989.501     |
| Phân bổ cho:  |       |             |                   |                     |
| Cổ đông phổ thông của Công ty   | 61    |             | 459.825.388.155   | 139.972.323.571     |
| Cổ đông không kiểm soát   | 62    |             | 77.106.515.568    | 163.060.665.930     |
| Lãi trên cổ phiếu   |       |             | Điều chỉnh lại    |                     |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu  | 70    | 41          | 1.251             | 405                 |

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

Người lập:

Phạm Thị Thanh Bình  
Người lập biểu

Người duyệt:

Trần Thị Minh Việt  
Kế toán trưởng

Mã Anh Dương  
Tổng Giám đốc

|   | Mã số | 1/1/2023<br>(VND)   | 31/12/2023<br>(VND) |
|---|-------|---------------------|---------------------|
| <b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>                                  |       |                     |                     |
| Lợi nhuận trước thuế  | 1     | 605.444.943.595     | 388.918.155.240     |
| Điều chỉnh cho các khoản  |       |                     |                     |
| Khấu hao và phân bổ   | 2     | 626.513.539.370     | 763.378.294.562     |
| Các khoản dự phòng  | 3     | (17.762.786.386)    | 8.927.585.946       |
| Lỗi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại các khoản mục<br>có gốc ngoại tệ             | 4     | 131.056.690.530     | 87.854.980.078      |
| Lãi từ hoạt động đầu tư   | 5     | (92.543.222.753)    | (188.221.520.054)   |
| Chi phí lãi vay   | 6     | 608.141.738.226     | 848.375.555.662     |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh<br>trước những thay đổi vốn lưu động          | 8     | 1.860.850.902.582   | 1.909.233.051.434   |
| Biến động các khoản phải thu  | 9     | 34.259.440.774      | 413.735.295.286     |
| Biến động hàng tồn kho  | 10    | 22.306.830.066      | (23.954.281.021)    |
| Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác                                | 11    | 116.259.586.529     | (281.225.384.255)   |
| Biến động chi phí trả trước   | 12    | (50.121.035.517)    | 12.055.953.375      |
|   |       | 1.983.555.724.434   | 2.029.844.634.819   |
| Tiền lãi vay đã trả   | 14    | (574.362.003.548)   | (860.760.606.701)   |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp   | 15    | (82.088.818.415)    | (102.724.509.099)   |
| Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh  | 17    | (37.977.480.6680)   | (34.052.117.239)    |
| Lưu chuyển tiền thuần<br>từ hoạt động kinh doanh                                | 20    | 1.289.127.421.803   | 1.032.307.401.780   |
| <b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>                                      |       |                     |                     |
| Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài<br>sản dài hạn khác           | 21    | (1.728.786.877.736) | (474.556.898.735)   |
| Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định<br>và các tài sản dài hạn khác | 22    | 3.215.091.330       | 168.210.675.156     |
| Tiền chi cho vay và gửi tiền gửi có kỳ hạn trên ba<br>tháng                     | 23    | (947.275.404.425)   | (1.047.101.801.345) |
| Tiền thu hồi cho vay, nhận lại tiền gửi có kỳ hạn<br>trên ba tháng              | 24    | 349.354.673.634     | 1.239.957.199.980   |



|  | Mã số | 1/1/2023<br>(VND)   | 31/12/2023<br>(VND) |
|--|-------|---------------------|---------------------|
| Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác  | 25    | (1.543.035.543.694) | (68.400.000.000)    |
| Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác  |       | -                   | 28.472.376.468      |
| Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và nhận phân phối lợi nhuận                                  | 27    | 58.072.541.362      | 98.803.414.042      |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư  | 30    | (3.808.455.519.529) | (54.615.034.434)    |
| <b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>  |       |                     |                     |
| Tiền thu từ phát hành cổ phiếu   | 31    | 97.424.400.000      | 3.213.643.532       |
| Tiền trả lại vốn góp cho cổ đông không kiểm soát   | 32    | -                   | 5.792.450.483.265   |
| Tiền thu từ đi vay và phát hành trái phiếu dài hạn   | 33    | 8.718.887.919.551   | (7.161.637.703.122) |
| Tiền chi trả nợ gốc vay  | 34    | (5.964.736.157.497) | (1.577.956.458)     |
| Tiền trả cổ tức  | 36    | (40.013.773.467)    | (124.230.827.303)   |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính   | 40    | 2.811.562.388.587   | (1.491.782.360.086) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm<br>(50 = 20 + 30 + 40)                                     | 50    | 292.234.290.861     | (514.089.992.740)   |
| Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm   | 60    | 2.291.977.758.704   | 2.581.357.801.353   |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ                                    | 61    | (2.737.538.787)     | 14.727.995.325      |
| Chênh lệch tỷ giá hối đoái do quy đổi đơn vị tiền tệ báo cáo                               | 61a   | (116.709.425)       | 221.878.783         |
| Tiền và các khoản tương đương tiềncuối năm<br>(70 = 50 + 60 + 61 + 61a)<br>(Thuyết minh 5) | 70    | 2.581.357.801.353   | 2.082.217.682.721   |

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

Người lập:

Phạm Thị Thanh Bình  
Người lập biểu

Người duyệt:

Trần Thị Minh Việt  
Kế toán trưởng

M.S.D.N: 0100100745 - C.T.C.T.  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN  
PC1  
Đ. ĐÔNG ĐÀ - T. HÀ NỘI  
Vũ Anh Dương  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

## 1. Đơn vị báo cáo

### (a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 (“Công ty”) tiền thân là Công ty Xây lắp Đường dây và Trạm, được thành lập từ ngày 2 tháng 3 năm 1963. Công ty chính thức được cổ phần hóa trở thành công ty cổ phần hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0100100745 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20 tháng 7 năm 2005 và thay đổi lần thứ 24 ngày 19 tháng 12 năm 2023.

### (b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty và các công ty con là:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê bao gồm: đầu tư tạo lập nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; mua nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; thuê nhà, công trình xây dựng để cho thuê lại; đầu tư, cải tạo đất và đầu tư các công trình hạ tầng trên đất thuê để cho thuê đất đã có hạ tầng; nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, đầu tư công trình hạ tầng để chuyển nhượng, cho thuê; thuê quyền sử dụng đất đã có hạ tầng để cho thuê lại (trừ đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng);
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất: dịch vụ tư vấn bất động sản, dịch vụ môi giới bất động sản, dịch vụ định giá bất động sản, dịch vụ sàn giao dịch bất động sản, dịch vụ quảng cáo bất động sản, dịch vụ quản lý bất động sản; tổ chức dịch vụ quản lý, vận hành và khai thác khu đô thị, nhà chung cư cao tầng;
- Sản xuất, chế tạo cột thép, mạ kẽm nhúng nóng và các cấu kiện kim loại phục vụ dân dụng và công nghiệp;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: xây lắp các công trình đường dây tải điện và trạm biến áp, các công trình nguồn điện, các công trình công nghiệp, dân dụng, kỹ thuật hạ tầng, giao thông, thủy lợi, bưu chính viễn thông;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện: sản xuất điện;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Đo đạc bản đồ địa chính, giải thửa, trích đo thửa đất để phục vụ đền bù thi công công trình;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại; và
- Sản xuất các cấu kiện kim loại; rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại.

### (c) Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường đối với hoạt động đầu tư và kinh doanh bất động sản, xây lắp các công trình của Công ty và các công ty con căn cứ theo thời gian đầu tư, thi công của từng công trình, dự án. Chu kỳ kinh doanh thông thường đối với các hoạt động khác của Công ty và các công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

### (d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 26 công ty con cấp 1 và 4 công ty con cấp 2 (1/1/2023: 23 công ty con cấp 1 và 5 công ty con cấp 2) như sau:

| STT                      | Tên Công ty   | Hoạt động chính  | Địa chỉ               | Tỷ lệ % quyền biểu quyết và tỷ lệ % sở hữu |            |
|--------------------------|---|--|-----------------------|--|------------|
|                          |   |  |                       | 31/12/2023                                 | 01/01/2023 |
| <b>Công ty con cấp 1</b> |   |  |                       |  |            |
| 1                        | Công ty Cổ phần PC1 Hà Nội (trước đây là "Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Đại Mỗ")        | Xây lắp điện   | Hà Nội                | 66%  | 100%       |
| 2                        | Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Miền Nam  | Xây lắp điện   | Thành phố Hồ Chí Minh | 100%                                       | 100%       |
| 3                        | Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Miền Bắc  | Xây lắp điện   | Hà Nội                | 100%                                       | 100%       |
| 4                        | Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Mỹ Đình   | Xây lắp điện   | Hà Nội                | 100%                                       | 100%       |
| 5                        | Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Hà Đông   | Xây lắp điện   | Hà Nội                | 100%                                       | 100%       |
| 6                        | Công ty TNHH MTV PC1 Nàng Hương   | Cung cấp dịch vụ   | Hà Nội                | 100%                                       | 100%       |
| 7                        | Công ty Cổ phần PC1 Thăng Long (trước đây là "Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Hoàng Mai") | Xây lắp điện   | Hà Nội                | 66%  | 100%       |
| 8                        | Công ty TNHH Chế tạo Cột thép Đông Anh  | Sản xuất các loại cột thép mạ kẽm, kết cấu thép, phụ tùng phụ kiện có liên quan, dịch vụ vẽ mạ; mua bán thép, kẽm, vật tư phục vụ sản xuất, chế tạo kết cấu thép; mua bán vật tư, thiết bị kỹ thuật điện | Hà Nội                | 90,00%                                     | 90,00%     |
| 9                        | Công ty Cổ phần Thủy điện Trung Thu   | Sản xuất và kinh doanh điện năng   | Điện Biên             | 60,00%                                     | 60,00%     |
| 10                       | Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Mỹ Đình   | Đầu tư, kinh doanh bất động sản  | Hà Nội                | 99,39%                                     | 99,39%     |
| 11                       | Công ty Cổ phần Lắp máy Công nghiệp Việt Nam  | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp  | Hà Nội                | 51,00%                                     | 51,00%     |
| 12                       | Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Hòa Bình  | Đầu tư kinh doanh bất động sản   | Hà Nội                | 99,83%                                     | 99,83%     |
| 13                       | Công ty Cổ phần Năng lượng Bảo Lâm  | Quản lý sau đầu tư thủy điện và điện gió   | Cao Bằng              | 99,90%                                     | 99,90%     |
| 14                       | Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Miền Bắc  | Sản xuất và kinh doanh điện năng   | Cao Bằng              | 51,00%                                     | 51,00%     |
| 15                       | Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Tiến Bộ   | Đầu tư kinh doanh bất động sản   | Hà Nội                | 99,95%                                     | 99,95%     |

| STT   | Tên Công ty   | Hoạt động chính   | Địa chỉ     | Tỷ lệ % quyền biểu quyết và tỷ lệ % sở hữu |            |
|---|---|---|-------------|--|------------|
|   |   |   |             | 31/12/2022                                 | 01/01/2022 |
| 16  | Công ty Cổ phần Điện gió Liên Lập   | Sản xuất điện từ năng lượng gió   | Quảng Trị   | 55,54%                                     | 55,54%     |
| 17  | Công ty Cổ phần Điện gió Phong Huy  | Sản xuất điện từ năng lượng gió   | Quảng Trị   | 54,70%                                     | 54,70%     |
| 18  | Công ty Cổ phần Điện gió Phong Nguyên                                       | Sản xuất điện từ năng lượng gió   | Quảng Trị   | 54,73%                                     | 54,73%     |
| 19  | Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Công nghệ                                 | Cung cấp vật tư thiết bị và cấu hình hệ thống điện                                  | Hà Nội      | 51,00%                                     | 51,00%     |
| 20  | Công ty Cổ phần Khoáng sản Tấn Phát   | Khai thác khoáng sản  | Cao Bằng    | 57,27%                                     | 57,27%     |
| 21  | Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Sông Gâm                                   | Sản xuất điện   | Cao Bằng    | 60,00%                                     | 99,00%     |
| 22  | Công ty Cổ phần Thiết bị Thương mại   | Cho thuê nhà xưởng  | Hà Nội      | 99,75%                                     | 99,75%     |
| 23  | Asia Dragon Trading Pte. Ltd. (trước đây là "PC1 Global Trading Pte. Ltd.") | Bán buôn kim loại và quặng kim loại   | Singapore   | 100%                                       | 100%       |
| 24  | Công ty Cổ phần KCN Quốc tế Hải Phòng (*)                                   | Kinh doanh cơ sở hạ tầng của khu công nghiệp  | Hải Phòng   | 99,00%                                     | -          |
| 25  | Công ty Phát triển Khu Công nghiệp Nhật Bản - Hải Phòng (**)                | Đầu tư, xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng, tiện ích, dịch vụ của khu công nghiệp | Hải Phòng   | 70,00%                                     | 70,00%     |
| 26  | PC1 Australia Pty Ltd (***)   | Kinh doanh sản phẩm thép  | Australia   | 100,00%                                    | -          |
| <b>Công ty con cấp 2</b>  |   |   |             |  |            |
| <b>Công ty con của Công ty TNHH Chế tạo Cột thép Đông Anh</b>     |   |   |             |  |            |
| 1   | Công ty Cổ phần Cột thép Mạ kẽm Thái Nguyên                                 | Sản xuất các loại cột thép mạ kẽm   | Thái Nguyên | 81,00%                                     | 81,00%     |
| <b>Công ty con của Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Mỹ Đình</b>  |   |   |             |  |            |
| 2   | Công ty Cổ phần Thí nghiệm Điện ETIK  | Kiểm định, thử nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị dụng cụ điện áp đến 110 kV               | Hà Nội      | 51,00%                                     | 51,00%     |
| 3   | Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Ninh Bình                                 | Xây lắp điện  | Ninh Bình   | 100%                                       | 100%       |
| <b>Công ty con của Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Miền Nam</b> |   |   |             |  |            |
| 4   | Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Từ Liêm                                   | Xây lắp điện  | Hà Nội      | 100%                                       | 100%       |



(\*) Trong năm, Công ty đã hoàn thành việc góp vốn 9.800.000.000 VND vào công ty con, Công ty Cổ phần KCN Quốc tế Hải Phòng với tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết đối với công ty này là 99%.

(\*\*) Ngày 23 tháng 10 năm 2023, Công ty Phát triển Khu Công nghiệp Nhật Bản – Hải Phòng trở thành công ty con cấp 1 của Công ty thông qua việc nhận chuyển nhượng toàn bộ 70% vốn góp của Asia Dragon Trading Pte. Ltd tại Công ty Phát triển Khu Công nghiệp Nhật Bản – Hải Phòng.

(\*\*\*) Ngày 23 tháng 11 năm 2023, Công ty đã hoàn thành việc góp 211.500 Đô la Mỹ (tương đương 5.118.723.000 VND) vốn vào công ty con, PC1 Australia Pty Ltd với tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết đối với công ty này là 100%.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 4 công ty liên kết (1/1/2023: 3 công ty liên kết) được liệt kê trong Thuyết minh 6(b).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty và các công ty con có 1.595 nhân viên (1/1/2023: 1.527 nhân viên).

## 2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

### (a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### (b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

### (c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty và các công ty con là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

### (d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

## 3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty và các công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

### (a) Cơ sở hợp nhất

#### (i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

### (ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

### (iii) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Công ty được hưởng trong thu nhập và chi phí của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các công ty này. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Công ty phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Công ty trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

### (iv) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các giao dịch và số dư trong nội bộ Công ty và các công ty con và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Công ty tại công ty liên kết.

### (v) Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Công ty. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

Theo phương pháp mua, tài sản và nợ phải trả của công ty được mua được hợp nhất theo giá trị hợp lý khi hợp nhất. Giá phí hợp nhất kinh doanh (giá phí mua) gồm tổng giá trị hợp lý, tại ngày trao đổi, của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận, các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày mua.

Bất kỳ khoản lợi thế thương mại nào phát sinh thể hiện khoản chênh lệch giữa giá phí mua và lợi ích của Công ty trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua được ghi nhận vào bảng cân đối kế toán hợp nhất, sau đó được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của năm hiện tại sau khi đã tiến hành soát xét lại nhằm đảm bảo việc xác định giá trị của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được, nợ tiềm tàng và việc xác định giá phí hợp nhất kinh doanh đã phản ánh phù hợp việc cân nhắc tất cả thông tin có tại ngày mua.

Nếu việc kế toán ban đầu đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh chưa hoàn thành trước thời điểm cuối kỳ kế toán mà giao dịch hợp nhất kinh doanh diễn ra do giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được hoặc nợ tiềm tàng của bên bị mua hoặc giá phí hợp nhất kinh doanh chỉ được xác định tạm thời, Công ty sẽ kế toán giao dịch hợp nhất kinh doanh theo các giá trị tạm thời đó. Trong vòng 12 tháng kể từ ngày mua (giai đoạn sử dụng giá trị tạm thời), Công ty sẽ điều chỉnh hồi tố các giá trị tạm thời đã ghi nhận tại ngày mua, nếu có phát sinh chênh lệch.

Các chi phí giao dịch, ngoại trừ các chi phí liên quan đến việc phát hành công cụ nợ hoặc chứng khoán vốn của Công ty liên quan đến việc hợp nhất kinh doanh, bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh, như chi phí trả cho tư vấn tài chính, tư vấn pháp lý, thẩm định viên về giá và các nhà tư vấn liên quan đến hợp nhất kinh doanh. Các chi phí giao dịch này được tính vào giá phí hợp nhất kinh doanh. Các chi phí quản lý chung và các chi phí khác không liên quan trực tiếp đến giao dịch hợp nhất kinh doanh cụ thể đang được ghi nhận thì không được tính vào chi phí mua, mà được ghi nhận là chi phí phát sinh trong năm.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND tương ứng theo tỷ giá mua chuyển khoản đối với tài sản và tỷ giá bán chuyển khoản đối với nợ phải trả của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(ii) Hoạt động ở nước ngoài

Các tài sản và nợ phải trả của các hoạt động ở nước ngoài, bao gồm lợi thế thương mại và các điều chỉnh giá trị hợp lý phát sinh trong quá trình mua, được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Thu nhập và chi phí của các hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ với tỷ giá tại ngày giao dịch.

Các chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc quy đổi các hoạt động ở nước ngoài được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc nguồn vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Công ty hoặc công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của nguyên vật liệu, công cụ và dụng cụ, thành phẩm và hàng hóa được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tính theo phương pháp giá đích danh. Đối với thành phẩm, hàng hóa và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

|                                 |            |
|---------------------------------|------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc        | 3 – 30 năm |
| - Máy móc và thiết bị           | 3 – 20 năm |
| - Phương tiện vận chuyển        | 5 – 12 năm |
| - Dụng cụ văn phòng             | 3 – 10 năm |
| - Tài sản cố định hữu hình khác | 3 – 7 năm  |



(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền khai thác khoáng sản

Quyền khai thác khoáng sản phản ánh giá trị trừ lượng khoáng sản tại mỏ đồng và niken của Công ty Cổ phần Khoáng sản Tấn Phát, một công ty con của Công ty. Quyền khai thác khoáng sản được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian khai thác dự kiến là 21,5 năm.

(ii) Quyền khai thác, vận hành Khu Công nghiệp NHIZ

Quyền khai thác, vận hành Khu Công nghiệp Nhật Bản - Hải Phòng (NHIZ) được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian khai thác dự kiến là 22 năm.

(iii) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất có thời hạn được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 44 đến 49 năm. Công ty không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất vô thời hạn.

(iv) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 đến 5 năm.

(i) Bất động sản đầu tư cho thuê

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Tổng Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

|   |                   |            |
|---|-------------------|------------|
| - | quyền sử dụng đất | 48 năm     |
| - | chung cư cho thuê | 5 – 30 năm |
| - | nhà xưởng         | 30 năm     |

(j) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí mua sắm tài sản cố định hữu hình chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(k) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty và các công ty con nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 3 năm.

(ii) Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định pháp luật hiện hành, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê trong khoảng thời gian từ 44 đến 49 năm.

(iii) Chi phí giải phóng mặt bằng của các nhà máy thủy điện

Chi phí giải phóng mặt bằng của các nhà máy thủy điện thể hiện tiền bồi thường giải phóng mặt bằng của các công trình thủy điện Bảo Lâm 1, 3, 3A, Bảo Lạc B, Sông Nhiệm 4, Trung Thu, Mông Ân. Chi phí giải phóng mặt bằng được ghi nhận theo nguyên giá và được trừ vào tiền thuê đất Công ty phải nộp hàng năm theo các thông báo của Cục thuế Tỉnh Cao Bằng, Cục thuế Tỉnh Hà Giang và Cục thuế Tỉnh Điện Biên trong khoảng thời gian từ 11 đến 67 năm.

(iv) Chi phí giải phóng mặt bằng của các nhà máy điện gió

Chi phí giải phóng mặt bằng của các nhà máy điện gió thể hiện tiền bồi thường giải phóng mặt bằng của các công trình điện gió được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của các dự án nhà máy điện gió Liên Lập, Phong Nguyên, Phong Huy trong vòng 49 năm.

(v) Quyền sử dụng khu đất 120 Định Công

Quyền sử dụng khu đất 120 Định Công gồm các chi phí mua lại quyền sử dụng khu đất 120 Định Công. Chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn quyền sử dụng khu đất là 50 năm.

(vi) Chi phí thuê hạ tầng

Chi phí thuê hạ tầng đầu nối dự án được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 48 năm.

(vii) Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác gồm các chi phí cải tạo, sửa chữa tài sản, chi phí tư vấn và các chi phí khác được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 5 năm.

(l) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con, công ty liên kết và liên doanh. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa giá phí mua và lợi ích của Công ty trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua.

Lợi thế thương mại phát sinh khi mua các công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh khi mua các công ty con được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Ban Giám đốc xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

Đối với các khoản đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được bao gồm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư và không được khấu hao.

(m) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(n) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty và các công ty con có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(i) Chi phí bảo hành

Khoản dự phòng về chi phí bảo hành liên quan chủ yếu tới hàng hóa đã bán ra và công trình xây dựng đã hoàn thành trong kỳ kế toán năm. Khoản dự phòng được lập dựa trên ước tính xuất phát từ các dữ liệu thống kê lịch sử về chi phí bảo hành đã phát sinh liên quan tới các sản phẩm và dịch vụ tương tự trong ba năm gần nhất

(ii) Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty hoặc công ty con và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty hoặc công ty con chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(o) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần thu từ phát hành cổ phiếu vượt trên mệnh giá được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(p) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(q) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tiến độ hoàn thành của công việc. Tiến độ hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tiến độ hoàn thành khi kết quả của hợp đồng xây dựng có thể ước tính được một cách đáng tin cậy. Tiến độ hoàn thành được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã thực hiện. Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành trong năm được phản ánh trên hóa đơn đã lập. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan đến khả năng thu hồi các khoản phải thu.



(iv) Doanh thu cho thuê hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản là thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(v) Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng dựa theo biên bản đo số điện và giá điện được quy định cụ thể trong Hợp đồng mua bán điện ký với Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(vi) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(vii) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(r) Thuê tài sản

(i) Tài sản thuê

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Công ty, với tư cách là bên thuê, đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian ngắn hơn giữa thời hạn thuê và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính trừ khi chắc chắn là Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 3(g).

(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

Các khoản thanh toán tiền thuê tài sản thuê tài chính được chia tách thành chi phí tài chính và khoản trả nợ gốc. Chi phí tài chính phải được tính theo từng kỳ kế toán trong suốt thời hạn thuê để đạt tới một tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại

(s) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(t) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán năm báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

(u) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty và các công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và các công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan để cập đến các công ty liên kết của Công ty.

(w) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm trước.

#### 4. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận chính yếu của Công ty và các công ty con là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh. Công ty và các công ty con có các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Xây lắp và xây dựng;
- Sản xuất công nghiệp;
- Bất động sản;
- Năng lượng;
- Thương mại;
- Khai thác, vận hành Khu Công nghiệp;
- Khai khoáng; và
- Các hoạt động khác.

Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì Ban Tổng Giám đốc xác định rằng, hiện tại Công ty và các công ty con chủ yếu hoạt động trong một bộ phận chia theo vùng địa lý duy nhất đó là lãnh thổ Việt Nam.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất  
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

|  | Xây lắp<br>VND      | Sản xuất<br>công nghiệp<br>VND | Bất động sản<br>VND | Năng lượng<br>VND | Thương mại<br>VND   | Khai thác,<br>vận hành<br>khu công nghiệp<br>VND | Khai khoáng<br>VND  | Các<br>hoạt động khác<br>VND | Loại trừ<br>VND     | Hợp nhất<br>VND     |
|--|---------------------|--------------------------------|---------------------|-------------------|---------------------|--|---------------------|------------------------------|---------------------|---------------------|
| Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 |                     |                                |                     |                   |                     |  |                     |                              |                     |                     |
| Doanh thu hợp<br>nhất của bộ phận          | 3.828.968.348.359   | 1.218.148.180.352              | 192.537.977.998     | 1.532.041.358.298 | 1.042.889.712.645   | 614.102.201.835                                  | 1.379.395.161.473   | 164.182.450.358              | (2.197.025.607.450) | 7.775.239.783.868   |
| Giá vốn hàng bán<br>bộ phận                | (3.595.376.108.331) | (1.088.309.973.617)            | (143.827.157.734)   | (804.734.609.638) | (1.024.318.503.004) | (475.527.762.175)                                | (1.125.389.673.275) | (127.032.116.211)            | 2.190.380.659.834   | (6.194.135.244.151) |
| Kết quả kinh do-<br>anh của bộ phận        | 233.592.240.028     | 129.838.206.735                | 48.710.820.264      | 727.306.748.660   | 18.571.209.641      | 138.574.439.660                                  | 254.005.488.198     | 37.150.334.147               | (6.644.947.616)     | 1.581.104.539.717   |
| Chi phí bán hàng                           |                     |                                |                     |                   |                     |  |                     |                              |                     | (55.980.734.072)    |
| Chi phí quản lý<br>doanh nghiệp            |                     |                                |                     |                   |                     |  |                     |                              |                     | (335.208.954.077)   |
| Doanh thu hoạt<br>động tài chính           |                     |                                |                     |                   |                     |  |                     |                              |                     | 182.694.013.188     |
| Chi phí tài chính                          |                     |                                |                     |                   |                     |  |                     |                              |                     | (967.330.851.856)   |
| Phần lỗ trong<br>công ty liên kết          |                     |                                |                     |                   |                     |  |                     |                              |                     | 1.577.383.209       |
| Kết quả<br>từ hoạt động khác               |                     |                                |                     |                   |                     |  |                     |                              |                     | (17.937.240.869)    |
| Chi phí TNDN                               |                     |                                |                     |                   |                     |  |                     |                              |                     | (85.885.165.739)    |
| Lợi nhuận sau<br>thuế TNDN                 |                     |                                |                     |                   |                     |  |                     |                              |                     | 303.032.989.501     |

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất  
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

|  | Xây lắp<br>VND      | Sản xuất<br>công nghiệp<br>VND | Bất động sản<br>VND | Năng lượng<br>VND | Thương mại<br>VND | Khai thác,<br>vận hành<br>khu công nghiệp<br>VND | Các<br>hoạt động khác<br>VND | Loại trừ<br>VND     | Hợp nhất<br>VND     |
|--|---------------------|--------------------------------|---------------------|-------------------|-------------------|--|------------------------------|---------------------|---------------------|
| Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 |                     |                                |                     |                   |                   |  |                              |                     |                     |
| Doanh thu hợp nhất<br>của bộ phận          | 6.514.601.784.581   | 829.168.796.030                | 140.020.623.138     | 1.795.472.621.931 | 997.290.682.752   | 79.567.779.381                                   | 67.091.762.963               | (2.065.611.580.452) | 8.357.602.470.324   |
| Giá vốn hàng bán<br>bộ phận                | (5.762.573.128.910) | (763.191.104.223)              | (81.657.085.619)    | (843.809.500.492) | (973.894.784.944) | (63.735.615.998)                                 | (61.786.609.977)             | 1.787.552.305.318   | (6.763.095.524.845) |
| Kết quả kinh doanh<br>của bộ phận          | 752.028.655.671     | 65.977.691.807                 | 58.363.537.519      | 951.663.121.439   | 23.395.897.808    | 15.832.163.383                                   | 5.305.152.986                | (278.059.275.134)   | 1.594.506.945.479   |
| Chi phí bán hàng                           |                     |                                |                     |                   |                   |  |                              |                     | 8.391.008.009       |
| Chi phí quản lý<br>doanh nghiệp            |                     |                                |                     |                   |                   |  |                              |                     | (285.281.303.728)   |
| Doanh thu hoạt<br>động tài chính           |                     |                                |                     |                   |                   |  |                              |                     | 95.203.791.873      |
| Chi phí tài chính                          |                     |                                |                     |                   |                   |  |                              |                     | (766.697.259.907)   |
| Phần lỗ trong công<br>ty liên kết          |                     |                                |                     |                   |                   |  |                              |                     | 697.381.631         |
| Kết quả<br>từ hoạt động khác               |                     |                                |                     |                   |                   |  |                              |                     | (41.375.619.762)    |
| Chi phí TNDN                               |                     |                                |                     |                   |                   |  |                              |                     | (68.513.039.872)    |
| Lợi nhuận sau thuế<br>TNDN                 |                     |                                |                     |                   |                   |  |                              |                     | 536.931.903.723     |



Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất  
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

|  | Xây lắp<br>VND    | Sản xuất<br>công nghiệp<br>VND | Bất động sản<br>VND | Năng lượng<br>VND | Bán hàng<br>VND | Khai thác,<br>vận hành<br>khu công nghiệp<br>VND | Khai khoáng<br>VND | Các<br>hoạt động khác<br>VND | Hợp nhất<br>VND    |
|--|-------------------|--------------------------------|---------------------|-------------------|-----------------|--|--------------------|------------------------------|--------------------|
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023                          |                   |                                |                     |                   |                 |  |                    |                              |                    |
| Tài sản của bộ phận                                    | 1.785.112.438.471 | 615.627.526.236                | 641.021.661.625     | 9.375.187.205.478 | 427.528.123.407 | 967.507.580.226                                  | 2.123.493.727.661  | 60.903.882.697               | 15.996.382.145.801 |
| Tài sản không<br>phần bổ                               |                   |                                |                     |                   |                 |  |                    |                              |                    |
| Tổng tài sản   |                   |                                |                     |                   |                 |  |                    |                              |                    |
| Nợ phải trả của bộ<br>phần                             | 1.285.497.458.389 | 462.921.677.656                | 175.788.886.205     | 5.961.831.694.396 | 87.253.110.028  | 46.218.223.152                                   | 1.375.877.222.497  | 3.828.607.130                | 9.399.216.879.453  |
| Nợ phải trả không<br>phần bổ                           |                   |                                |                     |                   |                 |  |                    |                              |                    |
| Tổng nợ phải trả                                       |                   |                                |                     |                   |                 |  |                    |                              |                    |
| Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022             |                   |                                |                     |                   |                 |  |                    |                              |                    |
| Chi tiêu vốn   | 7.472.558.750     | 16.465.294.758                 | -                   | 25.554.140.852    | -               | 19.878.004.297                                   | 417.551.228.726    | 19.400.866.320               | 506.322.093.703    |
| Khấu hao tài sản cố<br>định hữu hình                   | 19.195.175.416    | 10.976.436.527                 | 1.308.947.444       | -                 | -               | 15.719.182.762                                   | 87.999.925.934     | 7.031.049.896                | 644.696.168.178    |
| Khấu hao tài sản cố<br>định vô hình                    | 83.832.799        | 30.768.719                     | -                   | -                 | -               | 17.837.760.714                                   | 45.466.804.505     | 255.999.998                  | 63.675.166.735     |
| Khấu hao tài sản cố<br>định hữu hình thuê tài<br>chính | 714.741.008       | -                              | -                   | -                 | -               | -  | -                  | -                            | 714.741.008        |
| Khấu hao bất động sản<br>đầu tư                        | -                 | -                              | 11.283.445.012      | -                 | -               | 13.314.633.201                                   | -                  | -                            | 24.598.078.213     |

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất  
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

|  | Xây lắp<br>VND    | Sản xuất<br>công nghiệp<br>VND | Bất động sản<br>VND | Năng lượng<br>VND  | Bán hàng<br>VND | Khai thác,<br>vận hành<br>khu công nghiệp<br>VND | Các<br>hoạt động khác<br>VND | Hợp nhất<br>VND    |
|--|-------------------|--------------------------------|---------------------|--------------------|-----------------|--|------------------------------|--------------------|
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022                          |                   |                                |                     |                    |                 |  |                              |                    |
| Tài sản của bộ phận                                    | 2.662.042.525.503 | 511.746.397.077                | 710.323.887.478     | 10.073.219.742.757 | 246.776.792.320 | 869.204.133.809                                  | 2.602.767.233.974            | 17.676.080.712.918 |
| Tài sản không<br>phần bổ                               |                   |                                |                     |                    |                 |  |                              |                    |
| Tổng tài sản   |                   |                                |                     |                    |                 |  |                              |                    |
| Nợ phải trả của bộ phận                                | 1.506.433.619.992 | 396.678.745.168                | 40.670.230.886      | 7.206.084.093.389  | 101.411.833.953 | 36.697.451.834                                   | 1.044.465.297.287            | 10.332.441.272.509 |
| Nợ phải trả không<br>phần bổ                           |                   |                                |                     |                    |                 |  |                              |                    |
| Tổng nợ phải trả                                       |                   |                                |                     |                    |                 |  |                              |                    |
| Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022             |                   |                                |                     |                    |                 |  |                              |                    |
| Chi tiêu vốn   | 55.653.234.091    | 2.914.690.127                  | -                   | 21.652.066.667     | -               | -  | 1.036.077.506.014            | 1.116.297.496.899  |
| Khấu hao tài sản cố<br>định hữu hình                   | 15.128.728.418    | 11.194.443.974                 | 1.226.519.538       | 492.912.220.144    | -               | 2.724.348.163                                    | 4.448.041.182                | 527.634.301.419    |
| Khấu hao tài sản cố<br>định vô hình                    | 331.743.603       | -                              | -                   | -                  | -               | 2.546.721.068                                    | 45.493.471.167               | 48.371.935.838     |
| Khấu hao tài sản cố<br>định hữu hình thuê tài<br>chính | 171.296.766       | -                              | -                   | -                  | -               | -  | -                            | 171.296.766        |
| Khấu hao bất động sản<br>đầu tư                        | -                 | -                              | 13.515.977.667      | -                  | -               | -  | -                            | 13.515.977.667     |

## 5. Tiền và các khoản tương đương tiền

|                               | 1/1/2023<br>VND          | 31/12/2023<br>VND        |
|-------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Tiền mặt                      | 19.306.652.777           | 22.292.697.470           |
| Tiền gửi ngân hàng            | 458.305.529.398          | 449.156.686.536          |
| Tiền đang chuyển              | -                        | 660.000.000              |
| Các khoản tương đương tiền(*) | 2.103.745.619.178        | 1.610.108.298.715        |
|                               | <b>2.581.357.801.353</b> | <b>2.082.217.682.721</b> |

Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc dưới ba tháng và hưởng lãi suất trong khoảng từ 2,3% – 4,2%/năm (1/1/2023: 4,6% – 6,0%/năm).

## 6. Đầu tư tài chính

### (a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

|  | Giá gốc và giá trị ghi sổ |                   |
|--|---------------------------|-------------------|
|  | 31/12/2023<br>VND         | 1/1/2023<br>VND   |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn |                           |                   |
| Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn               | 780.833.305.437           | 1.006.095.364.843 |

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng và hưởng lãi suất trong khoảng từ 1,4% – 9,5%/năm (1/1/2023: từ 1,0% – 5,0%/năm).

### (b) Đầu tư vào công ty liên kết

|   | 31/12/2023           |                                |   |                       |
|---|----------------------|--------------------------------|---|-----------------------|
|   | Tỷ lệ<br>sở hữu<br>% | Tỷ lệ quyền<br>biểu quyết<br>% | Giá trị ghi sổ theo<br>phương pháp vốn chủ<br>VND | Giá trị hợp lý<br>VND |
| Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng      | 25,09%               | 25,09%                         | 126.907.281.952                                   | (**)                  |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản CT2 | 49,00%               | 49,00%                         | 300.000.000.000                                   | (**)                  |
| Công ty Cổ phần Western Pacific         | 30,08%               | 30,08%                         | 1.110.046.466.720                                 | (**)                  |
| Công ty Cổ phần Kho bãi Phú Bình (*)    | 36,00%               | 36,00%                         | 68.400.000.000                                    | (**)                  |
|   |                      |                                | <b>1.605.353.748.672</b>                          |                       |

(\*) Ngày 7 tháng 4 năm 2023, Công ty Cổ phần Kho bãi Phú Bình trở thành công ty liên kết của Công ty sau khi Công ty hoàn tất việc mua lại 1.800.000 cổ phần từ các cổ đông hiện hữu.

|   | 1/1/2023 |                       |   |                       |
|---|----------|-----------------------|---|-----------------------|
|   | % Sở hữu | % Quyền<br>biểu quyết | Giá trị ghi sổ theo<br>phương pháp vốn chủ<br>VND | Giá trị hợp lý<br>VND |
| Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng      | 25,09%   | 25,09%                | 127.811.507.354                                   | (**)                  |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản CT2 | 49,00%   | 49,00%                | 300.000.000.000                                   | (**)                  |
| Công ty Cổ phần Western Pacific (*)     | 30,08%   | 30,08%                | 1.108.753.474.390                                 | (**)                  |
|   |          |                       | <b>1.536.564.981.744</b>                          |                       |



(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

| 31/12/2023                                   |                   |                             |                |                 |                       |                       |
|--|-------------------|-----------------------------|----------------|-----------------|-----------------------|-----------------------|
| Số lượng<br>cổ phiếu                         | Tỷ lệ<br>% sở hữu | Tỷ lệ %<br>quyền biểu quyết | Giá gốc<br>VND | Dự phòng<br>VND | Giá trị hợp lý<br>VND | Giá trị hợp lý<br>VND |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam | 58.396            | 0,00115%                    | 0,00115%       | 821.770.000     | -                     | 2.534.386.400         |
| Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Vinaincon     | 400.000           | 10,00%                      | 10,00%         | 4.000.000.000   | (3.606.012.909)       | (**)                  |
|  |                   |                             | 4.821.770.000  | (3.606.012.909) |                       |                       |

| 1/1/2023                                     |                   |                             |                |                 |                       |                       |
|--|-------------------|-----------------------------|----------------|-----------------|-----------------------|-----------------------|
| Số lượng<br>cổ phiếu                         | Tỷ lệ<br>% sở hữu | Tỷ lệ %<br>quyền biểu quyết | Giá gốc<br>VND | Dự phòng<br>VND | Giá trị hợp lý<br>VND | Giá trị hợp lý<br>VND |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam | 46.431            | 0,00115%                    | 0,00115%       | 821.770.000     | -                     | 1.792.236.600         |
| Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Vinaincon     | 400.000           | 10,00%                      | 10,00%         | 4.000.000.000   | (3.385.622.290)       | (**)                  |
|  |                   |                             | 4.821.770.000  | (3.385.622.290) |                       |                       |

(\*\*) Công ty và các công ty con chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất  
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## 7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn

|   | 1/1/2023<br>VND   | 31/12/2023<br>VND |
|---|-------------------|-------------------|
| Tập đoàn Điện lực Việt Nam  | 215.960.677.903   | 300.562.675.147   |
| Ban Quản lý Dự án các Công trình Điện Miền Nam  | 182.712.948.137   | 199.345.804.016   |
| Ban Quản lý Dự án Điện 2 - Tập đoàn Điện lực Việt Nam                                 | -                 | 162.767.074.244   |
| Ban Quản lý Dự án Phát triển Điện lực Hà Nội – Tổng Công ty Điện lực Thành phố Hà Nội | 19.215.144.250    | 152.899.801.367   |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thương mại Tân Việt                                | -                 | 115.783.438.893   |
| Ban Quản lý Dự án các Công trình Điện Miền Trung                                      | 67.422.966.473    | 79.296.269.106    |
| Ban Quản lý Dự án các Công trình Điện Miền Bắc  | 82.986.303.726    | 76.016.197.514    |
| Công ty Cổ phần Năng lượng Điện gió Tiền Giang  | 758.952.550.730   | 50.000.000.000    |
| Các khoản phải thu khách hàng khác  | 927.909.249.405   | 791.498.521.618   |
|   | 2.255.159.840.624 | 1.928.169.781.905 |

## 8. Trả trước cho người bán ngắn hạn

|  | 1/1/2023<br>VND | 31/12/2023<br>VND |
|--|-----------------|-------------------|
| Công ty Cổ phần Gia Lộc Phát                               | 95.988.840.482  | 95.988.840.482    |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Chuyển giao Công nghệ Thăng Long | -               | 17.877.622.227    |
| Công ty TNHH Xuân An Phú Thọ                               | 10.113.842.440  | 2.310.575.267     |
| Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật                | 21.216.637.391  | -                 |
| Chấn Hưng  | 9.428.002.849   | -                 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Định Tân                   | 89.671.687.578  | 101.017.065.077   |
| Các nhà cung cấp khác                                      | 226.419.010.740 | 362.986.950.991   |

## 9. Phải thu về cho vay ngắn hạn

|  | 1/1/2023<br>VND | 31/12/2023<br>VND |
|--|-----------------|-------------------|
| Công ty Cổ phần Tư vấn Năng lượng Xanh Toàn Cầu (trước đây là "Công ty Cổ phần Tư vấn Điện 1") | 2.886.249.280   | 2.588.410.051     |
| Nguyễn Tất Cường (*)   | 215.057.000.000 | 255.075.000.000   |
| Trần Thị Tuyết (**)  | 37.131.000.000  | 29.631.000.000    |
| Cá nhân khác   | -               | 1.430.000.000     |
|  | 255.092.249.280 | 288.724.410.051   |

(\*) Đây là khoản phải thu về cho vay ngắn hạn một cá nhân (không phải bên liên quan) của một công ty con của Công ty, hưởng lãi suất từ 5,0% – 6,0%/năm, gốc và lãi được trả vào ngày 31 tháng 5 năm 2024 và ngày 30 tháng 6 năm 2024.

(\*\*) Đây là khoản phải thu về cho vay ngắn hạn một cá nhân (không phải bên liên quan) của một công ty con của Công ty, hưởng lãi suất 3,5%/năm, gốc và lãi được trả theo Phụ lục hợp đồng số PL01-2022-TP-TTT vào ngày 31 tháng 12 năm 2023. Trong năm 2023, khoản vay này được gia hạn đến ngày 31 tháng 12 năm 2024.

## 10. Phải thu khác

### (a) Phải thu ngắn hạn khác

|  | 1/1/2023<br>VND | 31/12/2023<br>VND |
|--|-----------------|-------------------|
| Tạm ứng đến bù giải phóng mặt bằng (*)           | 283.380.203.213 | 176.611.651.982   |
| Tạm ứng  | 82.039.375.924  | 103.920.144.217   |
| Phải thu tạm ứng các đội, ban chỉ huy công trình | 31.531.436.014  | 24.856.454.080    |
| Phải thu lãi tiền gửi, lãi cho vay               | 33.051.440.018  | 58.534.783.875    |
| Ký cược, ký quỹ                                  | 5.726.051.699   | 29.474.663.501    |
| Phải thu Công ty Cổ phần Điện gió Phong Liều     | 639.873.255     | 6.140.664.122     |
| Phải thu về cho vay ngắn hạn                     | -               | 57.631.000.000    |
| Phải thu khác                                    | 8.331.772.167   | 6.119.174.098     |
|  | 444.700.152.290 | 399.538.361.777   |

(\*) Đây là các khoản tạm ứng để chi trả tiền đến bù tại các công trình xây lắp và sẽ được chủ đầu tư hoàn trả lại và tạm ứng để chi trả tiền đến bù dự án bất động sản, dự án năng lượng.

### (b) Phải thu dài hạn khác

|                 | 1/1/2023<br>VND | 31/12/2023<br>VND |
|-----------------|-----------------|-------------------|
| Ký cược, ký quỹ | 8.282.829.500   | 14.779.136.760    |



11. Nợ xấu và nợ khó đòi

|   | 1/1/2023                    |                |                 |                                  | 31/12/2023                  |                |                  |                                  |
|---|-----------------------------|----------------|-----------------|----------------------------------|-----------------------------|----------------|------------------|----------------------------------|
|   | Thời gian<br>quá hạn<br>VND | Giá gốc<br>VND | Dự phòng<br>VND | Giá trị có thể<br>thu hồi<br>VND | Thời gian<br>quá hạn<br>VND | Giá gốc<br>VND | Dự phòng<br>VND  | Giá trị có thể<br>thu hồi<br>VND |
| Nợ quá hạn  |                             |                |                 |                                  |                             |                |                  |                                  |
| Trần Nhung (Đội xây lắp số 3)                         | Trên 3 năm                  | 2.151.632.200  | (2.151.632.200) | -                                | Trên 3 năm                  | 2.151.632.200  | (2.151.632.200)  | -                                |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng<br>Hoàng Tiến Phát | Từ 1 đến 2 năm              | -              | -               | -                                | Từ 1 đến 2 năm              | 9.868.790.946  | (4.934.395.473)  | 4.934.395.473                    |
| Phan Ngọc Tiến (Đội xây lắp số 1)                     | Trên 3 năm                  | 418.555.690    | (418.555.690)   | -                                | Trên 3 năm                  | 418.555.690    | (418.555.690)    | -                                |
| Công ty Cổ phần Quốc tế Nachi                         | Từ 2 đến 3 năm              | 101.292.413    | (50.646.207)    | 50.646.206                       | Trên 3 năm                  | 101.292.413    | (50.646.207)     | 50.646.206                       |
| Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển<br>Công nghiệp      | Từ 1 đến 2 năm              | 614.880.000    | (614.880.000)   | -                                | Từ 2 đến 3 năm              | 614.880.000    | (614.880.000)    | -                                |
| Công ty Cổ phần Xây lắp điện Hà Nội                   | -                           | -              | -               | -                                | Dưới 1 năm                  | 2.631.941.262  | (789.582.379)    | 1.842.358.883                    |
| Các khách hàng khác                                   | Từ 2 đến 3 năm              | 4.132.949.934  | (3.779.858.210) | 353.091.724                      | Từ 2 đến trên 3 năm         | 3.932.949.934  | (3.436.045.634)  | 496.904.300                      |
| Trong đó  |                             | 7.419.310.237  | (7.015.572.307) | 403.737.930                      |                             | 19.720.042.445 | (12.395.737.583) | 7.324.304.862                    |
| Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn                  |                             |                | (7.015.572.307) |                                  |                             |                | (12.395.737.583) |                                  |

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất  
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Hàng tồn kho

|  | 1/1/2023        |                 | 31/12/2023      |                 |
|--|-----------------|-----------------|-----------------|-----------------|
|  | Giá gốc<br>VND  | Dự phòng<br>VND | Giá gốc<br>VND  | Dự phòng<br>VND |
| Hàng mua đang<br>đi đường                  | 7.402.657.366   | -               | 499.380.000     | -               |
| Nguyên vật liệu                            | 307.908.804.848 | (8.416.503.611) | 212.530.977.247 | (706.020.118)   |
| Công cụ, dụng cụ                           | 1.515.992.384   | -               | 21.353.261.041  | -               |
| Chi phí sản xuất kinh<br>doanh dở dang (*) | 578.560.601.010 | -               | 511.603.111.316 | -               |
| Hàng hoá                                   | -               | -               | 127.721.376.040 | -               |
| Hàng hóa bất động sản                      | 3.146.715.966   | -               | 70.725.355.564  | -               |
|  | 898.534.771.574 | (8.416.503.611) | 944.433.461.208 | (706.020.118)   |

(\*) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm:

|  | 1/1/2023        | 31/12/2023      |
|--|-----------------|-----------------|
|  | Giá gốc VND     | Giá gốc VND     |
| Dự án kinh doanh bất động sản:   |                 |                 |
| Khu hỗn hợp văn phòng, thương mại và căn hộ PCC1 Vĩnh Hưng   | 14.399.687.700  | 14.399.687.700  |
| Dự án PC1 Bắc Từ Liêm (Khu nhà ở để bán G5-CT2 và G8 - CT3)  | 7.491.339.407   | 7.494.996.417   |
| Dự án khu nhà ở PC1 Gia Lâm  | 2.410.618.176   | 2.596.191.784   |
| Dự án khác   | 4.858.267.355   | 4.003.974.491   |
| Hoạt động xây lắp, cung cấp thiết bị điện và và xây dựng hạ tầng khu công nghiệp   |                 |                 |
| EPC Dự án Nhà máy điện gió Khu du lịch Khai Long - Cà Mau giai đoạn 1, Nhà máy điện gió Khai Long giai đoạn 2, 3 và Ngăn lộ MR 110kV tại TBA 220kV Năm Căn | 30.166.322.460  | 34.710.041.195  |
| Đz 110kV TBA 220kV Nông Cống - Nghi Sơn  | 34.721.925.359  | 29.159.734.663  |
| Gói 9 Cung cấp VTTB Trạm biến áp Công trình: Xây dựng mới Trạm 220/110kV Thanh Xuân  | -               | 28.812.671.821  |
| Gói Tổng thầu thi công Hạ tầng kỹ thuật - KCN Yên Phong II-A, Dự án: Đầu tư Xây dựng Hạ tầng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN Yên Phong II-A              | 27.159.635.475  | 26.799.806.529  |
| ĐZ 500/220kV Nho Quan - Phủ Lý - Thường Tín (Lô 14.1)  | -               | 11.979.727.800  |
| Trạm biến áp 220kV Nghĩa Lộ  | -               | 11.300.529.252  |
| Gói 9 CC xây dựng lắp đặt vật tư thiết bị TBA 110kV KCN Công Xanh và ĐZ đấu nối tỉnh Bình Dương  | 14.428.907.373  | 1.590.340.753   |
| Gói 9 lò 9.8 VT54-01 VT61-01 và lò 9.11 VT80-2 VT91-01 Xây lắp Dự án ĐZ500kV Quảng Trạch - Đốc Sỏi   | 9.439.117.643   | -               |
| HĐ 2022 Gói 6 Cung cấp xây dựng và lắp đặt vật tư thiết bị ĐZ 110kV đấu nối LSP Long Sơn   | 43.463.085.064  | 155.595.807     |
| Các công trình khác  | 350.181.029.365 | 316.671.183.243 |

|                                 | 1/1/2023        | 31/12/2023      |
|---------------------------------|-----------------|-----------------|
|                                 | Giá gốc VND     | Dự phòng VND    |
| Hoạt động sản xuất công nghiệp: |                 |                 |
| Dự án Hoàng Hóa                 | -               | 4.890.321.811   |
| Dự án Nam Định 1 - Thanh Hóa    | -               | 4.884.839.086   |
| Dự án Ba Chè - Núi 1            | 5.277.111.337   | 2.805.284.893   |
| Dự án Mỹ Khê                    | 10.911.988.900  | 3.091.408.555   |
| Dự án Đô Lương - Sông Lam 1     | -               | 2.798.248.686   |
| Dự án Australia                 | -               | 1.905.059.755   |
| Dự án Hòa Phát                  | -               | 1.213.064.602   |
| Dự án CNC Đồng Nai              | 13.184.814.501  | -               |
| Các công trình, dự án khác      | 10.466.750.895  | 340.402.473     |
|                                 | 578.560.601.010 | 511.603.111.316 |



## 13. Tài sản cố định hữu hình

| Nguyên giá                                  | Nhà cửa, vật kiến trúc VND | Máy móc và thiết bị VND | Phương tiện vận chuyển VND | Dụng cụ văn phòng VND | Tài sản cố định hữu hình khác VND | Tổng cộng VND      |
|---|----------------------------|-------------------------|----------------------------|-----------------------|-----------------------------------|--------------------|
| Số dư đầu năm                               | 3.618.545.938.027          | 6.733.227.964.821       | 435.140.303.960            | 23.008.640.807        | 53.154.257.670                    | 10.863.077.105.285 |
| Tăng trong năm                              | 1.105.198.932              | 10.353.195.443          | 6.042.291.502              | 9.823.322.982         | 936.500.000                       | 28.260.508.859     |
| Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang           | 876.431.116.632            | 663.653.015.665         | 1.635.000.000              | -                     | 2.082.582.204                     | 1.543.801.714.501  |
| Thanh lý                                    | (826.782.374)              | (4.175.297.137)         | (7.380.691.003)            | (455.817.282)         | -                                 | (12.838.587.796)   |
| Xóa sổ                                      | -                          | (655.488.016)           | -                          | -                     | -                                 | (655.488.016)      |
| Điều chỉnh nguyên giá theo quyết toán dự án | (4.339.349.286)            | 1.092.332.831           | 1.430.919.330              | -                     | -                                 | (1.816.097.125)    |
| Phân loại lại                               | -                          | (736.424.043)           | -                          | 736.424.043           | -                                 | -                  |
| Số dư cuối năm                              | 4.490.916.121.931          | 7.402.759.299.564       | 436.867.823.789            | 33.112.570.550        | 56.173.339.874                    | 12.419.829.155.708 |
| Giá trị hao mòn lũy kế                      |                            |                         |                            |                       |                                   |                    |
| Số dư đầu năm                               | 792.473.295.786            | 1.103.618.654.920       | 314.135.596.261            | 15.859.319.822        | 40.757.620.619                    | 2.266.844.487.408  |
| Khấu hao trong năm                          | 182.700.022.201            | 430.099.713.246         | 24.582.070.767             | 2.474.113.552         | 4.840.248.412                     | 644.696.168.178    |
| Thanh lý                                    | (556.066.439)              | (4.684.887.204)         | (4.715.371.174)            | (301.326.732)         | -                                 | (10.257.651.549)   |
| Xóa sổ                                      | -                          | (655.488.016)           | -                          | -                     | -                                 | (655.488.016)      |
| Phân loại lại                               | -                          | (648.615.838)           | -                          | 648.615.838           | -                                 | -                  |
| Số dư cuối năm                              | 974.617.251.548            | 1.527.729.377.108       | 334.002.295.854            | 18.680.722.480        | 45.597.869.031                    | 2.900.627.516.021  |
| Giá trị còn lại                             |                            |                         |                            |                       |                                   |                    |
| Số dư đầu năm                               | 2.826.072.642.241          | 5.629.609.309.901       | 121.004.707.699            | 7.149.320.985         | 12.396.637.051                    | 8.596.232.617.877  |
| Số dư cuối năm                              | 3.516.298.870.383          | 5.875.029.922.456       | 102.865.527.935            | 14.431.848.070        | 10.575.470.843                    | 9.519.201.639.687  |

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 có tài sản có nguyên giá 673.652 triệu VND (1/1/2023: 669.624 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 9.404.831 triệu VND (1/1/2023: 8.420.086 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty và các công ty con (Thuyết minh 25(b)).

## 14. Tài sản cố định vô hình

| Nguyên giá              | Quyền khai thác khoáng sản | Quyền khai thác, vận hành khu công nghiệp NHIZ | Quyền sử dụng đất | Phần mềm máy vi tính | Khác        | Tổng cộng         |
|-------------------------|----------------------------|--|-------------------|----------------------|-------------|-------------------|
| Số dư đầu năm           | 977.536.296.866            | 385.284.021.525                                | 17.896.191.733    | 5.138.606.600        | 105.331.819 | 1.385.960.448.543 |
| Tăng trong năm          | -                          | -  | -                 | 126.500.000          | -           | 126.500.000       |
| Tăng do mua công ty con | -                          | -  | (3.646.663.291)   | -                    | -           | (3.646.663.291)   |
| Biến động khác          | -                          | -  | -                 | (71.664.000)         | -           | (71.664.000)      |
| Số dư cuối năm          | 977.536.296.866            | 385.284.021.525                                | 14.249.528.442    | 5.193.442.600        | 105.331.819 | 1.382.368.621.252 |
| Giá trị hao mòn lũy kế  |                            |  |                   |                      |             |                   |
| Số dư đầu năm           | 70.094.656.945             | 2.479.857.547                                  | 7.171.997.850     | 4.192.770.207        | 105.331.819 | 84.044.614.368    |
| Khấu hao trong năm      | 45.466.804.505             | 17.418.614.787                                 | 321.865.923       | 467.881.520          | -           | 63.675.166.735    |
| Tăng do mua công ty con | -                          | -  | (1.201.406.199)   | -                    | -           | (1.201.406.199)   |
| Biến động khác          | -                          | -  | -                 | (20.576.398)         | -           | (20.576.398)      |
| Số dư cuối năm          | 115.561.461.450            | 19.898.472.334                                 | 6.292.457.574     | 4.640.075.329        | 105.331.819 | 146.497.798.506   |
| Giá trị còn lại         |                            |  |                   |                      |             |                   |
| Số dư đầu năm           | 907.441.639.921            | 382.804.163.978                                | 10.724.193.883    | 945.836.393          | -           | 1.301.915.834.175 |
| Số dư cuối năm          | 861.974.835.416            | 365.385.549.191                                | 7.957.070.868     | 553.367.271          | -           | 1.235.870.822.746 |

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 có các tài sản với nguyên giá 1.664 triệu VND (1/1/2023: 3.139 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

## 15. Bất động sản đầu tư cho thuê

|                               | Quyền sử dụng đất<br>VND | Chung cư<br>cho thuê<br>VND | Nhà xưởng<br>tiêu chuẩn cho thuê<br>VND | Tổng cộng<br>VND  |
|-------------------------------|--------------------------|-----------------------------|---|-------------------|
| <b>Nguyên giá</b>             |                          |                             |   |                   |
| Số dư đầu năm                 | 6.863.258.867            | 279.132.090.464             | 395.357.617.000                         | 681.352.966.331   |
| Nhượng bán                    | (1.888.779.005)          | (121.376.158.314)           | -                                       | (123.264.937.319) |
| Số dư cuối năm                | 4.974.479.862            | 157.755.932.150             | 395.357.617.000                         | 558.088.029.012   |
| <b>Giá trị hao mòn lũy kế</b> |                          |                             |   |                   |
| Số dư đầu năm                 | 2.930.564.879            | 66.817.920.355              | 340.555.215.293                         | 410.303.700.527   |
| Khấu hao trong năm            | 136.045.725              | 11.283.445.012              | 13.178.587.476                          | 24.598.078.213    |
| Nhượng bán                    | (381.642.179)            | (22.107.279.871)            | -                                       | (22.488.922.050)  |
| Số dư cuối năm                | 2.684.968.425            | 55.994.085.496              | 353.733.802.769                         | 412.412.856.690   |
| <b>Giá trị còn lại</b>        |                          |                             |   |                   |
| Số dư đầu năm                 | 3.932.693.988            | 212.314.170.109             | 54.802.401.707                          | 271.049.265.804   |
| Số dư cuối năm                | 2.289.511.437            | 101.761.846.654             | 41.623.814.231                          | 145.675.172.322   |

## 16. Xây dựng cơ bản dở dang

|  | 2022              | 2023                |
|--|-------------------|---------------------|
| Số dư đầu năm  | 379.876.492.995   | 1.375.792.992.689   |
| Tăng trong năm                                       | 1.094.233.510.067 | 421.035.940.233     |
| Tăng do mua công ty con                              | 6.999.141.000     | -                   |
| Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn               | (1.586.359.381)   | (3.408.313.487)     |
| Chuyển sang tài sản cố định hữu hình                 | (94.927.437.470)  | (1.543.801.714.501) |
| Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn                | (1.081.500.000)   | (44.244.934.517)    |
| Giảm trừ thu nhập phát sinh trong giai đoạn chạy thử | -                 | (69.179.711.869)    |
| Biến động khác                                       | (7.720.854.522)   | (28.375.857.044)    |
| Số dư cuối năm                                       | 1.375.792.992.689 | 107.818.401.504     |

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

|  | 2022              | 2023           |
|--|-------------------|----------------|
| <b>Xây dựng cơ bản</b>                           |                   |                |
| Dự án khai thác lộ thiên khoáng sản Niken - Đồng | 1.337.234.254.962 | 44.065.665.830 |
| Dự án Thủy điện Bảo Lạc A                        | 12.556.128.282    | 23.555.749.753 |
| Các dự án khác                                   | 23.051.808.602    | 40.196.985.921 |
| Sửa chữa lớn tài sản cố định                     |                   |                |
| Công trình khác                                  | 2.950.800.843     | -              |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, xây dựng cơ bản dở dang có giá trị ghi sổ là 44.066 triệu VND (1/1/2023: 1.337.234 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty và các công ty con (Thuyết minh 25(b)).

Trong năm, chi phí đi vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang tương đương 40.809 triệu VND (2022: 39.785 triệu VND).

## 17. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

|                                 | 1/1/2023<br>VND | 31/12/2023<br>VND |
|---------------------------------|-----------------|-------------------|
| Công cụ dụng cụ xuất dùng       | 3.040.937.594   | 6.243.883.752     |
| Chi phí trả trước ngắn hạn khác | 8.237.438.452   | 6.445.463.078     |
|                                 | 11.278.376.046  | 12.689.346.830    |



Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất  
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Chi phí trả trước dài hạn

|   | Công cụ<br>và dụng cụ<br>VND | Chi phí<br>sửa chữa tài sản<br>VND | Tiền thuế đất<br>trả trước<br>VND | Chi phí<br>giải phóng<br>mặt bằng của<br>các nhà máy<br>thủy điện (*)<br>VND | Chi phí<br>giải phóng<br>mặt bằng của<br>các nhà máy<br>điện gió<br>VND | Quyền sử dụng<br>khu đất<br>120 Định Công<br>VND | Chi phí<br>thuế hạ tầng<br>VND | Chi phí trả trước<br>dài hạn khác<br>VND | Tổng cộng<br>VND |
|---|------------------------------|------------------------------------|-----------------------------------|--|---|--|--------------------------------|--|------------------|
| Số dư đầu năm                           | 7.170.617.202                | 9.986.867.216                      | 9.762.724.719                     | 119.348.023.669  | 12.227.588.165  | 196.979.084.510                                  | 63.757.979.476                 | 29.520.475.004                           | 448.753.359.961  |
| Tăng trong năm                          | 5.370.320.293                | 13.170.728.590                     | -                                 | -  | -   | -  | -                              | 38.358.095.728                           | 56.899.144.611   |
| Phân bổ trong<br>năm                    | (6.538.171.057)              | (7.694.088.028)                    | (79.764.464)                      | (2.941.642.855)  | (248.432.575)   | (4.050.983.743)                                  | (1.658.424.548)                | (42.444.987.498)                         | (65.656.494.768) |
| Chuyển từ xây<br>dựng cơ bản dở<br>dang | 2.070.561.993                | -                                  | -                                 | -  | -   | -  | -                              | 42.174.372.524                           | 44.244.934.517   |
| Phân loại lại                           | (501.794.409)                | 212.519.340                        | -                                 | -  | -   | -  | -                              | 289.275.069                              | -                |
| Điều chỉnh theo<br>quyết toán dự án     | -                            | -                                  | -                                 | (5.336.558.508)  | -   | -  | -                              | -  | (5.336.558.508)  |
| Điều chỉnh khác                         | (95.450.214)                 | -                                  | -                                 | -  | -   | -  | -                              | -  | (95.450.214)     |
| Số dư cuối năm                          | 7.476.083.808                | 15.676.027.118                     | 9.682.960.255                     | 111.069.822.306  | 11.979.155.590  | 192.928.100.767                                  | 62.099.554.928                 | 67.897.230.827                           | 478.808.935.599  |

Tiền bồi thường giải phóng mặt bằng của các công trình thủy điện Bảo Lâm 1, 3, 3A, Bảo Lạc B, Sông Nhiệm 4, Trung Thu, Mông Ân được trừ vào tiền thuế đất phải nộp hàng năm theo các thông báo của Cục thuế Tỉnh Cao Bằng, Cục thuế Tỉnh Hà Giang và Cục thuế Tỉnh Điện Biên. Cụ thể như sau:

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất  
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| Công trình                      | Thông báo                               | Số tiền được trừ VND |
|---------------------------------|---|----------------------|
| Công trình Thủy điện Bảo Lâm 1  | Thông báo số 892/TB-CT ngày 24/11/2016  | 11.413.476.782       |
| Công trình Thủy điện Bảo Lâm 3  | Thông báo số 849/TB-CT ngày 21/8/2017   | 10.061.418.000       |
| Công trình Thủy điện Bảo Lâm 3A | Thông báo số 798/TB-CT ngày 7/8/2017    | 668.410.942          |
| Công trình Thủy điện Bảo Lạc B  | Thông báo số 1216/TB-CT ngày 10/12/2019 | 7.806.445.192        |
| Công trình Thủy điện Bảo Lạc B  | Thông báo số 1150/TB-CT ngày 11/11/2019 | 787.719.391          |
| Công trình Thủy điện Trung Thu  | Thông báo số 1091/TB-STC ngày 30/6/2016 | 70.790.693.435       |
| Công trình thủy điện Mông Ân    | Thông báo số 1217/TB-CT ngày 10/12/2019 | 21.334.749.436       |
|                                 |   | 122.862.913.178      |

Tiền thuế đất đã được bù trừ trong các năm trước là 9.239.019.292 VND.

18. Tài sản thuế thu nhập hoàn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận

|   | 1/1/2023<br>VND   | 31/12/2023<br>VND |
|---|-------------------|-------------------|
| Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:   |                   |                   |
| Hàng tồn kho  | 2.604.929.833     | 2.611.849.364     |
| Tài sản cố định   | 27.380.887.865    | 25.220.668.171    |
| Bất động sản đầu tư   | 5.668.109.219     | -                 |
| Xây dựng cơ bản dở dang   | 3.710.386.610     | 4.201.763.973     |
| Các khoản khác  | 1.346.345.140     | 2.192.252.584     |
| Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại   | 40.710.658.667    | 34.226.534.092    |
| Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:  |                   |                   |
| Tài sản cố định   | (221.627.326.922) | (222.366.995.169) |
| Hàng tồn kho  | (303.714.448)     | (303.714.448)     |
| Lãi từ đánh giá lại giá trị hợp lý khi tăng vốn từ công ty liên kết thành công ty con | (52.402.000.000)  | (52.402.000.000)  |
| Lỗ chuyển nhượng công ty con  | (757.751.421)     | (757.751.421)     |
| Các khoản khác  | (40.891.245.322)  | (29.156.255.394)  |
| Tổng thuế thu nhập hoãn lại phải trả  | (315.982.038.113) | (304.986.716.432) |
|   | (275.271.379.446) | (270.760.182.340) |

## 19. Lợi thế thương mại

|                           | 2023<br>VND     |
|---------------------------|-----------------|
| Giá gốc                   |                 |
| Số dư đầu năm và cuối năm | 440.096.768.989 |
| Giá trị phân bổ lũy kế    |                 |
| Số dư đầu năm             | 188.660.357.173 |
| Phân bổ trong năm         | 35.094.373.829  |
| Số dư cuối năm            | 223.754.731.002 |
| Giá trị ghi sổ            |                 |
| Số dư đầu năm             | 251.436.411.816 |
| Số dư cuối năm            | 216.342.037.987 |

## 20. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn

|  | Giá gốc và số có khả năng trả nợ |                   |
|--|----------------------------------|-------------------|
|  | 1/1/2023<br>VND                  | 31/12/2023<br>VND |
| Siemens Energy Limited Company                             | -                                | 96.229.903.174    |
| Công ty Cổ phần Thịnh Cường                                | 36.141.651.330                   | 83.134.119.522    |
| Tổng Công ty Khoáng sản TKV - CTCP                         | -                                | 73.920.000.000    |
| Zhongtian Technology Submarine Cable Co., Ltd.             | 124.684.713.236                  | -                 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát | 88.085.345.260                   | -                 |
| Khác   | 1.036.050.052.686                | 795.317.927.051   |
|  | 1.284.961.762.512                | 1.048.601.949.747 |

## 21. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

|   | 1/1/2023<br>VND | 31/12/2023<br>VND |
|---|-----------------|-------------------|
| Công ty TNHH Điện gió Đồng Thành 1                    | 71.515.453.438  | 31.515.453.438    |
| Ban Quản lý Đường sắt Đô thị                          | -               | 31.214.189.119    |
| Powerchina (Lao) Sole Co., Ltd                        | -               | 19.166.033.051    |
| Ban Quản lý Dự án Điện 2 - Tập đoàn Điện lực Việt Nam | 1.350.000.000   | 12.996.913.020    |
| Công ty Cổ phần Hạ tầng Western Pacific               | 87.260.088.143  | -                 |
| Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1              | 83.740.909.091  | -                 |
| Các khách hàng khác                                   | 77.899.901.613  | 41.887.589.638    |
|   | 321.766.352.285 | 136.780.178.266   |



22. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp nhà nước

|                               | 1/1/2023                  | 31/12/2023                       |                 |                   |                 |                 |
|-------------------------------|---------------------------|----------------------------------|-----------------|-------------------|-----------------|-----------------|
|                               | Số phải thu VND           | Số phải thu VND                  |                 |                   |                 |                 |
|                               | Số phải nộp VND           | Số phải nộp VND                  |                 |                   |                 |                 |
|                               | Số phải nộp trong năm VND | Số (đã nộp)/bù trừ trong năm VND |                 |                   |                 |                 |
| Thuế giá trị gia tăng (*)     | (20.743.767)              | 17.943.034.318                   | 146.587.956.160 | (137.507.405.629) | -               | 27.002.841.082  |
| Thuế xuất khẩu, nhập khẩu     | -                         | -                                | 169.092.151.321 | (169.092.630.953) | (479.632)       | -               |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp    | (778.737.801)             | 78.445.761.369                   | 89.085.885.338  | (102.653.836.721) | (761.034.370)   | 64.860.106.555  |
| Thuế thu nhập cá nhân         | (1.544.941.908)           | 1.225.924.812                    | 14.270.423.390  | (12.390.227.396)  | (265.779.457)   | 1.826.958.355   |
| Thuế tài nguyên               | -                         | 2.213.500.830                    | 98.363.542.456  | (89.866.947.457)  | -               | 10.710.095.829  |
| Thuế nhà đất, tiền thuê đất   | (328.898.620)             | -                                | 5.857.839.121   | (5.571.765.206)   | (280.115.578)   | 237.290.873     |
| Thuế bảo vệ môi trường        | -                         | 185.023.000                      | 46.083.395.972  | (38.995.848.648)  | -               | 7.272.570.324   |
| Các loại thuế khác            | -                         | 54.842.236                       | 14.268.538.652  | (14.323.380.888)  | -               | -               |
| Phí, lệ phí và các khoản khác | -                         | 2.394.609.877                    | 36.338.395.793  | (37.196.491.902)  | -               | 1.536.513.768   |
|                               | (2.673.322.096)           | 102.462.696.442                  | 619.948.128.203 | (607.598.534.800) | (1.307.409.037) | 113.446.376.786 |

23. Chi phí phải trả ngắn hạn

|   | 1/1/2023 VND    | 31/12/2023 VND  |
|---|-----------------|-----------------|
| Chi phí trích trước lãi vay   | 80.162.599.231  | 63.043.534.451  |
| Chi phí trích trước cho các công trình xây lắp và sản xuất công nghiệp    | 126.302.653.086 | 14.333.821.819  |
| Chi phí trích trước cho các công trình thủy điện và phong điện hoàn thành | 104.628.991.869 | 93.386.367.366  |
| Chi phí trích trước công trình xây dựng nhà máy khoáng sản hoàn thành     | -               | 25.243.009.226  |
| Chi phí phải trả khác   | 18.902.301.306  | 20.861.405.016  |
|   | 329.996.545.492 | 216.868.137.878 |

24. Phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

|  | 1/1/2023 VND   | 31/12/2023 VND  |
|--|----------------|-----------------|
| Kinh phí công đoàn                                   | 1.946.967.580  | 2.127.550.317   |
| Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp | 455.860.231    | 1.273.002.527   |
| Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn                        | 1.121.825.863  | 2.918.719.672   |
| Phải trả các đội xây lắp, ban chỉ huy công trình     | 3.708.222.705  | 22.291.589.264  |
| Phải trả tiền bảo trì dự án bất động sản             | 1.440.307.926  | 1.922.165.960   |
| Cổ tức, lợi nhuận phải trả                           | 356.169.000    | 37.940.430.492  |
| Phải trả về thư tín dụng trả chậm (UPAS LC)          | -              | 15.529.179.387  |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác                    | 10.422.510.878 | 18.221.078.056  |
|  | 19.451.864.183 | 102.223.715.675 |

(b) Phải trả dài hạn khác

|                              | 1/1/2023 VND   | 31/12/2023 VND |
|------------------------------|----------------|----------------|
| Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn | 11.297.283.088 | 10.845.031.988 |

25. vay

(a) Vay ngắn hạn

|   | Biến động trong năm                         |   |
|---|---|---|
|   | 1/1/2023                                    | 31/12/2023                                  |
|   | Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND | Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND |
| Vay ngắn hạn                                | 3.231.035.358.111                           | 3.231.035.358.111                           |
|   | Tăng VND                                    | Giảm VND                                    |
|   | 5.514.940.650.896                           | (6.653.597.214.163)                         |
| Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 25(b)) | 446.229.109.963                             | 446.229.109.963                             |
|   | Tăng VND                                    | Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện VND        |
|   | 741.398.563.981                             | 3.114.364.104                               |
| Nợ gốc thuê tài chính đến hạn trả           | -   | -   |
|   | 1.586.588.808                               | -   |
|   | (7.099.826.302.500)                         | 2.838.478.333.363                           |
|   | 3.677.264.468.074                           | 3.677.264.468.074                           |

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

|   | Loại tiền | 1/1/2023 VND      | 31/12/2023 VND    |
|---|-----------|-------------------|-------------------|
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam                                     | VND       | 1.229.103.789.698 | 774.440.817.954   |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam                            | VND       | 264.811.396.169   | 228.883.383.427   |
| Ngân hàng BNP Paribas – Chi nhánh Hà Nội                                | VND       | 436.326.026.864   | 283.545.093.202   |
| Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC                                      | VND       | 562.870.172.288   | 227.759.337.190   |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam                                    | VND       | 305.917.475.964   | 215.792.607.518   |
| Ngân hàng Bank of China (Hong Kong) Limited – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh | VND       | 138.893.055.823   | 115.608.041.597   |
| Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam   | VND       | -                 | 128.988.248.251   |
| Ngân hàng TNHH MTV Woori Bank – Chi nhánh Hoàn Kiếm                     | VND       | -                 | 53.591.299.638    |
| Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam                                     | VND       | 166.966.190.893   | 4.853.534.209     |
| Renova Renewables Vietnam 1 Pte. Ltd.                                   | USD       | 98.394.146.028    | -                 |
| Ngân hàng TMCP Quân đội   | VND       | 3.285.784.384     | 2.258.907.851     |
| Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam                                     | USD       | 12.127.320.000    | -                 |
| Các đối tượng khác  | VND       | 12.340.000.000    | 56.657.524.007    |
|   |           | 3.231.035.358.111 | 2.092.378.794.844 |

Các khoản vay ngắn hạn có thời hạn vay từ 6 tháng đến dưới 12 tháng và không có tài sản bảo đảm.

(b) Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính dài hạn

|   | 1/1/2023 VND      | 31/12/2023 VND    |
|---|-------------------|-------------------|
| Vay dài hạn (i)   | 7.547.420.389.793 | 7.461.804.212.519 |
| Trái phiếu thường (ii)                                    | 1.179.165.749.777 | 1.183.899.763.518 |
| Nợ thuê tài chính   | 3.832.765.316     | 2.401.737.458     |
|   | 8.730.418.904.886 | 8.648.105.713.495 |
| Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 25(a)) | (446.229.109.963) | (746.099.538.519) |
| Khoản đến hạn trả sau 12 tháng                            | 8.284.189.794.923 | 7.902.006.174.976 |

(i) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:



Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất  
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| Loại tiền                                    | Lãi suất năm | Năm đáo hạn | Tài sản đảm bảo  | 31/12/2023<br>VND | 01/01/2023<br>VND |
|--|--------------|-------------|--|-------------------|-------------------|
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam         | VND          | (*)         | Tài sản hình thành từ Dự án Thủy điện Bảo Lâm 3              | 310.709.898.607   | 346.709.898.607   |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam | VND          | (**)        | Tài sản hình thành từ Dự án Thủy điện Trung Thu              | 269.328.000.000   | 325.438.000.000   |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam | VND          | (*)         | Tài sản hình thành từ Dự án Thủy điện Sóng Nghiệm 4          | 148.000.000.000   | 160.000.000.000   |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam          | VND          | 10,7%       | Cầu 800 tấn ZCC9800W   | 55.900.000.000    | 68.300.000.000    |
| Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam          | VND          | (**)        | Tài sản hình thành từ Dự án Thủy điện Bảo Lâm 1              | 386.968.395.700   | 428.768.395.700   |
| Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam          | VND          | (*)         | Tài sản hình thành từ Dự án Thủy điện Mông An                | 386.100.000.000   | 437.580.000.000   |
| Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam          | VND          | (*)         | Tài sản hình thành từ Dự án Thủy điện Bảo Lâm 3A             | 152.212.523.972   | 152.212.523.972   |
| Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam          | VND          | (*)         | Tài sản hình thành từ Dự án Thủy điện Bảo Lạc B              | 305.034.568.179   | 335.082.568.179   |
| Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam          | VND          | (*)         | Tài sản hình thành từ Dự án Nhà máy Tuyển quặng Niken - Đồng | 983.905.248.588   | 922.730.554.943   |
| Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam          | VND          | (*)         | Tài sản hình thành từ Dự án Nhà máy Mạ kẽm Thái Nguyên       | 54.573.185.348    | 59.279.968.311    |

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất  
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| Loại tiền                                    | Lãi suất năm | Năm đáo hạn   | Tài sản đảm bảo  | 31/12/2023<br>VND | 01/01/2023<br>VND |
|--|--------------|---|--|-------------------|-------------------|
| Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam          | VND          | (*)   | Xe ô tô Ford Everest   | 436.065.590       | 622.950.830       |
| Asian Development Bank - A Loan              | USD          | 5,52%   | Tài sản hình thành từ Dự án Điện gió Liên Lập, Phong Huy, Phong Nguyên | 773.582.431.955   | 798.276.482.626   |
| Asian Development Bank - B Loan              | USD          | Lãi suất thả nổi: Libor kỳ hạn 3 tháng cộng biên độ | Tài sản hình thành từ Dự án Điện gió Liên Lập, Phong Huy, Phong Nguyên | 1.790.290.700.012 | 1.847.439.809.108 |
| Export Finance Australia                     | USD          | 4,65% - 5,02%                                       | Tài sản hình thành từ Dự án Điện gió Liên Lập, Phong Huy, Phong Nguyên | 707.275.348.923   | 729.852.772.256   |
| Japan International Cooperation Agency       | USD          | Lãi suất thả nổi: Libor kỳ hạn 6 tháng cộng biên độ | Tài sản hình thành từ Dự án Điện gió Liên Lập, Phong Huy, Phong Nguyên | 552.558.844.932   | 570.197.464.548   |
| Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam            | VND          | 9,0%  | Không có tài sản bảo đảm   | 364.929.000.713   | 364.929.000.713   |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam | VND          | 4,2%  | Không có tài sản bảo đảm   | 100.000.000.000   | -                 |
| Các cá nhân khác                             | VND          | 5,0% - 6,0%   | Không có tài sản bảo đảm   | 120.000.000.000   | -                 |
| Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng        |              |   |  | 7.461.804.212.519 | 7.547.420.389.793 |
| Khoản đến hạn trả sau 12 tháng               |              |   |  | (744.512.949.711) | (446.229.109.963) |
|  |              |   |  | 6.717.291.262.808 | 7.101.191.279.830 |

Các khoản vay dài hạn từ một số ngân hàng được bảo đảm bằng tài sản cố hữu hình có giá trị còn lại là 9.404.831 triệu VND (1/1/2023: 8.420.086 triệu VND) (Thuyết minh 13) và xây dựng cơ bản dở dang có giá trị ghi sổ là 44.066 triệu VND (1/1/2023: 1.337.234 triệu VND) (Thuyết minh 16).

(\*) Các khoản vay này áp dụng lãi suất năm được xác định bằng lãi suất huy động tiết kiệm bằng VND kỳ hạn 12 tháng cộng biên độ.

(\*\*) Khoản vay này áp dụng lãi suất ưu đãi từ nguồn vốn hỗ trợ chương trình phát triển năng lượng tái tạo (REDP) của World Bank

(ii) Trái phiếu thường

|                                    | Loại tiền | Năm đáo hạn | 31/12/2023<br>VND | 1/1/2023<br>VND   |
|------------------------------------|-----------|-------------|-------------------|-------------------|
| Trái phiếu phát hành theo mệnh giá |           |             |                   |                   |
| Lô 1                               | VND       | 2027        | 300.000.000.000   | 300.000.000.000   |
| Lô 2                               | VND       | 2027        | 900.000.000.000   | 900.000.000.000   |
|                                    |           |             | 1.200.000.000.000 | 1.200.000.000.000 |
| Chi phí phát hành trái phiếu       |           |             | (16.100.236.482)  | (20.834.250.223)  |
| Trái phiếu đáo hạn sau 12 tháng    |           |             | 1.183.899.763.518 | 1.179.165.749.777 |

Các khoản trái phiếu này áp dụng lãi suất năm được xác định bằng lãi suất huy động tiết kiệm bằng VND kỳ hạn 12 tháng cộng biên độ.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, trái phiếu được bảo đảm bởi một số cổ phiếu phổ thông của Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 do một số cá nhân có liên quan nắm giữ và một số cổ phiếu phổ thông của Công ty Cổ phần Thủy điện Trung Thu và Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Miền Bắc do Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 sở hữu.

Mục đích phát hành trái phiếu dài hạn là để đầu tư vào lĩnh vực phát triển bất động sản khu công nghiệp thông qua việc nhận chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần Western Pacific từ các cổ đông hiện hữu và mua cổ phần phát hành mới, bao gồm cả việc bù đắp nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty đã sử dụng để thực hiện giao dịch này, và bổ sung vốn lưu động của Công ty.

## 26. Các khoản dự phòng

Biến động của các khoản dự phòng trong năm như sau:

|                              | Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa VND | Dự phòng bảo hành công trình xây dựng VND | Dự phòng trợ cấp thôi việc VND | Tổng cộng VND    |
|------------------------------|---|---|--------------------------------|------------------|
| Số dư đầu năm                | 22.322.127.619                          | 8.500.082.010                             | 1.678.562.975                  | 32.500.772.604   |
| Dự phòng trích lập trong năm | 31.213.427.933                          | -   | -                              | 31.213.427.933   |
| Dự phòng sử dụng trong năm   | (144.033.635)                           | -   | (164.571.107)                  | (308.604.742)    |
| Hoàn nhập dự phòng trong năm | (14.335.879.127)                        | (5.382.018.313)                           | (149.412.207)                  | (19.867.309.647) |
| Số dư cuối năm               | 39.055.642.790                          | 3.118.063.697                             | 1.364.579.661                  | 43.538.286.148   |
| Trong đó:                    |   |   |                                |                  |
| Dự phòng phải trả ngắn hạn   | 9.405.730.805                           | 3.118.063.697                             | -                              | 12.523.794.502   |
| Dự phòng phải trả dài hạn    | 29.649.911.985                          | -   | 1.364.579.661                  | 31.014.491.646   |
|                              | 39.055.642.790                          | 3.118.063.697                             | 1.364.579.661                  | 43.538.286.148   |

## 27. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng, phúc lợi cho nhân viên của Công ty và các công ty con theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty và các công ty con. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

|                     | 2023<br>VND      | 2022<br>VND      |
|---------------------|------------------|------------------|
| Số dư đầu năm       | 147.348.887.255  | 134.829.258.399  |
| Trích lập trong năm | 71.395.955.734   | 50.497.109.524   |
| Sử dụng trong năm   | (34.052.117.239) | (37.977.480.668) |
| Số dư cuối năm      | 184.692.725.750  | 147.348.887.255  |



Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất  
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

28. Thay đổi vốn chủ sở hữu

|  | Vốn cổ phần<br>VND | Thặng dư vốn<br>cổ phần<br>VND | Vốn khác của<br>chủ sở hữu<br>VND | Cổ phiếu<br>quỹ<br>VND | Chênh lệch<br>đánh giá lại<br>tài sản<br>VND | Chênh lệch<br>tỷ giá<br>hối đoái<br>VND | Quý đầu tư<br>phát triển<br>VND | Quý khác thuộc<br>vốn chủ sở hữu<br>VND | Lợi nhuận sau thuế<br>chưa phân phối<br>VND | Lợi ích cổ đông<br>không kiểm soát<br>VND | Tổng cộng<br>VND  |
|--|--------------------|--------------------------------|-----------------------------------|------------------------|--|---|---------------------------------|---|---|---|-------------------|
| Số dư tại ngày<br>1/1/2023   | 2.351.596.490.000  | 711.136.556.786                | 22.906.800.000                    | -                      | 708.285.511                                  | -                                       | 244.289.305.040                 | 65.313.759.426                          | 1.305.280.035.901                           | 1.579.604.809.575                         | 6.280.836.042.239 |
| Chia cổ tức bằng cổ<br>phiếu (i)                                   | 352.733.530.000    | -                              | -                                 | -                      | -  | -                                       | -                               | -                                       | (352.733.530.000)                           | -   | -                 |
| Tăng vốn góp tại<br>công ty con                                    | -                  | -                              | -                                 | -                      | -  | -                                       | -                               | -                                       | -   | 97.424.400.000                            | 97.424.400.000    |
| Lợi nhuận thuần trong<br>năm                                       | -                  | -                              | -                                 | -                      | -  | -                                       | -                               | -                                       | 459.825.388.155                             | 77.106.515.568                            | 536.931.903.723   |
| Trích quỹ khen<br>thưởng, phúc lợi                                 | -                  | -                              | -                                 | -                      | -  | -                                       | -                               | -                                       | (49.074.558.865)                            | (1.422.550.659)                           | (50.497.109.524)  |
| Trích quỹ đầu tư phát<br>triển                                     | -                  | -                              | -                                 | -                      | -  | -                                       | 16.754.289.769                  | -                                       | (16.754.289.769)                            | -   | -                 |
| Trích quỹ bổ sung<br>vốn điều lệ                                   | -                  | -                              | -                                 | -                      | -  | -                                       | -                               | 104.400.955                             | (104.400.955)                               | -   | -                 |
| Phân phối lợi nhuận,<br>chia cổ tức tại công<br>ty con             | -                  | -                              | 6.120.000.000                     | -                      | -  | -                                       | -                               | -                                       | (6.120.000.000)                             | (40.002.442.467)                          | (40.002.442.467)  |
| Tặng do mua công<br>ty con   | -                  | -                              | -                                 | -                      | -  | -                                       | -                               | -                                       | -   | 352.316.678.800                           | 352.316.678.800   |
| Chênh lệch tỷ giá hối<br>đoái do quy đổi đơn<br>vị tiền tệ báo cáo | -                  | -                              | -                                 | -                      | -  | (116.709.425)                           | -                               | -                                       | -   | -   | (116.709.425)     |
| Tặng/(giảm) khác   | -                  | -                              | -                                 | -                      | -  | -                                       | 28.498.142                      | -                                       | 4.214.021.501                               | (8.389.199.618)                           | (4.146.679.975)   |
| Số dư tại ngày<br>1/1/2023 (chuyển<br>sang trang sau)              | 2.704.330.020.000  | 711.136.556.786                | 29.026.800.000                    | -                      | 708.285.511                                  | (116.709.425)                           | 261.072.092.951                 | 65.418.160.381                          | 1.344.532.665.968                           | 2.056.638.211.199                         | 7.172.746.083.371 |

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất  
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

|   | Vốn cổ phần<br>VND | Thặng dư vốn<br>cổ phần<br>VND | Vốn khác của<br>chủ sở hữu<br>VND | Chênh lệch đánh<br>giá lại tài sản<br>VND | Chênh lệch tỷ giá<br>hối đoái<br>VND | Quý đầu tư<br>phát triển<br>VND | Quý khác thuộc<br>vốn chủ sở hữu<br>VND | Lợi nhuận sau thuế<br>chưa phân phối<br>VND | Lợi ích cổ đông<br>không kiểm soát<br>VND | Tổng cộng<br>VND  |
|---|--------------------|--------------------------------|-----------------------------------|---|--------------------------------------|---------------------------------|---|---|---|-------------------|
| Số dư tại ngày 1/1/2023 (mang<br>sang từ trang trước)   | 2.704.330.020.000  | 711.136.556.786                | 29.026.800.000                    | 708.285.511                               | (116.709.425)                        | 261.072.092.951                 | 65.418.160.381                          | 1.344.532.665.968                           | 2.056.638.211.199                         | 7.172.746.083.371 |
| Tăng vốn tại công ty con bằng lợi<br>nhuận sau thuế chưa phân phối và<br>các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu | -                  | -                              | 23.051.946.468                    | -   | -                                    | (2.879.601.168)                 | (14.627.261)                            | (20.157.718.039)                            | -   | -                 |
| Tăng vốn góp tại công ty con  | -                  | -                              | -                                 | -   | -                                    | -                               | -                                       | -   | 3.213.643.532                             | 3.213.643.532     |
| Chia cổ tức bằng<br>cổ phiếu (i)  | 405.625.560.000    | -                              | -                                 | -   | -                                    | -                               | -                                       | (405.625.560.000)                           | -   | -                 |
| Lợi nhuận thuần trong năm   | -                  | -                              | -                                 | -   | -                                    | -                               | -                                       | 139.972.323.571                             | 163.060.665.930                           | 303.032.989.501   |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi   | -                  | -                              | -                                 | -   | -                                    | -                               | -                                       | (70.711.269.837)                            | (684.685.897)                             | (71.395.955.734)  |
| Trích quỹ đầu tư phát triển   | -                  | -                              | -                                 | -   | -                                    | 34.532.668.031                  | -                                       | (34.532.668.031)                            | -   | -                 |
| Chia cổ tức tại công ty con   | -                  | -                              | -                                 | -   | -                                    | -                               | -                                       | -   | (161.815.088.795)                         | (161.815.088.795) |
| Biến động do thay đổi vốn chủ sở<br>hữu của công ty liên kết  | -                  | -                              | -                                 | -   | -                                    | -                               | -                                       | (1.188.616.282)                             | -   | (1.188.616.282)   |
| Thoái một phần vốn tại công ty<br>con nhưng vẫn nắm quyền kiểm<br>soát                                | -                  | -                              | (5.231.673.026)                   | -   | -                                    | -                               | -                                       | 7.399.664.309                               | 26.304.385.185                            | 28.472.376.468    |
| Chênh lệch tỷ giá hối đoái do<br>quy đổi<br>đơn vị tiền tệ báo cáo                                    | -                  | -                              | -                                 | -   | 221.878.783                          | -                               | -                                       | -   | -   | 221.878.783       |
| Thù lao HĐQT  | -                  | -                              | -                                 | -   | -                                    | -                               | -                                       | (2.890.000.000)                             | -   | (2.890.000.000)   |
| Số dư tại ngày 31/12/2023   | 3.109.955.580.000  | 711.136.556.786                | 46.847.073.442                    | 708.285.511                               | 105.169.358                          | 292.725.159.814                 | 65.403.533.120                          | 956.798.821.659                             | 2.086.717.131.154                         | 7.270.397.310.844 |

(i) Tại cuộc họp ngày 26 tháng 4 năm 2023, Đại hội đồng của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức bằng cổ phiếu trị giá 405.625.560.000 VND từ lợi nhuận sau thuế năm 2022, tương ứng với tỷ lệ 15% trên mệnh giá (năm 2022: cổ tức bằng cổ phiếu trị giá 352.733.530.000 VND từ lợi nhuận sau thuế năm 2021, tương ứng với tỷ lệ 15% trên mệnh giá).

## 29. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

|   | 31/12/2023  |                   | 01/01/2023  |                   |
|---|-------------|-------------------|-------------|-------------------|
|   | Số cổ phiếu | VND               | Số cổ phiếu | VND               |
| Vốn cổ phần được duyệt                          | 310.995.558 | 3.109.955.580.000 | 270.433.002 | 2.704.330.020.000 |
| Vốn cổ phần đã phát hành<br>Cổ phiếu phổ thông  | 310.995.558 | 3.109.955.580.000 | 270.433.002 | 2.704.330.020.000 |
| Số cổ phiếu đang lưu hành<br>Cổ phiếu phổ thông | 310.995.558 | 3.109.955.580.000 | 270.433.002 | 2.704.330.020.000 |

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

## 30. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

|                            | 31/12/2023<br>VND | 01/01/2023<br>VND |
|----------------------------|-------------------|-------------------|
| Trong vòng một năm         | 8.103.354.214     | 8.588.148.392     |
| Trong vòng hai đến năm năm | 21.353.478.791    | 17.298.712.921    |
| Sau năm năm                | 21.380.860.579    | 20.544.804.591    |
|                            | 50.837.693.584    | 46.431.665.904    |

(b) Ngoại tệ

|          | 31/12/2023 |                 | 01/01/2023 |                 |
|----------|------------|-----------------|------------|-----------------|
|          | Nguyên tệ  | Tương đương VND | Nguyên tệ  | Tương đương VND |
| Kíp Lào  | 602.363    | 409.607i        | -          | -               |
| Đô la Úc | 236.216    | 3.896.971.349   | -          | -               |
| Đô la Mỹ | 26.991.418 | 648.611.902.269 | 24.542.086 | 576.132.269.382 |

(c) Nợ khó đòi đã xử lý

|   | Nguyên nhân<br>xóa sổ     | Năm xóa sổ | 31/12/2023<br>VND | 01/01/2023<br>VND |
|---|---------------------------|------------|-------------------|-------------------|
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển DHT Việt Nam | Không có khả năng thu hồi | 2021       | 1.396.500.000     | 1.396.500.000     |
| Công ty TNHH Dịch vụ Phú Giang                    | Không có khả năng thu hồi | 2021       | 216.700.000       | 216.700.000       |
| Công ty AG Ajikawa Corporation                    | Không có khả năng thu hồi | 2006       | 12.373.726.137    | 12.373.726.137    |
| Các đối tượng khác                                | Không có khả năng thu hồi | 2007       | 1.285.920.000     | 1.285.920.000     |
|   |                           |            | 15.272.846.137    | 15.272.846.137    |



### 31. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

|  | 2023<br>VND       | 2022<br>VND       |
|--|-------------------|-------------------|
| Doanh thu hoạt động xây lắp và thiết bị ngành điện | 2.607.422.011.497 | 4.863.937.419.761 |
| Doanh thu hoạt động sản xuất công nghiệp           | 1.166.132.058.047 | 645.458.921.428   |
| Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư           | 26.903.425.827    | 27.783.306.322    |
| Doanh thu chuyển nhượng bất động sản               | 160.297.723.757   | 23.049.449.281    |
| Doanh thu bán điện                                 | 1.460.798.810.292 | 1.715.214.147.037 |
| Doanh thu bán hàng hóa, vật tư                     | 994.824.547.901   | 956.608.926.162   |
| Doanh thu khai thác, vận hành khu công nghiệp      | 614.102.201.835   | 79.567.779.381    |
| Doanh thu bán khoáng sản                           | 705.356.954.263   | -                 |
| Doanh thu khác                                     | 39.402.050.449    | 45.982.520.952    |
|  | 7.775.239.783.868 | 8.357.602.470.324 |

### 32. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

|  | 2023<br>VND       | 2022<br>VND       |
|--|-------------------|-------------------|
| Giá vốn hoạt động xây lắp và thiết bị ngành điện     | 2.372.274.698.716 | 4.346.622.956.257 |
| Giá vốn hoạt động sản xuất công nghiệp               | 1.048.752.856.813 | 591.583.389.885   |
| Giá vốn kinh doanh bất động sản đầu tư               | 8.699.335.901     | 8.925.577.774     |
| Giá vốn chuyển nhượng bất động sản                   | 99.433.178.443    | 14.842.513.324    |
| Giá vốn bán điện                                     | 724.542.698.502   | 753.927.624.279   |
| Giá vốn bán hàng hóa, vật tư                         | 976.253.338.260   | 933.213.028.354   |
| Giá vốn khai thác, vận hành khu công nghiệp          | 475.527.762.175   | 66.215.473.545    |
| Giá vốn bán khoáng sản                               | 465.085.438.294   | -                 |
| Giá vốn khác   | 31.282.682.219    | 40.677.367.966    |
| Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho | (7.716.745.172)   | 7.087.593.461     |
|  | 6.194.135.244.151 | 6.763.095.524.845 |

### 33. Doanh thu hoạt động tài chính

|   | 2023<br>VND     | 2022<br>VND    |
|---|-----------------|----------------|
| Lãi tiền gửi, lãi cho vay   | 124.286.757.899 | 83.368.697.832 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện  | 37.054.307.890  | 5.816.195.867  |
| Lãi bán hàng trả chậm chiết khấu thanh toán   | 14.026.085.555  | 5.130.852.925  |
| Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện  | 3.107.431.620   | 693.106.470    |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia   | 4.081.031.891   | 185.641.052    |
| Lãi do đánh giá lại khoản đầu tư khi tăng vốn từ công ty liên kết thành công ty con | -               | 9.286.200      |
| Doanh thu hoạt động tài chính khác  | 138.398.333     | 11.527         |
|   | 182.694.013.188 | 95.203.791.873 |

### 34. Chi phí tài chính

|                                      | 2023<br>VND     | 2022<br>VND     |
|--------------------------------------|-----------------|-----------------|
| Chi phí lãi vay                      | 843.641.541.921 | 605.030.533.904 |
| Chi phí phát hành trái phiếu         | 4.734.013.741   | 3.111.204.322   |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện    | 3.856.016.464   | 6.268.139.990   |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện  | 91.936.011.969  | 131.242.331.582 |
| Dự phòng tổn thất đầu tư             | 220.390.619     | 787.237.329     |
| Chi phí khác liên quan đến khoản vay | 22.578.035.297  | 18.982.306.339  |
| Chi phí tài chính khác               | 364.841.845     | 1.275.506.441   |
|                                      | 967.330.851.856 | 766.697.259.907 |

### 35. Chi phí bán hàng

|   | 2023<br>VND    | 2022<br>VND      |
|---|----------------|------------------|
| Chi phí nguyên vật liệu                                   | 40.769.833     | 16.938.279       |
| Chi phí nhân công   | 4.112.300.895  | 1.696.037.518    |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài                                 | 29.996.039.972 | 10.619.543.062   |
| Chi phí khác bằng tiền                                    | 4.954.074.566  | 1.785.691.861    |
| (Hoàn nhập)/trích lập dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa | 16.877.548.806 | (22.509.218.729) |
|   | 55.980.734.072 | (8.391.008.009)  |

### 36. Chi phí quản lý doanh nghiệp

|   | 2023<br>VND     | 2022<br>VND     |
|---|-----------------|-----------------|
| Chi phí nguyên vật liệu                         | 9.023.242.874   | 9.726.303.458   |
| Chi phí nhân công                               | 178.720.392.234 | 155.722.561.279 |
| Chi phí khấu hao và phân bổ                     | 56.473.218.386  | 43.347.155.146  |
| (Hoàn nhập)/trích lập dự phòng phải thu khó đòi | 5.380.165.276   | (906.381.073)   |
| Thuế, phí, lệ phí                               | 4.860.721.118   | 6.595.763.560   |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài                       | 51.686.039.621  | 36.463.522.861  |
| Chi phí khác bằng tiền                          | 29.065.174.568  | 34.332.378.497  |
|   | 335.208.954.077 | 285.281.303.728 |

### 37. Thu nhập khác

|  | 2023<br>VND    | 2022<br>VND    |
|--|----------------|----------------|
| Tiền bồi thường nhận được từ các đơn vị khác   | 397.179.895    | 10.728.715.716 |
| Lãi từ thanh lý tài sản cố định                | 1.492.833.632  | 2.651.661.223  |
| Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình xây lắp | 5.382.018.313  |                |
| Thu nhập khác                                  | 3.523.618.906  | 6.349.270.552  |
|  | 10.795.650.746 | 19.729.647.491 |

### 38. Chi phí khác

|   | 2023<br>VND    | 2022<br>VND    |
|---|----------------|----------------|
| Phân bổ quyền khai thác khoáng sản                  | 11.366.701.126 | 45.466.804.505 |
| Chi phí phân bổ quyền sử dụng khu đất 120 Định Công | 4.050.983.743  | 4.050.983.742  |
| Chi phí khác  | 13.315.206.746 | 11.587.479.006 |
|   | 28.732.891.615 | 61.105.267.253 |

### 40. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

|                                  | 2023<br>VND       | 2022<br>VND       |
|----------------------------------|-------------------|-------------------|
| Chi phí nguyên vật liệu          | 1.653.911.421.551 | 2.598.054.469.461 |
| Chi phí nhân công                | 400.639.911.030   | 325.205.860.154   |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 763.378.294.562   | 593.101.194.939   |
| (Hoàn nhập)/trích lập dự phòng   | 8.618.981.204     | (17.762.786.386)  |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 2.666.982.254.664 | 2.521.558.611.471 |
| Chi phí khác                     | 176.304.617.375   | 129.042.298.095   |
|                                  | 5.669.835.480.386 | 6.149.199.647.734 |

### 40. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

|  | 2023<br>VND     | 2022<br>VND      |
|--|-----------------|------------------|
| Chi phí thuế hiện hành   |                 |                  |
| Năm hiện hành  | 77.519.561.152  | 132.730.636.595  |
| Dự phòng thiếu trong những năm trước   | 12.876.801.694  | 1.217.738.427    |
|  | 90.396.362.846  | 133.948.375.022  |
| (Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hoãn lại<br>Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời | (4.511.197.107) | (65.435.335.150) |
|  | 85.885.165.739  | 68.513.039.872   |



(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

|   | 2023<br>VND      | 2022<br>VND      |
|---|------------------|------------------|
| Lợi nhuận kế toán trước thuế  | 388.918.155.240  | 605.444.943.595  |
| Ảnh hưởng của bút toán hợp nhất không làm phát sinh chênh lệch tạm thời | 77.783.631.048   | 121.088.988.719  |
| Thu nhập không bị tính thuế   | 9.101.923.739    | 7.362.629.413    |
| Biến động chênh lệch tạm thời không được ghi nhận                       | -                | (1.857.240)      |
| Chi phí không được khấu trừ thuế  | 27.265.259.748   | (21.960.987)     |
| Ưu đãi thuế   | 2.478.022.148    | 3.719.212.529    |
| Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trên lỗ tính thuế     | (49.376.581.072) | (66.620.337.499) |
| Ảnh hưởng của mức thuế suất khác tại công ty con                        | 6.042.995.888    | 2.696.977.536    |
| Dự phòng thiếu trong những năm trước                                    | (520.390.729)    | -                |
| Khác  | 12.876.801.694   | 1.217.738.427    |
|   | 85.885.165.739   | 68.513.039.872   |

(c) Thuế suất áp dụng

Theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, ngoài các ưu đãi thuế sau đây, Công ty và các công ty con tại Việt Nam có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

- Đối với Dự án Thủy điện Bảo Lâm 1, Công ty được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trong 15 năm (từ 2017 đến 2031) và mức thuế suất thông thường cho các năm tiếp theo. Các quy định hiện hành về thuế cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên dự án Thủy điện Bảo Lâm 1 có lợi nhuận chịu thuế (từ 2017 đến 2020) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (từ 2021 đến 2029).
- Đối với Dự án Thủy điện Bảo Lâm 3 và Bảo Lâm 3A, Công ty được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trong 15 năm (từ 2017 đến 2031) và mức thuế suất thông thường cho các năm tiếp theo. Các quy định hiện hành về thuế cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên dự án Thủy điện Bảo Lâm 3 và Bảo Lâm 3A có lợi nhuận chịu thuế (từ 2018 đến 2021) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (từ 2022 đến 2030).
- Đối với Dự án Thủy điện Bảo Lạc B và Sông Nhiệm 4, Công ty được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trong 15 năm (từ 2020 đến 2034) và mức thuế suất thông thường cho các năm tiếp theo. Các quy định hiện hành về thuế cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên dự án Thủy điện Bảo Lạc B và Sông Nhiệm 4 có lợi nhuận chịu thuế (từ 2021 đến 2024) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (từ 2025 đến 2033).
- Đối với Dự án Thủy điện Trung Thu, Công ty Cổ phần Thủy điện Trung Thu, một công ty con của Công ty, được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trong 15 năm (từ 2017 đến 2031) và mức thuế suất thông thường cho các năm tiếp theo. Các quy định hiện hành về thuế cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên dự án Thủy điện Trung Thu có lợi nhuận chịu thuế (từ 2017 đến 2020) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (từ 2021 đến 2029).

- Đối với Dự án Thủy điện Mông Ân, Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Miền Bắc, một công ty con của Công ty, được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trong 15 năm (từ 2020 đến 2034) và mức thuế suất thông thường cho các năm tiếp theo. Các quy định hiện hành về thuế cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên dự án Thủy điện Mông Ân có lợi nhuận chịu thuế (từ 2020 đến 2023) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (từ 2024 đến 2032).
- Đối với Dự án Phong điện Liên Lập, Phong Nguyên, Phong Huy, Công ty Cổ phần Điện gió Liên Lập, Công ty Cổ phần Điện gió Phong Nguyên, Công ty Cổ phần Điện gió Phong Huy, các công ty con của Công ty, được hưởng suất thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% lợi nhuận chịu thuế trong 15 năm đầu tính từ năm hoạt động đầu tiên và mức thuế suất thông thường cho các năm tiếp theo. Các quy định hiện hành về thuế cho phép các công ty con này được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm tròn năm đầu tiên các dự án điện gió có lợi nhuận chịu thuế (từ 2022 đến 2025) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (từ 2026 đến 2034).
- Đối với Dự án Khu Công nghiệp Nhật Bản - Hải Phòng, Công ty Phát triển Khu Công nghiệp Nhật Bản - Hải Phòng, một công ty con cấp 2 của Công ty, được hưởng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% tính trên thu nhập chịu thuế từ các hoạt động đầu tư, xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng, tiện ích và cung cấp dịch vụ cần thiết cho hoạt động của Khu Công nghiệp.
- Đối với Dự án của Công ty Cổ phần Cột thép Mạ kẽm Thái Nguyên, một công ty con cấp 2 của Công ty, được hưởng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 17% trên lợi nhuận tính thuế trong thời hạn 10 năm tính từ năm đầu tiên có doanh thu dự án đầu tư. Các quy định hiện hành về thuế cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (năm 2021 và 2022) và giảm 50% số thuế trong 4 năm tiếp theo (từ năm 2023 đến 2026).

41. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi ước tính cho kỳ kế toán năm báo cáo và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

|  | 2023<br>VND      | 2022<br>Đã điều chỉnh lại | 2022<br>Theo báo cáo trước đây |
|--|------------------|---------------------------|--------------------------------|
| Lợi nhuận thuần trong năm (VND)  | 139.972.323.571  | 459.825.388.155           | 459.825.388.155                |
| Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi ước tính (VND) (*)                          | (13.997.232.357) | (70.711.269.837)          | (49.074.558.865)               |
| Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông (VND)                                     | 125.975.091.214  | 389.114.118.318           | 410.750.829.290                |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm (số cổ phiếu) | 310.995.558      | 310.995.558               | 270.433.002                    |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)  | 405              | 1.251                     | 1.519                          |

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty tạm ước tính số lợi nhuận cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi bằng 10% lợi nhuận thuần trong năm 2023.

(b) Điều chỉnh lại lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Trong năm, Công ty và các công ty con đã phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty của năm 2022 với số tiền 70.711.269.837 VND. Vì vậy, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 để tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu bị thay đổi.

Ngoài ra trong năm 2023, Công ty đã trả cổ tức bằng cổ phiếu theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông số 01/BB-PC1-HĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2023. Theo đó, Đại hội đồng Cổ đông đã thông qua phương án phân phối cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ bằng 15% vốn điều lệ từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, tương đương 405.625.560.000 VND.

|  | 2023        | 2022<br>Đã điều chỉnh lại |
|--|-------------|---------------------------|
| Cổ phiếu phổ thông đã phát hành năm trước mang sang  | 270.433.002 | 235.159.649               |
| Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông phát hành thông qua trả cổ tức bằng cổ phiếu trong năm trước | -           | 35.273.353                |
| Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông phát hành thông qua trả cổ tức bằng cổ phiếu trong năm nay   | 40.562.556  | 40.562.556                |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12            | 310.995.558 | 310.995.558               |

Bảng so sánh lãi cơ bản trên cổ phiếu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được điều chỉnh lại như sau:

|                          | 2022                          |                   |                          |
|--------------------------|-------------------------------|-------------------|--------------------------|
|                          | Theo báo cáo trước đây<br>VND | Điều chỉnh<br>VND | Đã điều chỉnh lại<br>VND |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 1.519                         | (268)             | 1.251                    |

42. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm, Công ty và các công ty con có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan như sau:

|  | Giá trị giao dịch |               |
|--|-------------------|---------------|
|  | 2023 VND          | 2022 VND      |
| Thù lao và thưởng của Hội đồng Quản trị              |                   |               |
| Ông Trịnh Văn Tuấn                                   | 1.810.000.000     | 5.557.000.000 |
| Ông Vũ Ánh Dương                                     | 270.000.000       | 345.000.000   |
| Ông Võ Hồng Quang                                    | 270.000.000       | 345.000.000   |
| Ông Nguyễn Minh Đệ                                   | 270.000.000       | 345.000.000   |
| Ông Mai Lương Việt                                   | 270.000.000       | 345.000.000   |
| Lương, thưởng và phúc lợi khác của Ban Tổng Giám đốc |                   |               |
| Ông Vũ Ánh Dương                                     | 1.125.749.371     | 1.965.165.439 |
| Ông Võ Hồng Quang                                    | 871.136.214       | 1.449.997.571 |
| Ông Nguyễn Minh Đệ                                   | 1.180.868.000     | 1.131.850.000 |
| Ông Đặng Quốc Tường                                  | 994.540.361       | 1.816.681.299 |
| Ông Nguyễn Nhật Tân                                  | 878.279.634       | 1.130.577.650 |
| Ông Vũ Văn Tứ  | -                 | 52.165.000    |
| Thù lao của Ban Kiểm soát                            |                   |               |
| Bà Nguyễn Thị Hải Hà                                 | 72.000.000        | 72.000.000    |
| Ông Hoàng Văn Cường                                  | 24.000.000        | 24.000.000    |
| Ông Hoàng Văn Sáng                                   | 24.000.000        | 24.000.000    |

43. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

|  | 2023<br>VND     | 2022<br>VND     |
|--|-----------------|-----------------|
| Chia cổ tức bằng cổ phiếu                            | 405.625.560.000 | 352.733.530.000 |
| Vốn hóa chi phí khấu hao vào xây dựng cơ bản dở dang | 1.953.180.857   | 518.792.564     |

44. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2023 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

Người lập:

Phạm Thị Thanh Bình  
Người lập biểu

Người duyệt:

Trần Thị Minh Việt  
Kế toán trưởng

Wu Anh Dương  
Tổng Giám đốc




## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PC1

---

 Add: Tòa CT2, Số 583 Nguyễn Trãi,  
Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

 Tel: +84 24 38456329

 Fax: +84 24 38231997

 Email: [info@pc1group.vn](mailto:info@pc1group.vn)

 Website: <http://pc1group.vn/>